

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN, MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

---000---



# BẢN CÁO BẠCH

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/11/2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 05/05/2017)

### NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN

### SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số: **296/QĐ-SGDHCM** do Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày **11** tháng **08** năm 2017)

**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:**

#### 1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT

#### CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ



Địa chỉ: Lô đất CN4.3 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Điện thoại: (04) 3555 1669

Fax: (04) 3555 1671

Website: <http://phaleminerals.com.vn/>

#### 2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI



Địa chỉ: Tầng 3, TT Hội nghị công đoàn, số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.38181 888

Fax: 04.38181 888

Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Biên cơ hội thành giá trị

#### PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Trần Hải Yến

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Số điện thoại: 090 494 1080

# CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/11/2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 05/05/2017)

Địa chỉ liên hệ: Văn phòng Hà Nội - Tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội



## NIỆM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu:	<b>Cổ phiếu CTCPSản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê</b>
Loại cổ phiếu:	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>
Mã cổ phiếu:	<b>PLP</b>
Mệnh giá:	<b>10.000 đồng/cổ phiếu</b>
Tổng khối lượng niêm yết:	<b>15.000.000 cổ phiếu</b>
Tổng giá trị niêm yết:	<b>150.000.000.000 đồng</b>

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

#### CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON

Địa chỉ: Tầng 18, Tháp Quốc tế Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

Điện thoại: 024. 3850 1686

Website: [www.grantthornton.com.vn](http://www.grantthornton.com.vn)

### TỔ CHỨC TƯ VẤN

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 3, TT Hội nghị công đoàn, số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.38181888 Fax: 04.38181688

Website: <http://www.shs.com.vn>

## **MỤC LỤC**

<b>DANH MỤC BẢNG BIỂU .....</b>	<b>3</b>
<b>DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ.....</b>	<b>3</b>
<b>I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....</b>	<b>4</b>
1. Rủi ro về kinh tế .....	4
2. Rủi ro về pháp luật.....	6
3. Rủi ro đặc thù.....	7
4. Rủi ro biến động giá chứng khoán.....	9
5. Rủi ro khác.....	9
<b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH</b>	<b>10</b>
1. Tổ chức niêm yết .....	10
2. Tổ chức tư vấn .....	10
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM .....</b>	<b>11</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT .....</b>	<b>12</b>
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....	12
1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký niêm yết .....	12
1.2. Lịch sử hình thành và phát triển.....	13
1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ.....	14
2. Cơ cấu tổ chức công ty .....	16
3. Cơ cấu bộ máy quản lý .....	17
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông .....	21
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Nhựa Pha Lê, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Nhựa Pha Lê, những công ty mà Nhựa Pha Lê đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.....	22
6. Hoạt động kinh doanh.....	22
6.1. Giới thiệu về hoạt động kinh doanh chính của Công ty.....	22
6.2. Doanh thu, lợi nhuận qua các năm.....	30
6.3. Nguyên vật liệu .....	32
6.4. Chi phí sản xuất.....	33
6.5. Dự án đầu tư.....	34
6.6. Trình độ công nghệ .....	48
6.7. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	55
6.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ .....	56
6.9. Hoạt động Marketing .....	57
6.10. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	59
6.11. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	59

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....	60
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	61
8.1. Triển vọng phát triển của ngành .....	61
8.2. Vị thế của công ty trong ngành .....	64
8.3. Sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới .....	66
9. Chính sách đối với người lao động.....	68
10. Chính sách cổ tức.....	69
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	70
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản.....	70
11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	78
12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng .....	80
12.1. Hội đồng quản trị .....	80
12.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát .....	86
12.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý.....	90
13. Tài sản.....	92
13.1. Tài sản cố định .....	92
13.2. Tình hình sử dụng đất đai .....	92
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo.....	93
14.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2017-2018 .....	93
14.2. Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức .....	94
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	96
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	98
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết .....	98
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết .....	98
<b>V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT .....</b>	<b>99</b>
1. Loại chứng khoán .....	99
2. Mệnh giá.....	99
3. Tổng số chứng khoán niêm yết:.....	99
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng.....	99
5. Phương pháp tính giá.....	99
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	102
7. Các loại thuế có liên quan.....	103
<b>VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....</b>	<b>105</b>
<b>VII. PHỤ LỤC.....</b>	<b>105</b>

**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

Bảng 1 - Cơ cấu cổ đông.....	21
Bảng 2 - Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ.....	22
Bảng 3 - Cơ cấu doanh thu thuần.....	30
Bảng 4 - Cơ cấu lợi nhuận gộp .....	31
Bảng 5 – Danh sách các nhà cung cấp lớn.....	33
Bảng 6 – Cơ cấu chi phí qua các năm.....	33
Bảng 7 - Danh mục máy móc sử dụng tại xưởng nghiền tuyển đá.....	49
Bảng 8 - Thiết bị công nghệ sử dụng tại nhà máy Hải Phòng .....	52
Bảng 9 – Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty giai đoạn 2015- 2016.....	60
Bảng 10 - Cơ cấu lao động của công ty .....	68
Bảng 11 – Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty.....	70
Bảng 12 – Số dư các loại thuế phải nộp của Công ty .....	70
Bảng 13 – Tổng dư nợ vay của Công ty .....	71
Bảng 14 -Số dư các khoản phải thu .....	73
Bảng 15 – Số dư các khoản phải trả .....	74
Bảng 16– Tài sản ngắn hạn và dài hạn khác .....	74
Bảng 17 - Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của công ty.....	78
Bảng 18 - Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 30/06/2017.....	92
Bảng 19 - Diện tích đất đai Công ty đang quản lý, sử dụng.....	92

**DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ**

Sơ đồ 1 - Cơ cấu bộ máy quản lý công ty.....	16
Sơ đồ 2 - Quy trình sản xuất tổng quát .....	38
Sơ đồ 3 – Quy trình sản xuất chi tiết.....	39

## **I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

### **1. Rủi ro về kinh tế**

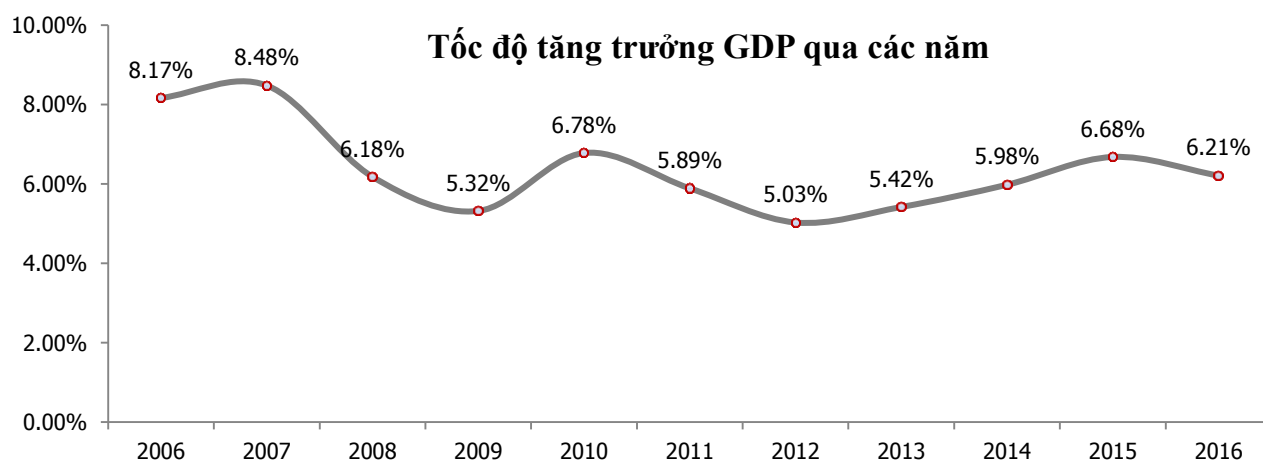
Rủi ro về kinh tế là loại rủi ro hệ thống thông qua những biến động như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất,... có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung. Vì vậy, việc phân tích các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế sẽ làm rõ mức độ tác động của loại rủi ro này cũng như đưa ra được các biện pháp hạn chế, khắc phục mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

#### *1.1.1. Tăng trưởng kinh tế*

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 2008 - 2012 phải đối mặt với những khó khăn, thách thức lớn như: (i) hàng chục nghìn doanh nghiệp phá sản, (ii) mặt bằng lãi suất cao, (iii) các tổ chức trung gian tài chính (trong đó tiêu biểu là các tổ chức tín dụng) phải đối mặt với việc tái cơ cấu hoặc/và thu hẹp quy mô hoạt động. Bước sang giai đoạn 2013-2014, tuy vẫn còn nhiều khó khăn nhưng kinh tế Việt Nam đã có những biến chuyển theo hướng tích cực hơn, mức tăng GDP cả năm 2013 đạt 5,52%, và tốc độ tăng GDP năm 2014 đạt 5,98%.

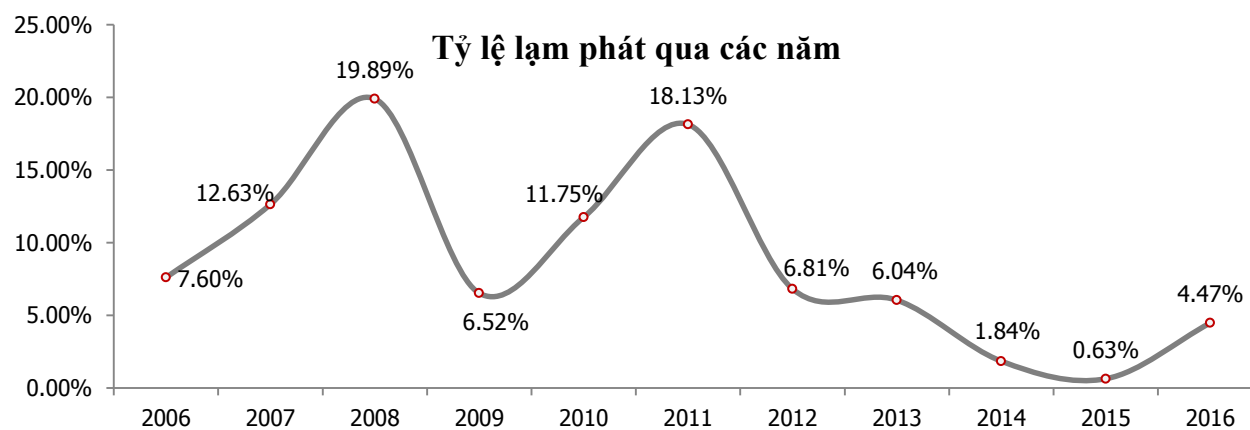
Bước sang năm 2015, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 6,68%, tốc độ tăng cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Năm 2016, tốc độ tăng trưởng GDP giảm nhẹ, chỉ đạt 6,21% không đạt mục tiêu Quốc hội đặt ra. Tuy nhiên, mức tăng trưởng GDP vẫn đạt trên 6%/năm, đây là một dấu hiệu khả quan cho thấy mặc dù tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn nhưng nền kinh tế nước ta đang tiếp tục phục hồi.



*Nguồn: Tổng cục Thống kê*



### 1.1.2. Lạm phát



*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

Với nỗ lực từ phía Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, cung tiền được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn đã kìm hãm được mức tăng của chỉ số CPI. Điều này được thể hiện khá rõ qua các báo cáo của Tổng cục thống kê về tình hình kinh tế xã hội Việt Nam năm 2013 và 2014. Theo báo cáo này, năm 2013 và năm 2014 chỉ số CPI bình quân chỉ còn tăng lần lượt là 6,04% và 1,84% so với năm 2012 và năm 2013. Năm 2015, lạm phát Việt Nam là 0,63%, mức thấp nhất trong 10 năm qua. Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy mục tiêu kiểm soát lạm phát và ổn định vĩ mô của Việt Nam đã phát huy tác dụng, nhờ vậy các doanh nghiệp có thể yên tâm phát triển sản xuất kinh doanh. Bước sang năm 2016, tỷ lệ lạm phát lại tăng trở lại, lên mức 4,47%. Mức lạm phát này chỉ ở mức trung bình và không ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty.

### 1.1.3. Lãi suất

Lãi suất là một trong những yếu tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lãi suất ngân hàng tăng cao sẽ gây áp lực lên chi phí tài chính và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế.

Hiện nay, lãi suất cho vay của các ngân hàng đang trong xu hướng giảm do lãi suất huy động VNĐ đang tiếp tục giảm nhẹ. Lãi suất huy động kỳ hạn dưới 6 tháng trong năm 2016 ở mức 5,5%/năm và 6-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng. Với mức lãi suất huy động như trên, lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại chỉ còn ở mức 9-11%/năm đối với vay ngắn hạn và 11,5-12,5% đối với vay trung/dài hạn cho lĩnh vực khác. Bên cạnh đó, mục tiêu của Ngân hàng Nhà nước còn tiếp tục giảm 0,3 – 0,5% lãi suất trung và dài hạn trong thời gian tới.

Các khoản vay hiện nay của Nhựa Pha Lê chủ yếu là vay dài hạn, với lãi suất dao động ở mức từ 7%/năm đến 11%/năm. Mục đích của những khoản vay này chủ yếu để phục vụ việc đầu tư dự án

mới của Công ty. Tuy lãi vay tạo ra gánh nặng tài chính, tuy nhiên những năm qua Công ty luôn thanh toán các khoản vay đúng hạn và luôn duy trì được mức đánh giá tín dụng tốt của các ngân hàng. Đồng thời, với triển vọng phát triển trong thời gian tới, ban lãnh đạo Nhựa Pha Lê tin tưởng rằng hoạt động của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng bởi các khoản vay này..

#### *1.1.4. Tỷ giá*

Giai đoạn 2013 - 2014, biên độ điều hành tỷ giá tăng đều đặn ở mức 2%/năm theo đúng như định hướng của Ngân hàng Nhà nước. Điều này đã góp phần tích cực ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì được sức mua của đồng Việt Nam, trong bối cảnh sức mua trong nước cũng đã được khôi phục.

Trong năm 2015, lường trước những thông tin Cục Dự trữ Liên bang Mỹ có thể điều chỉnh lãi suất vào tháng 9/2015 và sự phá giá đồng Nhân dân tệ, Ngân hàng Nhà nước đã có những chính sách điều chỉnh linh hoạt, ba lần thực hiện điều chỉnh tỉ giá bình quân liên ngân hàng và hai lần điều chỉnh tăng biên độ tỷ giá đồng thời công bố sẽ không điều chỉnh tỉ giá đến cuối năm 2015 đã giúp cho thị trường ngoại hối dần ổn định.

Trong năm 2016, Ngân hàng Nhà nước đã đưa ra chính sách tỷ giá mới: tỷ giá đóng cửa ngày hôm trước có thể làm tham chiếu cho tỷ giá mở cửa của ngày hôm sau trên thị trường liên ngân hàng đồng thời giảm dần việc neo vào USD trong điều hành tỷ giá mà thay bằng một rổ tiền tệ bao gồm các đồng tiền chủ chốt. Bước sang năm 2017, Ngân hàng nhà nước tiếp tục duy trì chính sách tỷ giá linh hoạt. Chính sách này sẽ giúp triệt tiêu tình trạng đô la hóa trong nền kinh tế, giúp Ngân hàng trung ương có thể độc lập thực thi chính sách tiền tệ nhằm đạt được các mục tiêu quan trọng liên quan đến tăng trưởng và kiểm soát lạm phát trong trung và dài hạn.

Ngoài nguyên liệu bột đá CaCO<sub>3</sub> được khai thác trực tiếp trong nước, phần lớn các nguyên liệu đầu vào của Nhựa Pha Lê chủ yếu đến từ nguồn nhập khẩu do đó chi phí nguyên liệu đầu vào chịu ảnh hưởng của biến động tỷ giá. Tuy nhiên, với đặc thù các nguyên liệu đầu vào nhập khẩu đều được dùng để sản xuất hàng xuất khẩu, rủi ro về tỷ giá của Công ty đã được hạn chế đáng kể (chi phí tăng khi nhập khẩu sẽ được bù đắp bởi giá bán tăng do tỷ giá). Ngoài ra, nhà máy tại Hải phòng của Công ty cũng đang được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu và thuế VAT 0% khi nhập khẩu nguyên liệu dùng cho hoạt động xuất khẩu, qua đó lại càng giảm gánh nặng tài chính cho Công ty.

## **2. Rủi ro về pháp luật**

Là một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực khai khoáng, cụ thể là khai thác đá trắng, hoạt động của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê không chỉ chịu sự điều tiết của Luật doanh



ngành, Luật Thương mại và còn cả hệ thống văn bản luật chuyên ngành như Luật Khoáng sản, Luật bảo vệ môi trường, ... Đồng thời, là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp và khi đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

Thời gian qua hệ thống luật và văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện theo hướng tích cực và thuận lợi, giúp cho các doanh nghiệp có hướng đi đúng và lành mạnh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Có thể kể đến một số thay đổi đáng kể như sự ra đời của Luật Doanh Nghiệp 2014 hay việc cắt giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp từ 25% xuống còn 22% và 20%, ... Những thay đổi này tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lâu dài của Công ty nhưng cũng đặt ra các yêu cầu nhằm bảo đảm việc theo sát và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành song song với việc triển khai và mở rộng các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, sự thay đổi của các văn bản pháp luật cũng làm nảy sinh rủi ro tranh chấp, kiện tụng, bồi thường nếu Công ty không am hiểu, không thường xuyên cập nhật các quy định mới.

Để tuân thủ đúng pháp luật, nhóm pháp chế trực thuộc Ban kiểm soát nội bộ thường xuyên cập nhật, đối chiếu các quy định của Công ty phù hợp với quy định pháp luật và phổ biến đến từng bộ phận, chức năng chuyên môn. Đồng thời, các bộ phận chức năng chuyên môn cũng thường xuyên liên hệ, trao đổi và nhận được sự hướng dẫn chỉ đạo trực tiếp từ các cơ quan thẩm quyền. Các chuyên viên pháp chế rà soát 100% các hợp đồng và thỏa thuận được ký kết. Khi cần thiết, Công ty có thể nhờ các đơn vị tư vấn luật pháp chuyên nghiệp trong và ngoài nước hỗ trợ thực hiện các giao dịch pháp lý phức tạp. Bên cạnh đó, trong hội đồng quản trị của công ty hiện nay đang có 2 thành viên có trình độ chuyên môn về luật; thêm vào đó, lại có kinh nghiệm trong lĩnh vực về ngành khai thác khoáng sản, nên việc cập nhật các quy định mới, để tuân thủ đúng luật pháp càng được chú trọng hơn nữa.

### **3. Rủi ro đặc thù**

#### **❖ Rủi ro về cân đối dòng tiền**

Với danh mục nhiều dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất hạt nhựa, Công ty luôn cần một lượng tiền lớn để đầu tư và phát triển. Trong một thời điểm nhất định, sự mất cân đối về dòng tiền thu và chi sẽ gây rủi ro lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc đầu tư, mua nguyên liệu có thể bị dừng khi thiếu vốn; tiền lương và các khoản vay nếu không được trả đúng hạn sẽ ảnh hưởng

đến uy tín và hoạt động của công ty. Ngoài ra, giá hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch có thể biến động do quan hệ cung cầu trên thị trường, hay có thể tồn đọng vấn đề nợ khó đòi.

Công ty luôn đề cao quản lý chặt chẽ dòng tiền và xây dựng một cơ cấu vốn hợp lý giữa nguồn vốn đầu tư dài hạn và ngắn hạn. Với khả năng giá sản phẩm có thể biến động trên thị trường, Nhựa Pha Lê sẽ cung cấp nguyên liệu với mức giá linh hoạt, cho phép dự án duy trì tỷ suất lợi nhuận bất kể giá cả dao động. Nhựa Pha Lê xây dựng chính sách bán hàng và thu hồi công nợ áp dụng với từng nhóm khách hàng cũng như thực hiện kế hoạch trả nợ nhà cung cấp để duy trì các khách hàng lớn đối với các sản phẩm của nhà máy, đồng thời luôn giữ chữ tín trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

### **Rủi ro cạnh tranh và thị trường**

Với mức biên lợi nhuận đang và tiềm năng phát triển lớn cao, những năm gần đây số lượng doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực sản xuất hạt nhựa ngày càng gia tăng đáng kể. Hiện nay trên thị trường miền Bắc đang có khoảng 30 nhà sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch hoạt động chủ yếu tại Hà Nam, Hà Nội, Yên Bái. Quy mô của các doanh nghiệp này hầu hết vẫn đang manh mún và nhỏ lẻ, tuy nhiên vẫn có các doanh nghiệp có khả năng tạo ra áp lực cạnh tranh cho Nhựa Pha Lê.

Để kiểm soát rủi ro, Nhựa Pha Lê đã đưa ra một số định hướng phát triển như: Đầu tư dây chuyền máy móc thiết bị hiện đại, tập trung sản xuất những sản phẩm chất lượng cao và tạo ra sự chuyên biệt so với các doanh nghiệp khác; Huy động thêm vốn để mở rộng quy mô sản xuất, sớm giành được thị phần và đạt được độ phủ thị trường lớn đối với sản phẩm Công ty; Đẩy mạnh hoạt động marketing, truyền thông, quá sản phẩm, ...

### **Rủi ro về chất lượng sản phẩm**

Là doanh nghiệp sản xuất trong lĩnh vực đòi hỏi hàm lượng chất xám và công nghệ cao, sản phẩm đầu ra có thể gặp rủi ro không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và bị người mua từ chối. Chất lượng sản phẩm được quyết định bởi hai yếu tố quan trọng nhất là chất lượng và sự ổn định nguồn nguyên liệu cũng như sự đồng đều của cỡ hạt đầu ra. Công ty hiện nay đang có nguồn nguyên liệu dồi dào và ổn định, do đó rủi ro về chất lượng đầu ra chủ yếu đến từ quá trình sản xuất, trong đó sai sót trong thao tác của người lao động là một trong những nguyên nhân chính, đặc biệt là tại các nhà máy.

Để hạn chế rủi ro về chất lượng, Nhựa Pha Lê đã đề ra các chiến lược như: chuẩn hóa hệ thống kiểm tra kiểm soát và ban hành các chính sách chặt chẽ, thuê tư vấn chuyên nghiệp tái cấu trúc

mô hình quản lý, quản trị rủi ro; Xây dựng kế hoạch kế thừa các cấp hàng năm; Tập trung đào tạo, huấn luyện phát triển nhân viên, đặc biệt là nguồn nhân lực kế thừa; Tiếp tục chăm lo tốt cho người lao động thông qua các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ, khơi dậy tài năng, tạo môi trường làm việc thuận lợi và cơ hội thăng tiến công bằng; Thanh lọc lực lượng nhân sự đảm bảo đáp ứng yêu cầu công việc, nêu cao tinh thần dấn thân và tính trung thành. Đối với những vị trí quan trọng, Công ty chú trọng tuyển chọn các vị trí quản lý và vận hành có kinh nghiệm lâu năm. Đối với những vị trí chưa có nhiều kinh nghiệm, Công ty sẽ tổ chức các chương trình đào tạo thực hành tại những đơn vị sản xuất bột đá đã vận hành trên 10 năm nay.

#### **4. Rủi ro biến động giá chứng khoán**

Cổ phiếu PLP niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh sẽ giúp Nhựa Pha Lê nâng cao hình ảnh thương hiệu, thuận lợi trong việc mở rộng hợp tác với các đối tác chiến lược. Nhờ vào việc niêm yết, Nhựa Pha Lê sẽ có điều kiện tăng cường minh bạch thông tin hoạt động kinh doanh, cải thiện quy trình quản trị, qua đó kỳ vọng gia tăng lợi nhuận Công ty cũng như giá trị của cổ phiếu PLP trên thị trường.

Tuy nhiên, giá cổ phiếu PLP trên thị trường chứng khoán còn chịu sự ảnh hưởng của thị trường chứng khoán nói chung, tâm lý nhà đầu tư nói riêng hoặc những tin tức kinh doanh ngắn hạn. Nhựa Pha Lê không thể kiểm soát được sự kiến động của cổ phiếu PLP do những tác nhân bên ngoài, đặc biệt là các yếu tố liên quan đến tâm lý thị trường. Do đó, Nhựa Pha Lê chỉ có thể tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi với kỳ vọng trong dài hạn, giá cổ phiếu của PLP sẽ biến động tương ứng với kết quả kinh doanh thực tế của Công ty.

#### **5. Rủi ro khác**

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, dịch họa, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

## **II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **1. Tổ chức niêm yết**

**Ông: Mai Thanh Phương**

**Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị**

**Ông: Dương Quang Thắng**

**Chức vụ: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc**

**Bà: Trịnh Thị Bội Giao**

**Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát**

**Bà: Nguyễn Thị Tú**

**Chức vụ: Kế toán trưởng**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### **2. Tổ chức tư vấn**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội**

Đại diện theo pháp luật:

**Ông: Vũ Đức Tiến**

**Chức vụ: Tổng Giám đốc**

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê cung cấp.

**III. CÁC KHÁI NIỆM**

Công ty/PLP/ Nhựa Pha Lê	: Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê
CTCP	: Công ty cổ phần
Cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê
VĐL	: Vốn điều lệ
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
BTGD	: Ban Tổng Giám đốc
BKS	: Ban Kiểm soát
CBNV	: Cán bộ nhân viên
Giấy CNĐKKD	: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
BCTC	: Báo cáo tài chính
BCTC KT	: Báo cáo tài chính kiểm toán
VND	: Đồng Việt Nam

## **IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**

### **1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

#### **1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký niêm yết**

- ✓ Tên công ty: **Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê**
- ✓ Tên tiếng Anh: **Pha Le Plastics Manufacturing and Technology Joint Stock Company**
- ✓ Tên viết tắt: **Nhựa Pha Lê**
- ✓ Trụ sở chính: **Lô đất CN4.3 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng.**
- ✓ Địa chỉ liên hệ: **Văn phòng Hà Nội - Tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.**
- ✓ Vốn điều lệ đăng ký: **150.000.000.000 đồng**
- ✓ Vốn điều lệ thực góp: **150.000.000.000 đồng**
- ✓ Điện thoại: **(+84-24) 3555 1669 Fax: (+84-24) 3555 1671**
- ✓ Website <http://phaleminerals.com.vn/>
- ✓ Logo của Công ty:



- ✓ Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Thanh Phương; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- ✓ **Giấy chứng nhận ĐKKD:** số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/11/2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 05/05/2017
- ✓ **Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:**
  - Thăm dò, khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
  - Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
  - Sản xuất sản phẩm từ plastic



- Sản xuất sợi nhân tạo
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao
- Cát tạo dáng và hoàn thiện đá
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách bằng đường thủy, đường bộ bằng xe ô tô;
- Mua bán, cho thuê máy móc, thiết bị ngành khai khoáng, xây dựng, giao thông;
- San lấp, dọn dẹp tạo mặt bằng xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng cơ sở;
- Tư vấn quản lý bất động sản;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.

## **1.2. Lịch sử hình thành và phát triển**

<b>Năm</b>	<b>Thành lập &amp; Phát triển</b>
10 / 2008	Chính thức thành lập, hoạt động chính trong lĩnh vực khai thác và sản xuất khoáng sản với vốn điều lệ là 100 tỷ đồng
10/ 2009	Công ty được UBND Tỉnh Nghệ An cấp Giấy phép khai thác mỏ khoáng sản tại khu vực Thung Hung, xã châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp, Nghệ An, thời hạn cấp phép là 5 năm
2010 – 2013	Thành lập Chi nhánh Nghệ An tại Mỏ Thung Hung, xây dựng bộ máy quản lý và giải phóng mặt bằng, làm đường mở moong khai thác.
04/ 2014	Đầu tư xây dựng Xưởng khai thác đá với công suất 100 tấn / giờ và Xưởng tuyển đá chip với công suất 30 tấn/ giờ tại Mỏ Thung Hung.
09/ 2014	Công ty chính thức đưa Nhà máy sản xuất đá CaCO <sub>3</sub> tại Quỳnh Hợp Nghệ An đi vào hoạt động với sản lượng 199.680 tấn/ năm. Sản phẩm được các đối tác trong và ngoài nước đón nhận
10 / 2014	Công ty được Ban quản lý KTT Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đầu tư Dự Án “NHÀ MÁY SẢN XUẤT BỘT ĐÁ SIÊU MỊN “ tại KCN Minh Phương Đình Vũ – Hải Phòng với diện tích 20.000 m <sup>2</sup> đất, công suất 108.000 tấn/ năm.

- 12 / 2014 Công ty được Ban quản lý KTT Hải phòng cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh Dự án “NHÀ MÁY SẢN XUẤT BỘT ĐÁ SIÊU MỊN& PHỤ GIA NGÀNH NHỰA” tại KCN Minh Phương Đình Vũ – Hải Phòng với quy mô sản xuất bột đá siêu mịn công suất 108.000 tấn/ năm và 96.000 tấn phụ gia ngành nhựa/ năm
- 09 / 2015 Hoàn thành việc xây dựng Nhà máy giai đoạn 1 đưa 04 dây chuyền sản xuất bột đá siêu mịn CaCO<sub>3</sub> đi vào hoạt động.  
Gia hạn giấy phép khai thác tại mỏ đá Thung Hưng, Quỳnh Hợp, Nghệ An với thời hạn khai thác là 22 năm (tính từ tháng 10/2015).
- 2016 Hoàn thành lắp đặt và đi vào vận hành 04dây chuyền sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch đi vào hoạt động.
- 05/ 2017 Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng với mục đích tăng vốn lưu động và mua tài sản cố định.

### **1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ**

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/11/2008, vốn điều lệ thành lập của Nhựa Pha Lê là 100 tỷ đồng. Trong quá trình hoạt động, Công ty có một lần tăng vốn lên 150 tỷ đồng vào năm 2017.

Chi tiết về đợt tăng vốn như sau:

- ✓ Vốn điều lệ trước phát hành: 100.000.000.000 đồng
- ✓ Vốn điều lệ sau phát hành: 150.000.000.000 đồng
- ✓ Mệnh giá: 1.000.000 đồng
- ✓ Tổng số lượng cổ phần trước phát hành: 100.000 cổ phần
- ✓ Tổng số lượng cổ phần phát hành: 50.000 cổ phần
- ✓ Tổng số lượng cổ phần sau phát hành: 150.000 cổ phần (công ty thực hiện đổi mệnh giá cổ phần từ 1.000.000 đồng xuống còn 10.000 đồng sau khi tăng vốn, làm tăng số lượng cổ phần sau phát hành lên 15.000.000 cổ phần)
- ✓ Số lượng cổ đông trước phát hành: 3 cổ đông
- ✓ Số lượng cổ đông sau phát hành: 4 cổ đông

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

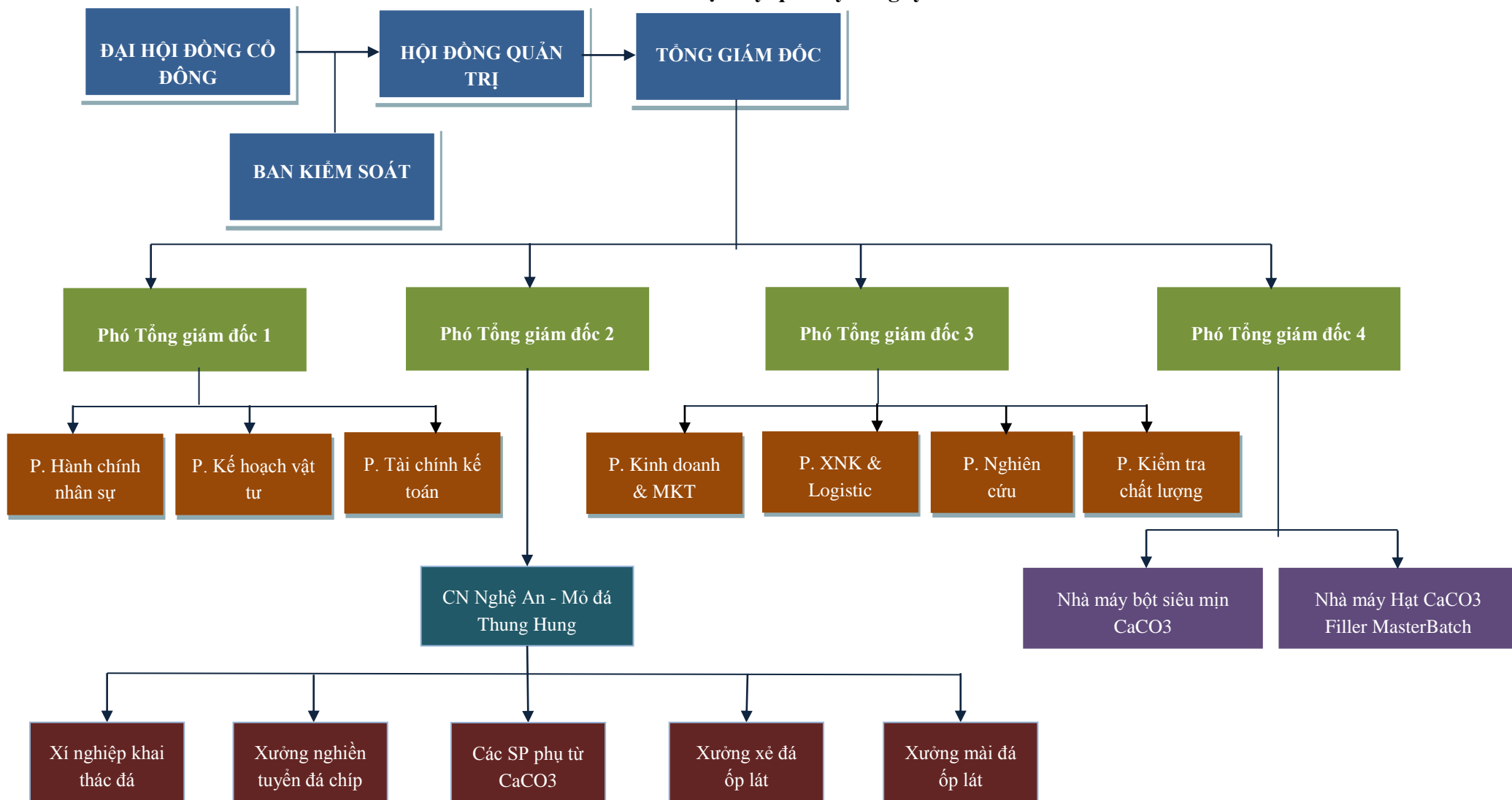
Trong đó:

<b>Đối tượng được mua cổ phần</b>	<b>Nội dung chi tiết</b>
- Đối tượng phát hành	- Ông Mai Thanh Phương mua 32.500cổ phần - Ông Dương Quang Thắng mua 7.500cổ phần - Ông Nguyễn Hồ Hưng mua 5.000cổ phần - Ông Đặng Tiến Thành mua 5.000cổ phần
- Hình thức góp vốn	Chuyển khoản ngân hàng
- Giá phát hành	1.000.000 đồng/cổ phần
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng	Không có.
- Thời điểm hoàn thành	Tháng 05/2017

- ✓ Cơ quan chấp thuận tăng vốn: Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hải Phòng.
- ✓ Mục đích sử dụng vốn: Mua tài sản cố định và bổ sung vốn lưu động.
- ✓ Căn cứ pháp lý: Quyết định ĐHCĐ số 160/2017/QĐ - ĐHCĐ, Giấy chứng nhận ĐKKD cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 05/05/2017

**2. Cơ cấu tổ chức công ty**

**Sơ đồ 1 - Cơ cấu bộ máy quản lý công ty**



### **3. Cơ cấu bộ máy quản lý**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp được thông qua bởi Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty. Tổ chức bộ máy quản lý hiện tại của Công ty bao gồm:

#### **❖ Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ:

- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và định hướng phát triển Công ty
- Thông qua Báo cáo tài chính năm được kiểm toán, các báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật pháp và Điều lệ Công ty.

#### **❖ Hội đồng quản trị (HĐQT)**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

#### **❖ Ban kiểm soát**

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

#### **❖ Ban Tổng Giám đốc**

Tổng giám đốc là người tổ chức điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Nhựa Pha Lê theo các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, quyết định, thực hiện tất cả những công việc không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

❖ **Các phòng/Ban/Đơn vị chức năng: Công ty có 07 phòng, ban chức năng, bao gồm:**

**Phòng Hành chính quản trị**

- Thực hiện việc tuyển dụng nhân sự đảm bảo chất lượng theo yêu cầu, chiến lược của công ty.
- Tổ chức, phối hợp với các đơn vị khác thực hiện quản lý nhân sự, đào tạo và tái đào tạo.
- Tổ chức việc quản lý nhân sự toàn Công ty.
- Xây dựng quy chế lương thưởng, các biện pháp khuyến khích – kích thích người lao động làm việc, thực hiện các chế độ cho người lao động.
- Chấp hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, quy định, chỉ thị của Ban Giám đốc.
- Nghiên cứu, soạn thảo và trình duyệt các quy định áp dụng trong Công ty, xây dựng cơ cấu tổ chức của công ty - các bộ phận và tổ chức thực hiện.
- Phục vụ các công tác hành chính để BGD thuận tiện trong chỉ đạo – điều hành, phục vụ hành chính để các bộ phận khác có điều kiện hoạt động tốt.
- Quản lý việc sử dụng và bảo vệ các loại tài sản của Công ty, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong Công ty.
- Tham mưu đề xuất cho Ban Tổng Giám đốc để xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực Tổ chức - Hành chính - Nhân sự: tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ dân sự theo luật và quy chế công ty.
- Hỗ trợ Bộ phận khác trong việc quản lý nhân sự và là cầu nối giữa BGD và Người lao động trong Công ty. Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận trong công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế công ty

**Phòng Tài chính, kế toán**

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực Tài chính- Kế toán - Tín dụng của Công ty
- Kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động kinh tế trong Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty.
- Quản lý chi phí của Công ty.
- Thực hiện công tác thanh tra tài chính các đơn vị trực thuộc Công ty



### **Phòng Kế hoạch, Vật tư**

Phòng kế hoạch & vật tư là một bộ phận nằm trong cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của Công ty, có chức năng, nhiệm vụ tham mưu giúp việc Giám đốc Công ty trên các lĩnh vực:

- Quản lý và xây dựng kế hoạch SXKD trong theo định hướng phát triển của Công ty
- Công tác thị trường và ký kết hợp đồng kinh tế các loại: Hợp đồng mua bán VLNCN, hợp đồng mua bán các loại vật tư, thiết bị, ...
- Công tác điều độ sản xuất, công tác thống kê kế hoạch SXKD, công tác quản lý mua sắm và dự trữ các loại vật tư phục vụ cho SXKD, công tác quản trị chi phí sản xuất.
- Tham gia xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và trách nhiệm xã hội tại Công ty.

### **Phòng Kinh doanh & Marketing**

Tham mưu cho Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc về:

- Công tác kế hoạch và chiến lược phát triển Công ty
- Công tác đầu tư và phát triển kinh doanh
- Tổ chức hệ thống thông tin kinh tế trong Công ty
- Công tác quản lý kinh tế
- Tham mưu cho Ban Giám đốc về nghiệp vụ kinh doanh
- Hỗ trợ kinh doanh chi nhánh trong Công ty
- Trực tiếp kinh doanh các sản phẩm của Công ty
- Tiếp thị, tìm kiếm công việc, phát triển thị trường
- Công tác đầu tư phát triển dự án, quản lý và khai thác các dự án đảm bảo hiệu quả cao và mục tiêu phát triển của Công ty.

### **Phòng Xuất nhập khẩu**

Là phòng chuyên môn, nghiệp vụ, giúp Ban Giám đốc thực hiện chức năng quản lý về hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, logistic

- Chịu trách nhiệm quản lý điều hành toàn bộ hoạt động xuất nhập khẩu,
- Lập và triển khai các kế hoạch nhằm đáp ứng tiến độ xuất hàng

- Thực hiện việc đàm phán, ký kết hợp đồng với các nhà cung cấp: vận tải, bảo hiểm
- Xử lý các thủ tục cấp phép nhập khẩu, xuất khẩu, các vấn đề phát sinh khi thông qua: hồ sơ, chứng từ
- Lập và triển khai các báo cáo cho hải quan theo yêu cầu của luật hải quan
- Tham mưu cho Ban giám đốc các ý tưởng nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng công việc của bộ phận

#### **Phòng kiểm soát chất lượng sản phẩm ( QC)**

- Là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trước và sau khi sản xuất, xuất xưởng nhằm đảm bảo cho sản phẩm của Công ty luôn ở mức tiêu chuẩn
- Kiểm soát chất lượng sản phẩm theo quy định bao gồm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ
- Phòng QC có trách nhiệm kiểm tra trong phạm vi: nguyên liệu, phụ liệu đưa vào sản xuất; hàng hóa, thành phẩm nhập kho; Hàng hóa, thành phẩm đưa ra thị trường; các hàng hóa khác khi có yêu cầu

#### **Phòng nghiên cứu kỹ thuật công nghệ ( QA)**

Là phòng chuyên nghiên cứu các yêu cầu của khách hàng, sản phẩm mới của thị trường từ đó cải tiến các sản phẩm, phát triển sản phẩm mới nhằm đưa ra những sản phẩm tốt nhất đến khách hàng. Phòng QA có nhiệm vụ:

- Đánh giá nội bộ hệ thống Quản lý chất lượng hàng năm của công ty.
- Tham gia các hoạt động cải tiến sản xuất.
- Phối hợp với bên sản xuất khi có khách hàng đánh giá công ty
- Đánh giá nhà cung cấp, chất lượng hàng hóa
- Thực hiện việc huấn luyện cho các bộ phận liên quan về việc áp dụng hệ thống, tiêu chuẩn và quy trình cũng như những thay đổi của hệ thống và quy trình cho phù hợp với yêu cầu thực tế.

**Các Nhà máy / Chi nhánh**

Các nhà máy sản xuất của công ty là các đơn vị sản xuất hàng hóa theo định hướng phát triển và kế hoạch cụ thể của công ty. Các nhà máy hoạt động độc lập và có mô hình tương tự như một doanh nghiệp thu nhỏ với các bộ phận chuyên môn gồm: Các xưởng sản xuất, hành chính, kế toán, QC, Kỹ thuật, kho vận, ANAT.

Với mô hình tổ chức quản lý như vậy, Công ty đã và đang quản lý tốt bộ máy hoạt động của mình. Các bộ phận/ phòng ban có sự liên kết, hỗ trợ cho nhau tạo nên một hệ thống liên hoàn, thống nhất, có hiệu quả trong Công ty.

**4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông**

**Bảng 1 - Cơ cấu cổ đông**

<b>Cổ đông</b>	<b>Số lượng cổ đông</b>	<b>Số lượng cổ phần</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>I. Cổ đông trong nước</b>	<b>352</b>	<b>15.000.000</b>	<b>100%</b>
* Cá nhân	352	15.000.000	100%
* Tổ chức	0	0	0
<b>II. Cổ đông nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
* Cá nhân	0	0	0
* Tổ chức	0	0	0
<b>III. Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Tổng</b>	<b>352</b>	<b>15.000.000</b>	<b>100,00</b>

*(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty tại ngày 03/07/2017)*

**Danh sách cổ đông sáng lập:** Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp lần đầu ngày 18/11/2008. Đến thời điểm hiện tại, các quy định hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

**Bảng 2 - Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ**

<b>Tên cổ đông</b>	<b>Số ĐKKD</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Mai Thanh Phương	030071000108	Số 17/117 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam	3.900.000	26,00
Dương Quang Thắng	027072000074	Tổ 24 Trung Hòa - Cầu giấy, Hà Nội	1.500.000	10,00
Đặng Tiến Thành	013298029	Tổ 29, phường Yên Sở, quận quận Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam	1.000.000	6,67
<b>Tổng</b>			<b>6.400.000</b>	<b>42,67</b>

*(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty tại ngày 03/07/2017)*

**5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Nhựa Pha Lê, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Nhựa Pha Lê, những công ty mà Nhựa Pha Lê đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.**

**Công ty mẹ của Nhựa Pha Lê.**

Không có

**Công ty mà Nhựa Pha Lê nắm giữ quyền kiểm soát/cổ phần chi phối:**

Không có

## **6. Hoạt động kinh doanh**

### **6.1. Giới thiệu về hoạt động kinh doanh chính của Công ty**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê được thành lập vào năm 2008. Khởi đầu từ một nhà máy khai khoáng nhỏ, công ty đã phát triển thành một doanh nghiệp có tiếng với đầy đủ chức năng đặt văn phòng tại Hà Nội và có hai nhà máy chiến lược tại thành phố cảng Hải Phòng và Nghệ An. Hiện tại Nhựa Pha Lê đang thực hiện thăm dò tại 5 mỏ khoáng sản, bao gồm 2 mỏ đá Granite tại Ninh Thuận, 3 mỏ đá cẩm thạch trắng tại Nghệ An và đặc biệt là quyền khai thác tại mỏ đá CaCO<sub>3</sub> tại núi Thung Hung, Quý Hợp có diện tích trên 10 ha được đánh giá là một trong những nguồn đá CaCO<sub>3</sub> có chất lượng tốt nhất trên thế giới xét về độ sáng và độ trắng với trữ lượng dồi dào lên tới 5.000.000 m<sup>3</sup>.



*Ảnh: Mỏ đá Thung Hung tại xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.*

Với nguồn nguyên liệu thô sẵn có, trong 8 năm qua Nhựa Pha Lê đã tập trung đầu tư vào các phương pháp khai thác tiên tiến nhất đặc biệt là công nghệ xử lý để có thể chủ động quản lý chất lượng sản phẩm một cách tốt nhất nhằm đáp ứng thị trường nội địa cũng như quốc tế với sản lượng từ 300.000 đến 500.000 tấn một năm.

Giai đoạn 2014 – 2016, nắm bắt được thông tin về các chính sách ưu đãi của Nhà nước, Nhựa Pha Lê đã xây dựng nhà máy và các cơ sở sản xuất của mình tại vị trí chiến lược: Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Hải Phòng, nơi công ty đã được cấp giấy phép xây dựng cho nhà máy chuyên sản xuất bột siêu mịn  $\text{CaCO}_3$  và sản xuất hạt nhựa phụ gia  $\text{CaCO}_3$  FillerMasterbatch, bao bì, ... Sản lượng sản xuất thiết kế bột siêu mịn  $\text{CaCO}_3$  hàng năm đạt mức 150.000 đến 200.000 tấn và hạt nhựa  $\text{CaCO}_3$  FillerMasterbatch đạt sản lượng 96.000 tấn/ năm.



*Ảnh: Nhà máy sản xuất hạt Filler Masterbatch tại Hải Phòng.*

Nhựa nhựa CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch được ứng dụng trong các sản phẩm của ngành nhựa với mục đích giảm giá thành sản xuất, giảm chi phí chất tạo màu trắng, tăng độ chịu nhiệt, độ bền cho sản phẩm, ổn định về định hình, tăng khả năng in ấn lên sản phẩm. Ngoài việc sở hữu mỏ đá và nhà máy, Nhựa Pha lê là công ty duy nhất tại Việt Nam có thể thực hiện và kiểm soát toàn bộ quy trình khép kín từ khai thác, chế biến, sản xuất, và cung cấp cho người dùng cuối.

Công ty hiện đang xây dựng mô hình kinh doanh của mình một cách toàn diện để đảm bảo giao hàng nhanh nhất cũng như chất lượng được giám sát chặt chẽ và kiểm soát dễ dàng ở bất kỳ giai đoạn nào. Nhờ việc duy trì được một đội ngũ nhân viên xuất sắc và mô hình logistics tối ưu nhất. Nhựa Pha Lê đã thành công trong việc giữ giá cả cạnh tranh nhưng vẫn sản xuất được các sản phẩm chất lượng cao với thời gian giao hàng chuẩn xác tới khách hàng.

➤ **Các sản phẩm từ đá CaCO<sub>3</sub>:**


Canxi Cacbonat (CaCO<sub>3</sub>) là một trong những vật liệu hữu ích và linh hoạt nhất đối với loài người, rất phổ biến và được tìm thấy trên khắp thế giới trong trầm tích, đá biến chất và đá lửa. Hình thức tự nhiên phổ biến nhất của đá CaCO<sub>3</sub> là đá phấn, đá vôi, đá cẩm thạch được hình thành từ các trầm tích của vỏ ốc nhỏ hóa thạch, sò và san hô qua hàng triệu năm.

Đá CaCO<sub>3</sub> nằm trong hơn 4% của lớp vỏ trái đất và được tìm thấy trên khắp thế giới, đó là lý do tại sao đó là một trong những vật liệu thô được sử dụng rộng rãi nhất trong hơn 5000 năm qua. Tuy nhiên, mặc dù các mỏ quặng khá phong phú, nhưng chỉ có một số ít là có chất lượng đủ cao để được đưa vào sử dụng và thậm chí một số mỏ sẽ ưu tiên cung cấp nguyên liệu thô phục vụ cho công nghiệp và nông nghiệp hơn là các ngành công nghiệp xây dựng công trình và đường xá.

Từ nguồn nguyên liệu đá CaCO<sub>3</sub> phong phú được khai thác từ mỏ đá nằm tại Quỳnh Hợp, Nghệ An, Nhựa Pha lê đã phân loại, kiểm soát và xử lý triệt để sau đó nghiền thành bột đá. Pha Lê sử dụng máy nghiền và công nghệ tiên tiến đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo độ trắng sáng và theo nhu cầu của khách hàng. Tiếp đó bột đá được phân loại thành các nhóm với nhiều mục đích sử dụng khác nhau, được đóng gói và vận chuyển đến khách hàng qua đường bộ hoặc đường thủy.



Một số sản phẩm chủ yếu:

 Sản phẩm đá CaCO<sub>3</sub>



**Đá hạng A, kích cỡ 3-6 cm**

Đặc điểm sản phẩm:

<u>Thành phần hóa học</u>		<u>Đặc điểm vật lý</u>	
CaCO <sub>3</sub> content	≥ 98%	Brightness	≥ 97%
MgO content	≤ 0,10%	Whiteness	≥ 98%
Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> content	≤ 0,01%	Moisture	≤ 0,2%
Al <sub>2</sub> O <sub>3</sub> content	≤ 0,02%	Density	2.7g/cm <sup>3</sup>
SiO <sub>2</sub> content	≤ 0,19%	Oil Absorption/ml/100gm	24
Na <sub>2</sub> O content	≤ 0,01%	Content loss on ignition	43.58%

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

 **Sản phẩm bột đá**



Thông tin sản phẩm:

<u>STT</u>	<u>Mã SP</u>	<u>Kích cỡ</u>	
1	PLM10	D97= 10 $\mu$ m $\pm$ 1 $\mu$ m	D50 = 3.4 $\mu$ m $\pm$ 0.4 $\mu$ m
2	PLM15	D97= 15 $\mu$ m $\pm$ 1 $\mu$ m	D50 = 4.5 $\mu$ m $\pm$ 0.5 $\mu$ m
3	PLM20	D97= 20 $\mu$ m $\pm$ 2 $\mu$ m	D50 = 5.6 $\mu$ m $\pm$ 0.6 $\mu$ m
4	PLM25	D97= 25 $\mu$ m $\pm$ 2 $\mu$ m	D50 = 6.7 $\mu$ m $\pm$ 0.7 $\mu$ m
5	PLM30	D97= 30 $\mu$ m $\pm$ 2 $\mu$ m	D50 = 7.8 $\mu$ m $\pm$ 0.8 $\mu$ m
6	PLM35	D97= 35 $\mu$ m $\pm$ 2 $\mu$ m	D50 = 8.9 $\mu$ m $\pm$ 0.9 $\mu$ m

Đặc điểm sản phẩm:

<u>Thành phần hóa học</u>		<u>Đặc điểm vật lý</u>	
CaCO <sub>3</sub>	$\geq 98\%$	Độ sáng	$\geq 97\%$
MgO	$\leq 0,20\%$	Độ trắng	$\geq 98\%$
Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub>	$\leq 0,01\%$	Độ ẩm	$\leq 0,2\%$
Al <sub>2</sub> O <sub>3</sub>	$\leq 0,02\%$	Khối lượng giảm khi làm nóng	43,19%
SiO <sub>2</sub>	$\leq 0,19\%$	Hấp thụ dầu	25/100gCaCO <sub>3</sub>
Na <sub>2</sub> O	$\leq 0,01\%$	PH	8:9

**Bột đá cho thức ăn chăn nuôi**



Đặc điểm sản phẩm:

<b><u>Thành phần hóa học</u></b>		<b><u>Đặc điểm vật lý</u></b>	
Calcium carbonate (CaCO <sub>3</sub> )	≥ 96%	Độ sáng	80%
Calcium Oxide (CaO)	≥ 54%	Độ trắng	92%
Calcium (Ca)	≥ 38%	Độ ẩm	2%
Iron Oxide (Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> )	< 0.01%	Kích cỡ	2-3 mm
Aluminum Oxide (Al <sub>2</sub> O <sub>3</sub> )	< 0.04%		3-4 mm
Magnesium Carbonate (MgCO <sub>3</sub> )	< 0.25%		Powder
Silicon Oxide (SiO <sub>2</sub> )	<0.06 %		
Sodium Oxide (Na <sub>2</sub> O)	< 0.02%		
Potassium Oxide (K <sub>2</sub> O)	< 0.05%		
Titanium Dioxide (TiO <sub>2</sub> )	-		
Copper Oxide (CuO)	-		
Lead Oxide (PbO)	-		

➤ **Hạt nhựa phụ gia CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch**

Hạt nhựa phụ gia CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch là hợp chất phụ gốc Calcium carbonate (CaCO<sub>3</sub>) được sử dụng rộng rãi trong ngành công nghiệp nhựa để thay đổi thuộc tính khác nhau của nhựa nền hoặc nhựa polyme. Đây là công thức đặc biệt bằng cách pha trộn kép polyolefin với Calcium Carbonate siêu mịn trong quá trình ép nhựa, mục đích để giảm giá thành sản phẩm cho khách hàng. Hạt phụ gia CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch được sản xuất từ sản phẩm bột đá Cacbonat canxi - CaCO<sub>3</sub> với tỷ lệ từ 70% đến 85% có tráng phủ axit béo trên nền nhựa Polyolefin. Hạt phụ gia CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch thành phẩm được sử dụng làm chất độn cho sản xuất bao bì PP, PE, ép đùn, ép phun, cán màng,... cho các sản phẩm nhựa công nghiệp và gia dụng.



**Ứng dụng sản phẩm cho các ngành công nghiệp:**

- *Sản xuất tấm trần – khung – cửa nhựa:* Hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch được sử dụng rộng rãi trong nhựa PVC cứng và được ứng dụng nhiều nhất trong sản xuất ống nhựa và tấm trần. Sử dụng sản phẩm hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch làm gia tăng độ bền sản phẩm, độ phân tán trong hóa chất nhựa tốt hơn, độ bóng sản phẩm đạt được tối ưu, cải tiến quá trình sản xuất. Vì vậy hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch là một loại nguyên liệu không thể thiếu trong quá trình sản xuất những loại sản phẩm này. Hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch có ảnh hưởng lớn đến những đặc tính của sản phẩm như là độ bền trong môi trường tự nhiên, thời gian sử dụng sản phẩm, do đó lựa chọn đúng loại hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch để sử dụng làm nguyên liệu là rất quan trọng
- *Sản xuất ống nhựa PVC và phụ kiện nhựa:* Sử dụng sản phẩm hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch trong nhựa Polyolefin sẽ tạo độ cứng cao hơn, cải thiện quá trình sản xuất, rút ngắn thời gian và giảm chi phí. Trong phụ kiện chủ yếu làm tăng lợi nhuận.

Đối với ống PVC chịu áp lực thường sử dụng hạt CaCO<sub>3</sub> FillerMasterbatch độn với hàm lượng ít vì để tạo cho sản phẩm ống chịu được áp lực mức cao nhất, bề mặt sản phẩm láng bóng nhất và chịu được tác động bề mặt. Cũng như những sản phẩm trên, chất lượng CaCO<sub>3</sub> FillerMasterbatch là chìa khóa để sản phẩm thành công trên thị trường trong việc sản xuất ống cấp thoát nước PVC và phụ kiện nhựa.

- *Sản xuất dây cáp điện (nhựa Polyolefin):* tỷ trọng hạt FillerMasterbatch được sử dụng ngày càng tăng với mục đích để giảm giá thành, bên cạnh đó CaCO<sub>3</sub> FillerMasterbatch có thể xem như chất chống cháy (nếu kết hợp đúng với loại nhựa và phụ gia khác).

Để đạt được chi phí hiệu quả nhất, nhà sản xuất dây cáp điện có thể chọn nhiều loại CaCO<sub>3</sub> FillerMasterbatch cho nhiều loại dây cáp, từ loại dây cáp có lớp cách điện mỏng cho đến loại dây cáp có lớp cách điện dày.

- *Sản xuất màng:* Hạt CaCO<sub>3</sub> FillerMasterbatch được ứng dụng rộng rãi trong sản xuất những màng mỏng cho đến sản xuất những tấm dày, làm tăng các tính chất hóa học và cải thiện năng suất sản xuất. Hạt CaCO<sub>3</sub> FillerMasterbatch làm giảm chi phí sản xuất, tăng độ cứng, độ bền trong việc làm chất độn cho các sản phẩm. Công nghệ sản xuất màng được ứng dụng trong sản xuất những sản phẩm nhựa rộng rãi, sản xuất từ những màng nhựa thoát hơi cho đến màng bọc đúc ép cũng như là những tấm chịu nhiệt. Sử dụng Hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch trong sản xuất sản phẩm màng nhựa thoát hơi với những lỗ nhỏ li ti có những ưu điểm vượt trội đặc biệt liên quan đến vấn đề vệ sinh, Hạt CaCO<sub>3</sub> FillerMasterbatch là chất hoạt động trong trường hợp này, cung cấp cho lớp màng với những tính chất đặc biệt cho phép thoát hơi thông qua hệ thống lỗ nhỏ li ti. Đối với màng bọc đúc ép, hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch giúp giảm chi phí giá thành trong sản xuất và cải tiến chất lượng bọc, hạt CaCO<sub>3</sub> FillerMasterbatch được sử dụng trong nhựa LDPE, LLDPE, HDPE và PP.

- *Sản xuất sợi:* Hạt CaCO<sub>3</sub> FillerMasterbatch thường được sử dụng trong nhựa PE hoặc túi PP, dệt túi PP chống ảnh hưởng của việc phân đoạn hoặc chống ảnh hưởng của việc kết sợi.

- *Sản xuất hạt Polyolefin:* Hạt CaCO<sub>3</sub> FillerMasterbatch còn thích hợp trong sản xuất hạt Polyolefin nhằm giảm phân đoạn định hình nhựa PP, tăng độ cứng, giảm lượng Titan oxit và giảm lượng nguyên vật liệu.

- *Các sản phẩm đúc:* Khi sử dụng sản phẩm Hạt CaCO<sub>3</sub> FillerMasterbatch trong sản xuất sản



## **BẢN CÁO BẠCH** **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

phẩm đúc, độ cứng và độ bền sẽ được cải tiến dẫn đến tiết kiệm chi phí.

- *Thổi khuôn:* Hạt CaCO<sub>3</sub> FillerMasterbatch được ứng dụng trong thổi khuôn để sản xuất chai lọ hoặc những sản phẩm dùng làm vật chứa sẽ có những ưu điểm, bằng cách lựa chọn những loại nguyên liệu nhựa phù hợp với Hạt CaCO<sub>3</sub> FillerMasterbatch thì nhà sản xuất sẽ tạo ra sản phẩm hoặc vật chứa có trọng lượng cân bằng và giảm chi phí.
- *Phun khuôn:* Sử dụng sản phẩm Hạt CaCO<sub>3</sub> FillerMasterbatch trong phun khuôn là một giải pháp đã được chứng minh cải tiến tính chất sản phẩm và quá trình sản xuất. Nó thường được sử dụng rộng rãi trong sản xuất phụ tùng, thiết bị, sản phẩm gia đình và trong ngành công nghiệp tự động.

### **6.2. Doanh thu, lợi nhuận qua các năm**

**Bảng 3 - Cơ cấu doanh thu thuần**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Sản phẩm	2015		2016		6 tháng/2017	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Filler Masterbatch		0,00%	44.318	34,51%	120.457	83,26%
2	Đá hoa trắng và bột đá	29.549	91,41%	19.631	15,29%	19.371	13,39%
3	Sản phẩm khác	2.776	8,59%	64.471	50,20%	4.845	3,35%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>32.325</b>	<b>100%</b>	<b>128.420</b>	<b>100%</b>	<b>144.673</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Nhựa Pha Lê*

Trước năm 2016 sản phẩm chủ yếu của Công ty là đá CaCO<sub>3</sub> ở dạng nguyên liệu khai thác trực tiếp từ mỏ đá Thung Hung. Doanh thu bán các sản phẩm đá vôi và bột đá của Công ty năm 2015 đạt 29,5 tỷ đồng, chiếm 91,41% tổng doanh thu, trong khi 8,59% còn lại được đóng góp bởi các sản phẩm khác. Nhờ đánh giá được nhu cầu thị trường và nắm bắt được công nghệ sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch từ nguyên liệu đá CaCO<sub>3</sub>, năm 2014 Ban lãnh đạo Công ty đã quyết định đầu tư dây chuyền nghiền tuyển đá tại Nghệ An và dây chuyền sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch tại Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Hải Phòng. Kết quả là, từ khi được đưa vào vận hành thương mại, hai dây chuyền sản xuất này đã giúp Nhựa Pha Lê đa dạng hóa sản phẩm, tăng tổng doanh thu gần gấp 4 lần từ 32 tỷ đồng năm 2015 lên 128 tỷ đồng năm 2016. Đặc biệt, năm 2016 dây chuyền sản xuất Filler Masterbatch mới chỉ chính thức hoạt động thương mại từ Quý 4 nhưng đã mang lại hơn 44 tỷ doanh thu, chiếm 34,51% tổng doanh thu cả năm của Công ty.



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Bước sang nửa đầu năm 2017, hoạt động của Nhựa Pha Lê được chuyển dịch sang chủ yếu sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch, với doanh thu đạt 120,5 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 83,26% tổng doanh thu, đứng đầu trong các sản phẩm của Công ty. Như vậy, hạt nhựa Filler Masterbatch được xem là sản phẩm chiến lược của Nhựa Pha Lê trong tương lai.

**Bảng 4 - Cơ cấu lợi nhuận gộp**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

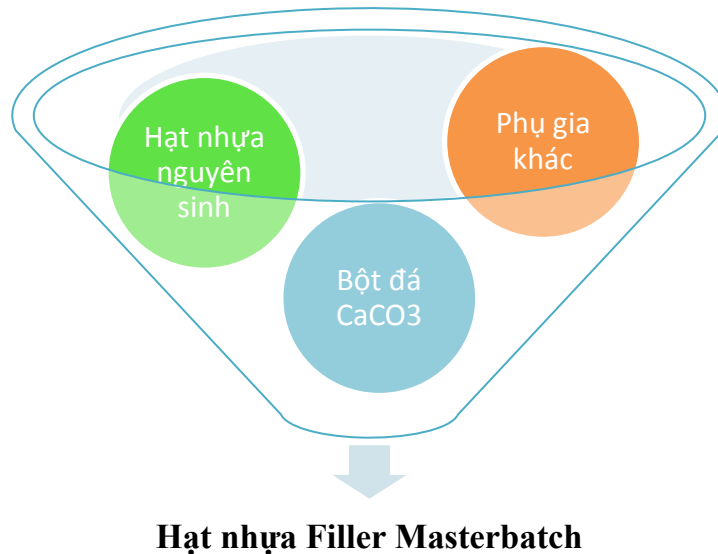
TT	Sản phẩm	2015		2016		6 tháng/2017	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Filler Masterbatch			18.619	14,50%	40.653	28,10%
2	Đá hoa trắng và bột đá	6,871	21,26%	1.435	1,12%	-1.131	-0,78%
3	Sản phẩm khác	1.128	3,49%	758	0,59%	1.647	1,14%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7.999</b>	<b>24,75%</b>	<b>20.812</b>	<b>16,21%</b>	<b>41.169</b>	<b>28,46%</b>

*Nguồn: Nhựa Pha Lê*

Quá trình sản xuất kinh doanh trước đây của Công ty tương đối thuận lợi do sản phẩm đá CaCO<sub>3</sub> ở đây mỏ đá Thung Hung, Nghệ An nổi tiếng về độ trắng và sự ổn định của chất lượng đá. Sản phẩm đầu ra của Công ty luôn được thu mua toàn bộ nên Công ty không cần thực hiện quá trình quảng bá phân phối sản phẩm. Tuy nhiên sản phẩm đang khai thác ở dạng thô sơ nên giá bán thấp, tỷ trọng lợi nhuận không cao. Lợi nhuận chủ yếu năm 2015 của Công ty đến từ sản phẩm đá vôi và bột đá, với lợi nhuận gộp đạt 6,8 tỷ đồng, tương ứng 21,26% doanh thu thuần. Bước sang Quý 4/2016, với việc hoàn thành giai đoạn 01 của dự án sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch, sản phẩm của Nhựa Pha Lê đã được đa dạng hóa, lợi nhuận gộp cả năm tăng lên 20,8 tỷ đồng, tuy tỷ lệ trên doanh thu giảm nhưng giá trị tuyệt đối tăng cao so với năm 2015. Đặc biệt, cơ cấu lợi nhuận gộp được tập trung chủ yếu vào sản phẩm hạt nhựa Filler Masterbatch, với lợi nhuận gộp của sản phẩm này đạt 18,62 tỷ đồng, chiếm gần như toàn bộ lợi nhuận gộp của Công ty dù chỉ mới hoạt động được một quý.

Bước sang năm 2017, sản phẩm Filler Masterbatch tiếp tục đóng vai trò chủ đạo trong hoạt động của Nhựa Pha Lê, với lợi nhuận gộp đạt 40,65 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm, chiếm 28,10% doanh thu thuần và tiếp tục đóng vai trò chủ đạo trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty.

### 6.3. Nguyên vật liệu



Hạt nhựa Filler Masterbatch có thành phần chủ yếu là từ bột đá CaCO<sub>3</sub> (chiếm từ 70% - 85%), do đó nguyên liệu bột đá CaCO<sub>3</sub> là thành phần tiên quyết để sản xuất sản phẩm hạt nhựa. Hiện nay, Công ty đang sở hữu mỏ đá trắng tại mỏ đá Thung Hung – Nghệ An có chất lượng cao về độ trắng sáng và tính hóa lý của nguồn nguyên liệu sản xuất bột đá và đá ốp lát. Chất lượng và độ ổn định của sản phẩm đá trắng từ mỏ đá Thung Hung chính là điều kiện tiên quyết giúp đảm bảo chất lượng của các hạt nhựa Filler Masterbatch. Bên cạnh đó việc sở hữu mỏ đá giúp quá trình sản xuất của Nhựa Pha Lê được khép kín từ khâu nguyên vật liệu đến sản phẩm đầu ra, đảm bảo sự ổn định cả về chất lượng và giá cả. Đây là lợi thế cạnh tranh tuyệt đối của Nhựa Pha Lê trên thị trường.

Bên cạnh thành phần chính là bột đá CaCO<sub>3</sub>, quá trình sản xuất Filler Masterbatch của Công ty còn cần đến nguyên liệu là hạt nhựa nguyên sinh. Vốn là sản phẩm được sản xuất từ dầu mỏ nên giá nhựa nguyên sinh biến động theo giá dầu thế giới. Nhìn chung, thị trường dầu mỏ thế giới năm 2016 đã chứng kiến nhiều biến động khi giá dầu chạm mức đáy lịch sử dưới 28 USD/thùng hồi cuối tháng 1 năm 2016 và sau đó bật tăng lên mức gần 50 USD/ thùng. Ngoài việc không thống nhất trong việc cắt giảm sản lượng của các quốc gia thuộc Tổ chức các nước xuất khẩu dầu lửa (OPEC), một loạt các yếu tố bất ngờ khác như Brexit và kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ đã khiến các nỗ lực hồi phục giá dầu bị gián đoạn. Dự báo năm 2017 tình hình kinh tế lẫn chính trị thế giới sẽ còn chứa đựng nhiều yếu tố bất ngờ có thể ảnh hưởng đến giá dầu. Tuy nhiên trước mắt theo Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) nhận định, nếu các quốc gia không đạt được thỏa thuận về tình trạng dư cung thì rủi ro giá dầu tiếp tục giảm trong năm 2017 là rất lớn. Như vậy, có thể nói với diễn biến giá dầu phức tạp như hiện nay, việc dự báo giá nhựa nguyên sinh sử dụng trong sản xuất của Nhựa Pha Lê đang gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, nhựa nguyên sinh của Công ty chủ

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

yếu đến từ nguồn nhập khẩu nên giá cả thường biến động chậm hơn giá nhựa thị trường thế giới vào đó giúp Nhựa Pha Lê có thể chủ động hơn trong việc đưa ra các phương án kiểm soát rủi ro. Hơn nữa, Công ty hiện cũng đang duy trì lượng hàng tồn kho nhựa nguyên sinh từ 1-2 tháng, qua đó làm giảm ảnh hưởng của giá nguyên liệu nhựa đầu vào lên giá bán Filler Masterbatch.

Ngoài bột đá và hạt nhựa nguyên sinh, quá trình sản xuất Filler Masterbatch của Nhựa Pha Lê còn cần đến một số hóa chất phụ gia khác như mực in, dung môi,... Tất cả các phụ gia này đều được Công ty mua từ những nhà cung cấp uy tín, sản phẩm đảm bảo chất lượng. Do thường xuyên đặt hàng với số lượng lớn và ổn định, các Công ty có mối quan hệ thân thiết với các nhà cung cấp, và do đó hạn chế được một phần rủi ro biến động của giá cả nguyên vật liệu.

**Bảng 5 – Danh sách các nhà cung cấp lớn**

TT	Tên nhà cung cấp	Sản phẩm
1	Công ty TNHH Digicash Việt Nam	Hạt nhựa nguyên sinh
2	Vicomig Singapore PTE., Ltd.	Hạt nhựa nguyên sinh
3	Công ty Cổ phần Hóa chất nhựa Đà Nẵng	Hạt nhựa nguyên sinh
4	Sumitomo Corporation Vietnam LLC	Hạt nhựa nguyên sinh
5	Công ty cổ phần nhựa Opec	Hạt nhựa nguyên sinh
6	Công ty TNHH XNK Phú Lâm	Hóa chất phụ gia
7	Michang oils ind Co., Ltd	Hóa chất phụ gia
8	Công ty Cổ phần hóa chất Thăng Long	Hóa chất phụ gia

*Nguồn: Nhựa Pha Lê*

**6.4. Chi phí sản xuất**

**Bảng 6 – Cơ cấu chi phí qua các năm**

*Đơn vị: triệu đồng*

TT	Chi phí	2015		2016		6 tháng/2017	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Giá vốn	24,326	75.25%	107,608	83.79%	103.504	71,54%
2	Tài chính	212	0.66%	5,840	4.55%	7.132	4,93%
3	Chi phí bán hàng	153	0.47%	5,524	4.30%	7.092	4,90%

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

4	Chi phí QLDN	6,163	19.06%	4,494	3.50%	2.194	1,52%
5	Chi phí khác	77	0.24%	94	0.07%	13	0,01%
<b>Tổng</b>		<b>30,932</b>	<b>95.69%</b>	<b>123,560</b>	<b>96.22%</b>	<b>119.935</b>	<b>82,90%</b>

*Nguồn: Nhựa Pha Lê*

Với đặc thù là doanh nghiệp sản xuất, giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty, chiếm từ 70% - 85% doanh thu thuần qua các năm. Chi phí tài chính tăng cao từ năm 2016 do Công ty đưa nhà máy sản xuất hạt nhựa tại Hải Phòng đi vào hoạt động, khiến cho lãi suất của các khoản vay được dùng để tài trợ dự án này bắt đầu được tính trực tiếp vào chi phí kinh doanh (giai đoạn 2014-2015 lãi suất được tính gộp vào nguyên giá TSCĐ đầu tư). Bên cạnh chi phí tài chính, chi phí bán hàng của Nhựa Pha Lê cũng tăng mạnh từ 153 triệu đồng năm 2015 lên 5,5 tỷ đồng năm 2016 do Công ty đẩy mạnh hoạt động bán hạt nhựa ra thị trường nước ngoài. Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp, tuy doanh thu năm 2015 thấp nhưng Công ty vẫn phải cần lượng nhân viên quản lý tối thiểu để duy trì hoạt động, do đó tỷ trọng chi phí quản lý chiếm tới hơn 19% doanh thu thuần. Năm 2016, nhờ các biện pháp cắt giảm chi phí, cùng doanh thu từ sản phẩm hạt nhựa tăng cao, chi phí quản lý doanh nghiệp của Nhựa Pha Lê chỉ còn chiếm 3,5% doanh thu thuần. Bên cạnh các chi phí trên, hàng năm hoạt động của Công ty còn phát sinh các chi phí khác nhưng tỷ trọng không đáng kể.

Bước sang năm 2017, cơ cấu chi phí của Công ty vẫn tập trung vào giá vốn hàng bán và chi phí lãi vay. Tuy nhiên, với việc đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất hạt nhựa, tỷ trọng chi phí trên doanh thu thuần của Nhựa Pha Lê đang giảm rõ rệt. Cụ thể, chi phí giá vốn trong 6 tháng/2017 là hơn 103 tỷ đồng, chỉ chiếm 71,54% doanh thu thuần và thấp hơn nhiều mức 83,79% năm 2016. Điều này cho thấy biên lợi nhuận của sản phẩm Filler Masterbatch của Công ty cao hơn nhiều so với sản phẩm đá CaCO<sub>3</sub> truyền thống. Những năm tới, với việc đẩy mạnh sản xuất Filler Masterbatch, tỷ trọng chi phí của Công ty hứa hẹn sẽ được cải thiện đáng kể.

#### **6.5. Dự án đầu tư**

Hiện nay, Nhựa Pha Lê đang là chủ sở hữu giấy phép khai thác số 3453/GP-UBND ngày 10/08/2015 do UBND tỉnh Nghệ An cấp tại mỏ đá Thung Hung, xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An. Tổng diện tích khai thác là 5,24 ha (không bao gồm khu vực phụ trợ). Tổng trữ lượng khai thác bao gồm: 1.407.649 m<sup>3</sup> đá hoa làm vật liệu xây dựng thông thường, 120.462 m<sup>3</sup> đá hoa trắng làm ốp lát các loại và 168.536 m<sup>3</sup> đá hoa trắng làm bột CaCO<sub>3</sub>. Tổng công suất khai thác là 120.000 m<sup>3</sup>/năm với thời gian khai thác là 22 năm tính từ thời điểm cấp phép.

Nắm bắt ưu thế về việc sở hữu quyền khai thác mỏ cùng xu thế thị trường và công nghệ sản xuất, từ năm 2014, Nhựa Pha Lê đã triển khai đầu tư dự án xây dựng xưởng nghiền tuyển đá tại mỏ đá Thung Hung, Quỳnh Hợp, Nghệ An và xây dựng nhà máy sản xuất hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch tại Hải Phòng. Chi tiết dự án như sau:

*6.5.1. Giới thiệu chung về dự án*

➤ **Tên dự án**

Đầu tư dự án xây dựng xưởng nghiền tuyển đá tại Nghệ An và xây dựng nhà máy sản xuất hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch tại Hải Phòng

➤ **Chủ đầu tư**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê

➤ **Cơ sở pháp lý của dự án**

- Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc Hội;
- Luật Bảo vệ Môi trường số 52/2005/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Luật số: 46/2005/NĐ/QH11 ngày 14/6/2005 của kỳ họp quốc hội khóa 11, ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;
- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2009 của Chính phủ về quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Giấy chứng nhận đầu tư số 022 21 000087 do Ban Quản lý Khu Kinh Tế Hải Phòng cấp ngày 08/10/2014 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 022 21 000087 ngày 12/12/2014 về việc cho phép Công ty Cổ phần Khoáng Sản Pha Lê (tiền thân của Nhựa Pha Lê) thực hiện Dự án Xây dựng nhà máy sản xuất bột siêu mịn CaCO<sub>3</sub> & phụ gia ngành nhựa với các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, các thuế khác theo quy định hiện hành.
- Chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy số 200/TDPCCC ngày 26/12/2014 do Cảnh sát PCCC TP Hải Phòng cấp cho công trình xây dựng Nhà máy sản xuất hạt Filler MasterBatch của Công ty.
- Giấy phép xây dựng số 1877/GPXD-BQL ngày 27/12/2014 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.
- Quyết định phê duyệt đầu tư mới số 1781/QĐ-UBND do Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hải Phòng cấp ngày 03/08/2015.

➤ **Địa điểm dự án**

Xưởng nghiền tuyển đá tại Nghệ An	Mỏ đá Thung Hung, Bản Hạt, Xã Châu Tiến, Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An
Nhà máy bột siêu mịn CaCO <sub>3</sub> & hạt CaCO <sub>3</sub> Filler Masterbatch	Khu công nghiệp MP Đình Vũ - Phường Đông Hải 2 - Quận Hải An - Thuộc Khu kinh tế Đình Vũ Cát Hải - Hải Phòng

➤ **Ưu thế của dự án**

Xưởng nghiền tuyển đá được đặt ngay tại mỏ đá Thung Hung, xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An. Mỏ đá Thung Hung cũng có vị trí khá gần với các cảng biển như cảng Cửa Lò, cảng Nghi Sơn. Vị trí của mỏ và xưởng nghiền tuyển đá giúp Công ty giảm thiểu được chi phí vận chuyển từ mỏ đá, xưởng đến cảng biển và từ cảng biển đến khách hàng.

Nhà máy sản xuất Filler Masterbatch tại Hải Phòng có vị trí thuận lợi về: giao thông đường bộ (Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, nằm trên đường trục của Khu công nghiệp Đình Vũ, đường cao tốc Đình Vũ – Lạch Huyện); đường thủy (sông Bạch Đằng, sông Lạch Tray); đường biển (Cảng Hải Phòng hiện tại, Cảng Đình Vũ, Cảng nước sâu Lạch Huyện và một số Cảng khác); gần các khu đô thị của thành phố hiện tại và trong tương lai đang được quy hoạch xây dựng. Đồng thời, dự án có quỹ đất phát triển công nghiệp theo quy hoạch và trong khu vực đã và đang hình thành các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp. Địa hình khu đất dự án tương đối bằng phẳng. Đây là yếu tố thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện Dự án. Về kinh tế - xã hội tại khu vực dự án tương đối phát triển, đa dạng các ngành nghề, có giao thông thuận lợi, dân số đang trong độ tuổi lao động tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hoạt động của Nhà máy.

Ngoài ra, do thực hiện tại KCN MP Đình Vũ nên Nhà máy sản xuất hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch của Nhựa Pha Lê nhận được rất nhiều ưu đãi và tiện ích, cụ thể:

- ✓ Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013: Hoạt động của doanh nghiệp được áp thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu (năm 2016) và mức thuế suất áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam trong các năm tiếp theo; Miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế (năm 2016);
- ✓ Giảm 50% cho thuế thu nhập cá nhân;
- ✓ Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại điều 16 Luật thuế

xuất khẩu.

- ✓ Trung tâm thông tin liên lạc với diện tích 1000m<sup>2</sup>, cung cấp đường truyền internet tốc độ cao ADSL đáp ứng cho thuê bao cách tổng đài 3,5km cũng như các dịch vụ thuê kênh riêng biệt: 64 Kb/s, 2Mb/s,...
- ✓ Trạm biến áp được trang bị 2 máy biến áp 2500KVA +2000 KVA, nguồn điện được cung cấp từ 2 nhà máy điện khác nhau của quốc gia, điều này đảm bảo ổn định nguồn điện. Ngoài ra KCN Đình Vũ có nhà máy điện chuyên dụng diesel cung cấp điện năng thông qua hệ thống phân phối 22kV để phục vụ khách hàng.
- ✓ Nhà máy xử lý nước thải với công nghệ cao đạt các tiêu chuẩn về môi trường Việt nam, nước thải có thể xả ra sông mà không cần xử lý gì thêm. Đây cũng là lợi thế rất lớn cho việc tiết kiệm chi phí sản xuất của Công ty Cổ phần Khoáng sản Pha Lê.
- ✓ Hệ thống phòng cháy chữa cháy đạt tiêu chuẩn quốc tế, dọc Khu Công Nghiệp có nhiều vòi cứu hỏa, hồ chứa nước đủ cung cấp cho chữa cháy liên tục trong 2 giờ.

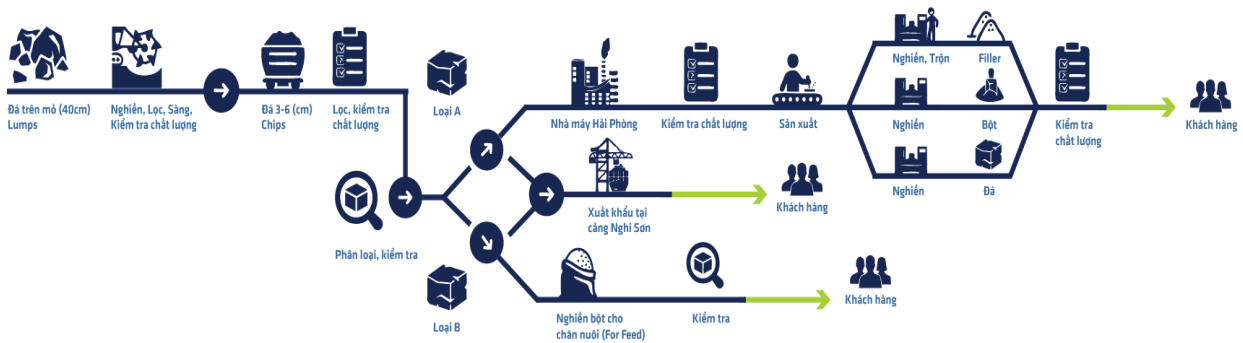
➤ **Mục tiêu của dự án**

<b>Mục tiêu chung</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>✓ Thực hiện Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc khai thác mỏ khoáng sản gắn liền với chế biến sâu nhằm tăng giá trị tài nguyên.</li><li>✓ Thực hiện theo Quyết định số 2992/QĐ-BCT phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Nhựa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025</li><li>✓ Thực hiện Nghị quyết, chủ trương, chính sách của Tỉnh uỷ và Thành phố Hải Phòng về việc đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá để phát triển kinh tế.</li><li>✓ Áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ cao trong chế biến khoáng sản, tạo ra các sản phẩm hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch chất lượng cao và dành cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.</li><li>✓ Tạo nguồn nguyên liệu đầu vào cho các ngành công nghiệp trong nước</li></ul>
<b>Mục tiêu xã hội</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>✓ Tạo việc làm cho lao động địa phương, tăng cường công tác đào tạo và sử dụng lao động có kỹ thuật cao.</li><li>✓ Nâng cao khả năng ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ mới trong chế biến và quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh.</li></ul>
<b>Mục tiêu kinh tế</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>✓ Tăng đóng góp vào ngân sách nhà nước qua việc nộp các loại thuế theo luật định.</li></ul>

- ✓ Tăng lợi nhuận cho các cổ đông với dự kiến lợi nhuận sau khi trừ chi phí và các khoản nghĩa vụ với ngân hàng
- ✓ Tạo việc làm với mức thu nhập ổn định cho người lao động, giữ vững trật tự và an sinh xã hội.
- ✓ Tạo nguồn thu ngoại tệ cho đất nước, tạo cán cân thương mại cân bằng trong việc xuất nhập khẩu.

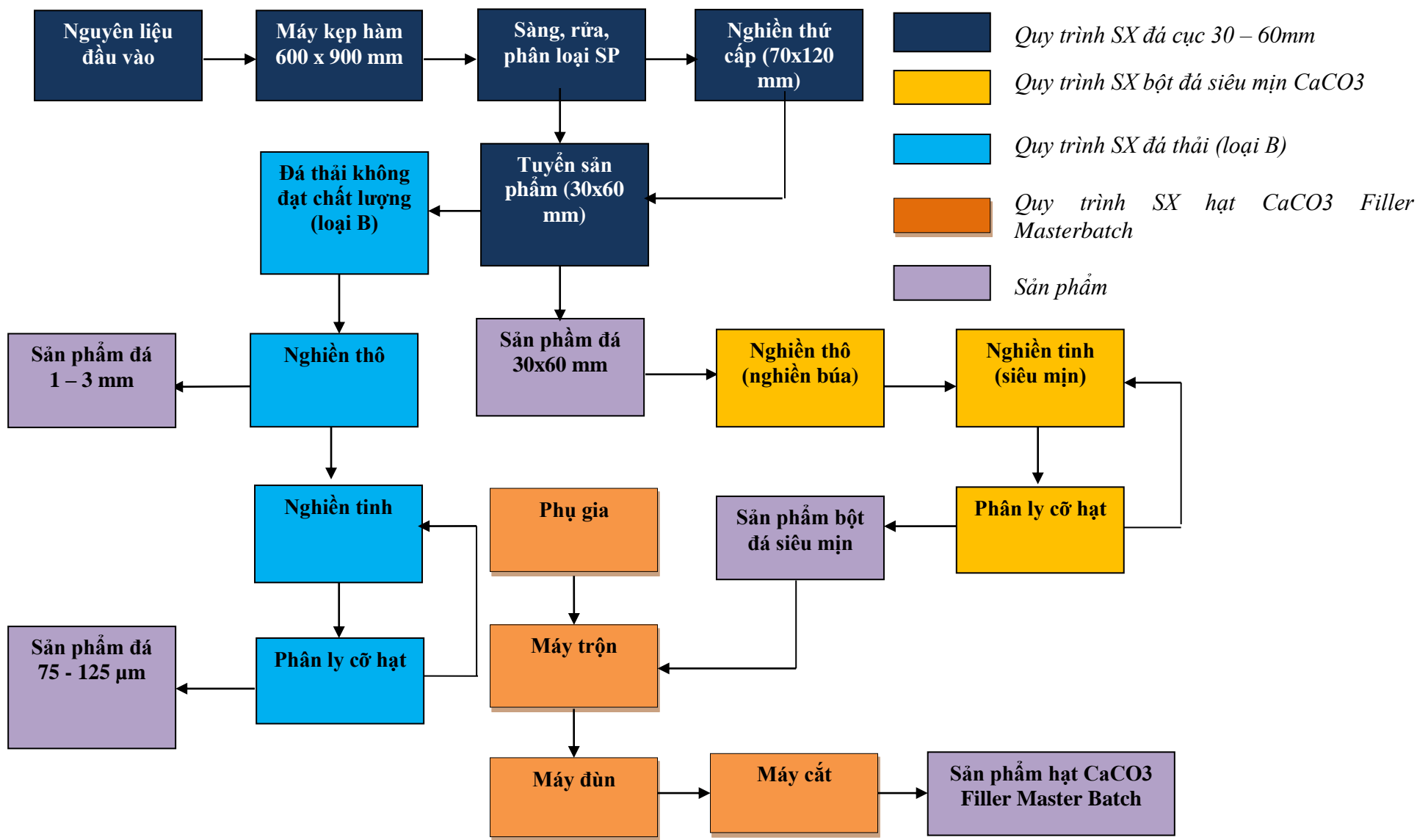
### 6.5.2. Quy trình sản xuất

**Sơ đồ 2 - Quy trình sản xuất tổng quát**





**Sơ đồ 3 – Quy trình sản xuất chi tiết**



**Quy trình sản xuất đá chíp**

- ✓ Nguyên liệu đầu vào là đá vôi trắng  $\text{CaCO}_3$  kích cỡ  $< 500\text{mm}$  được khai thác bằng phương pháp nổ mìn tại mỏ Thung Hung, dùi nhỏ, bốc xúc, vận chuyển về khu vực nghiền tại mỏ.
- ✓ Nguyên liệu được đưa vào nghiền bằng máy kẹp hàm sơ cấp  $600 * 900\text{ mm}$ , sau đó được chuyển ra máy kẹp hàm thứ cấp  $300 * 1300\text{ mm}$  để ra sản phẩm có kích thước lớn nhất là  $9\text{ cm}$
- ✓ Sản phẩm qua máy nghiền hàm thứ cấp được vận chuyển qua băng tải vào hệ thống sàng rửa phân loại.
- ✓ Sản phẩm (qua sàng)  $3 \times 6\text{cm}$  và  $1 \times 3\text{ cm}$  được vận chuyển bằng băng tải. Phần hạt kích cỡ  $< 1\text{cm}$  chuyển ra bãi thải trong giai đoạn sản xuất ban đầu. Khi khai thác hết tầng sản phẩm sẽ được dùng để sản xuất hạt  $75\text{-}125\ \mu\text{m}$ .
- ✓ Sản phẩm  $3 \times 6\text{cm}$  được vận chuyển xuống dưới xưởng. Tiếp đó được xúc lật bốc xúc vào cấp liệu rung đưa vào băng tải ngang và tuyến thủ công ra đá  $3 \times 6\text{ cm}$  sạch đảm bảo tiêu chuẩn thành phẩm đầu ra theo quy định.

**Quy trình sản xuất bột đá**

- ✓ Nguyên liệu là đá vôi trắng  $\text{CaCO}_3$  kích cỡ từ  $40 \times 60\text{mm}$  được vận chuyển từ xưởng sản xuất đá cục tại Thung Hung bằng đường bộ + đường thủy ra nhà máy bột đá siêu mịn tại Khu công nghiệp MP Đình Vũ thành phố Hải Phòng.
- ✓ Nguyên liệu đá cục  $40 \times 60\text{mm}$  được đưa vào nghiền búa ra sản phẩm có kích thước  $\leq 3\text{ mm}$ , sau đó sản phẩm này được đưa vào máy nghiền tinh (đồng bộ) bằng hệ thống vít tải liệu.
- ✓ Tại máy nghiền tinh, một phần nguyên liệu được nghiền mịn có cỡ hạt  $< 25\ \mu\text{m}$ . Bằng nguyên lý khí động học, cỡ hạt có kích thước siêu mịn kể trên được máy phân ly cỡ hạt tách khỏi nhau và được những nhóm cỡ hạt tương ứng với những loại sản phẩm khác nhau.

**Quy trình sản xuất hạt  $\text{CaCO}_3$  Filler Masterbatch**

- ✓ Nguyên liệu là bột mịn  $\text{CaCO}_3$  siêu mịn kích cỡ hạt  $10\text{-}15\ \mu\text{m}$  được đưa vào máy trộn cùng với hạt nhựa nền nguyên sinh ( hạt nhựa Zin) và phụ gia theo tỷ lệ phối trộn đồng nhất cho từng loại sản phẩm sau đó được đưa vào máy đùn. Tỷ lệ hạt nhựa Zin trong quá trình sản xuất chiếm  $6\%$  trong sản phẩm.

Trong công nghệ sản xuất  $\text{CaCO}_3$  Filler Masterbatch để tăng khả năng phân tán của  $\text{CaCO}_3$  Filler Masterbatch trong nền nhựa và đảm bảo độ

liên kết, cần sử dụng phụ gia liên kết CPBOND-05P và CPBOND0-4E

Loại phụ gia này sản xuất trên nền nhựa PE và PP tùy theo ứng dụng của hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch cho sản phẩm nhựa PE hay PP. Đặc tính của phụ gia này giúp tăng liên kết CaCO<sub>3</sub> và nhựa nền, giúp hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch đẹp hơn, chắc hơn, giúp giảm lượng nhựa sử dụng khi sản xuất hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch.

- ✓ Tại máy đùn, nguyên liệu đưa vào được đùn, sau đó được chạy qua máy cắt để cắt ra hạt thành phẩm với kích thước 2.5÷ 3 mm và được làm nguội bằng hệ thống nước làm mát tuần hoàn thông minh.
- ✓ Hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch sau khi đã được vắt khô sẽ được đưa qua sàng rung để đảm bảo kích cỡ hạt đồng đều, hệ thống quạt gió sẽ chuyển thành phẩm lên khu vực chứa rồi được đóng bao.

### 6.5.3. Thiết kế quy hoạch tổng thể

Thiết kế quy hoạch tổng thể được lập trên nguyên tắc tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam và các Tiêu chuẩn liên quan hiện hành về bố cục không gian, điều kiện vệ sinh an toàn sản xuất, phòng chống cháy nổ, khoảng cách ly an toàn, yêu cầu về tổ chức giao thông và quy mô định hướng phát triển hoàn chỉnh khu sản xuất

Tổng thể không gian được bố trí theo quy trình khép kín dây chuyền sản xuất, nhà điều hành sản xuất làm chủ đạo cho không gian kiến trúc tổng thể. Quỹ đất dự trữ phát triển bố trí bên phải theo hướng vào.

Trên cơ sở khu đất xây dựng, với đặc điểm về vị trí, địa hình, địa chất nêu trên, phương án quy hoạch tổng mặt bằng tuân thủ các nguyên tắc sau: bố cục mạch lạc, phân khu chức năng rõ ràng, đảm bảo được toàn bộ các yêu cầu cơ bản của dây chuyền sản xuất. Mặt khác, phải đảm bảo được yêu cầu phát triển khu sản xuất sau này cũng như yêu cầu cách ly vệ sinh và chống ồn với đường du lịch. Cụ thể như sau:

#### Giao thông



Giao thông đối ngoại: Điểm đầu nối với đường (công chính) phải đảm bảo không gian đệm an toàn, không ảnh hưởng tới giao thông trên đường mỗi khi xe ra vào.

Giao thông đối nội: Các trục giao thông phụ được thiết kế xoay quanh sân chung, liên kết các cụm chức năng của nhà xưởng, đảm bảo giao thông liên hoàn, thuận tiện

#### Hướng bố trí các công trình

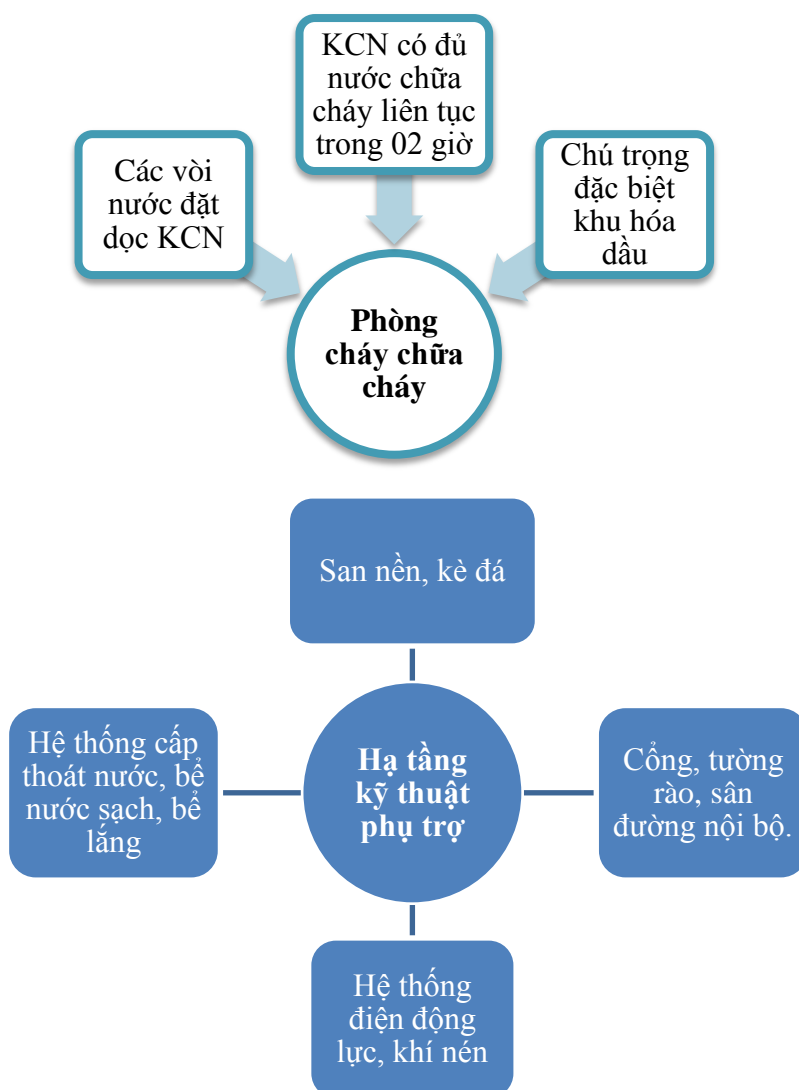


Nhà điều hành sản xuất có hướng chính vào sân chung hướng Tây, mặt đứng kiến trúc hướng ra đường hướng Đông

Các nhà xưởng được bố trí theo dây chuyền sản xuất khép kín. Các công trình phụ trợ được bố trí một cách hợp lý, khoa học

**Các thông số thiết kế chủ yếu**

<b>STT</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Diện tích</b>
1	Diện tích đất	20.092 m <sup>2</sup>
2	Diện tích nhà xưởng sản xuất	5.760 m <sup>2</sup>
3	Văn phòng điều hành	400 m <sup>2</sup>
4	Khu nhà ở và phụ trợ	1651 m <sup>2</sup>
5	Diện tích công trình giao thông nội bộ	6.137 m <sup>2</sup>
6	Bãi nguyên liệu	5.258 m <sup>2</sup>
7	Trạm biến áp	100 m <sup>2</sup>
8	Nhà bảo vệ, trạm cân	50 m <sup>2</sup>
9	Trồng cây xanh	4100 m <sup>2</sup>



#### 6.5.4. Đánh giá tác động môi trường

Với đặc thù là sản xuất bột đá siêu mịn và phụ gia ngành nhựa nên trong quá trình hoạt động sẽ phát sinh một số các tác động đến môi trường. Nguồn gây tác động chủ yếu là bụi, nước thải từ quá trình rửa đá, nước làm mát, nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, mùi và một lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn nguy hại.

Cụ thể, bụi và khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Nhà máy có thể tóm tắt thành các nguồn chính sau:

- Bụi và khí thải do hoạt động của các phương tiện vận tải ra vào Nhà máy.
- Bụi từ quá trình bốc dỡ, đổ nguyên liệu từ xe vận chuyển.
- Bụi từ dây chuyền sản xuất bột đá siêu mịn.
- Bụi và khí thải từ quá trình sản xuất hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch.
- Bụi và khí thải phát sinh từ các hoạt động khác: nấu ăn, vệ sinh nhà xưởng,...

Một số giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường bao gồm:

➤ **Giảm thiểu ô nhiễm không khí do các phương tiện vận tải, giao thông**

Công ty ưu tiên hàng đầu tới việc giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải bằng cách quy hoạch mặt bằng phù hợp; sân bãi và đường nội bộ luôn được giữ sạch; trồng lượng cây xanh (chiếm khoảng 26,05% diện tích của khu đất xây dựng dự án). Cây xanh được chủ dự án trồng chủ yếu là loại cây tán thấp chiều cao dưới 2m, cây thân cao tán rộng chiều cao trên 3m và cây bụi chiều cao dưới 2m.

Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm và các phương tiện giao thông đi lại của cán bộ công nhân viên ra vào Công ty được bố trí hợp lý. Đối với các loại xe cá nhân khi ra vào cổng Công ty phải tắt máy, dắt xe.

Khi vận chuyển nguyên liệu (chủ yếu là container) từ nơi cung cấp đến khu vực nhà máy, các phương tiện vận chuyển không được sử dụng các phương tiện giao thông vận tải quá cũ, quá thời gian lưu hành và không chở hàng hóa vượt quá tải trọng của xe.

Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên tưới nước, tạo độ ẩm của bề mặt đường giao thông nội bộ nhà máy để giảm bụi trong điều kiện thời tiết khô hanh 2 lần/ngày.

➤ **Giảm thiểu ô nhiễm không khí phát sinh trong quá trình sản xuất**

– Đối với quá trình bốc dỡ và đổ nguyên vật liệu:

- + Khu vực tập kết và bốc dỡ nguyên vật liệu từ xe ô tô xuống sân chứa được xây dựng tường bao che cao 2- 3m để hạn chế bụi phát sinh ra môi trường.
- + Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân bốc dỡ như: mũ, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động...
- + Trồng các cây xanh thân cao tán rộng chiều cao trên 3m quanh tường bao nhà máy để hạn chế bụi phát tán.
- + Thu dọn sạch nguyên vật liệu rơi vãi trong quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu.

– Đối với dây chuyền sản xuất bột đá siêu mịn

- + Diễn giải quy trình xử lý:

Để xử lý bụi phát sinh, trong dây chuyền sản xuất đồng bộ của công ty có thiết bị lọc bụi. Đây chính là hệ thống thu hồi sản phẩm đồng thời cũng chính là thiết bị xử lý môi trường bụi trong quá trình sản xuất của nhà máy. Toàn bộ lượng bụi sản phẩm và không khí sau khi qua hệ thống phân ly sẽ được hút vào thiết bị lọc bụi bằng quạt hút G9-28, có công suất 31.000m<sup>3</sup>/h, tốc độ quạt gió 1m/phút. Tiếp theo lượng không khí chứa bụi sẽ được đưa qua hệ thống lọc bụi túi vải tốc độ lọc 1,6m/s, áp suất trong ống luôn luôn âm P < 1. Tại thiết bị lọc bụi, bụi được giữ trên thành túi lọc với hiệu suất tối đa lên tới 99%, không khí sạch qua túi lọc và buồng sạch thải ra ngoài môi trường còn bụi giữ lại ở các túi lọc. Sau một khoảng thời gian đặt trước, động cơ hút và van gió chính đóng lại. Van giữ bụi được mở ra, khí nén với áp lực lớn qua buồng làm sạch xả vào túi lọc làm rung các túi lọc và hạt bụi được rơi xuống đáy buồng. Sau khi giữ xong, van thu hồi liệu mở ra, hạt bụi được thu hồi. Bụi thu hồi được chuyển qua gầu tải vào silo chứa sản phẩm và đóng bao được sử dụng như sản phẩm. Đây chính là sản phẩm của nhà máy.

Theo khảo sát tại một số cơ sở sản xuất bột đá nồng độ bụi trong xưởng nghiền bột đá đo được khi không có biện pháp giảm thiểu khoảng 7-8 mg/m<sup>3</sup>.

Công ty đã áp dụng biện pháp giảm thiểu như đề cập trên với hiệu suất tính trung bình đạt 98% thì nồng độ bụi trong không khí thải ra môi trường xung quanh khoảng 140-160µg/m<sup>3</sup> đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép trong QCVN 05:2013/BTNMT trung bình 1h

(300 $\mu\text{g}/\text{m}^3$ ).

+ Nguyên tắc hoạt động của hệ thống xyclon:

Không khí có lẫn bụi đi vào ống theo phương tiếp tuyến với ống trụ và chuyển động xoáy tròn đi xuống phía dưới, khi gặp phễu thì dòng không khí bị đẩy ngược lên chuyển động xoáy trong ống và thoát ra thiết bị lọc bụi của túi vải. Trong quá trình chuyển động xoáy ốc lên và xuống trong các ống, các hạt bụi dưới tác dụng của lực ly tâm va vào thành mát quán tính và rơi xuống dưới. Ở đáy xyclon lắp thêm van xả để xả bụi ra ngoài.

+ Cấu tạo của thiết bị lọc bụi túi vải:

Thiết bị lọc bụi túi vải gồm nhiều túi vải dệt từ các sợi khác nhau như sợi len, gai, sợi bông vải, sợi thủy tinh lồng vào khung lưới thép để bảo vệ. Năng suất lọc của mỗi túi đạt 750 $\text{m}^3/\text{h}$ . Thiết bị gồm nhiều ống tay áo đường kính từ 120-300mm, chiều cao từ 2-3,5m (có thể dài hơn), đầu dưới liên kết với bản đáy đục lỗ tròn bằng đường kính của ống tay áo hoặc lồng vào khung và cố định đầu trên.

Khí cần lọc được đưa vào phễu chứa bụi rồi theo ống túi vải đi từ ngoài vào trong để đi vào ống góp khí sạch và thoát ra ngoài. Khi bụi đã bám nhiều trên mặt ngoài của ống tay áo làm cho sức cản của chúng tăng cao ảnh hưởng đến năng suất lọc khi đó áp suất trong ống lớn hơn 1 ( $P > 1$ ), người ta tiến hành hoàn nguyên bằng cách rung để giữ bụi kết hợp với phụt không khí nén bằng máy thổi khí với công suất 32173 $\text{m}^3/\text{h}$  kiểu xung lực để không khí từ trong ra ngoài ống túi vải và bụi được xả bằng van xả liệu.

Thiết bị lọc bụi được chế tạo thành nhiều đơn nguyên và lắp ghép nhiều đơn nguyên thành một hệ thống có năng suất lọc đáp ứng yêu cầu. Để hệ thống làm việc được liên tục, quá trình hoàn nguyên được tiến hành định kỳ và tuần tự cho từng đơn nguyên. Khí trong quá trình hoàn nguyên được dẫn sang các đơn nguyên khác của hệ thống để nhập với dòng khí cần lọc ra.

Thiết bị lọc bụi túi vải thường được chế tạo để làm việc trên các ống hút của máy quạt. Năng suất và hiệu quả lọc của thiết bị lọc bụi túi vải phụ thuộc rất nhiều vào chất liệu vải lọc. Năng suất lọc từ 120-160 $\text{m}^3/\text{h}$  trên 1 $\text{m}^2$  bề mặt vải lọc; Sức cản khí động của vải lọc thay đổi từ 900-1040Pa (92-106mmH<sub>2</sub>O) và của cả thiết bị từ 1.265-1400Pa (129-142 mmH<sub>2</sub>O); hiệu suất đạt từ 90%-99%.

Tại vị trí phát sinh khí thải quá trình sản xuất hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch được lắp đặt hệ

thống chụp hút khí thải và đường ống thu dẫn khí thải. Khí thải được quạt hút thông qua hệ thống chụp hút và ống dẫn khí, sau đó khí thải được đẩy vào thiết bị hấp phụ, khí thải đi qua lớp vật liệu hấp phụ. Tại đây, các chất ô nhiễm trong khí thải được hấp phụ vào trong các mao quản của vật liệu hấp phụ, khí sạch được thải vào không gian bên ngoài nhà xưởng.

+ Ưu điểm của công nghệ xử lý lựa chọn:

- ✓ Chi phí đầu tư ban đầu, chi phí vận hành hệ thống xử lý thấp.
- ✓ Hệ thống dễ vận hành và bảo dưỡng
- ✓ Hóa chất hấp thụ, vật liệu hấp phụ sẵn có và rẻ tiền
- ✓ Phù hợp với quy mô công suất sản xuất của Cơ sở

– Ngoài ra, để giảm thiểu ô nhiễm không khí trong quá trình sản xuất Nhà máy, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- + Khu vực nhà xưởng được thiết kế nhiều cửa rộng và bố trí quạt thông gió, quạt công nghiệp trong các xưởng để điều hòa, trao đổi không khí giữa bên trong và bên ngoài nhà xưởng, giúp giảm nhanh nồng độ các chất ô nhiễm trong khu vực sản xuất;
- + Thường xuyên kiểm tra, vệ sinh và bảo dưỡng hệ thống máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất;
- + Công nhân lao động trực tiếp tại các khu nhà xưởng, khu vực bãi chứa sản phẩm, kho được trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động (quần áo, giày, mũ, khẩu trang, găng tay) để hạn chế tác động của bụi và khí thải đến sức khỏe.
- + Tại vị trí bếp nấu được lắp đặt quạt hút bụi và mùi. Bụi và mùi sau khi được hút sẽ được thải ra ngoài môi trường qua hệ thống ống xả.
- + Đối với việc thu gom rác thải sinh hoạt, nhà máy thực hiện phân loại, thu gom và vận chuyển đến khu vực tập kết tạm thời chứa trong nhà máy có mái che, tường lửng xây xung quanh, có diện tích khoảng 5m<sup>2</sup>, phun các chất khử mùi nhằm hạn chế mùi phát sinh và hàng ngày đưa đi xử lý theo quy định.
- + Khu nhà vệ sinh sử dụng hệ thống vệ sinh khép kín. Khu vệ sinh thường xuyên được dọn



## **BẢN CÁO BẠCH**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

---

rửa và khử mùi nên hạn chế tối đa mùi hôi phát sinh và không gây ảnh hưởng đến môi trường không khí khu vực nhà máy. Khu bể tự hoại được xây kín hoàn toàn, chỉ có ống thông khí ra bên ngoài nhằm hạn chế mùi hôi phát sinh.

- + Ngăn ngừa nước mưa chảy tràn và nước thải sinh hoạt: Công ty đã đầu tư xây dựng hai hệ thống thoát nước riêng biệt là hệ thống thoát nước thải sinh hoạt và hệ thống thoát nước mưa. Việc thu gom nước thải sinh hoạt riêng biệt với nước mưa sẽ giảm chi phí xử lý lượng nước thải và thuận lợi cho việc xử lý từng loại nước thải.

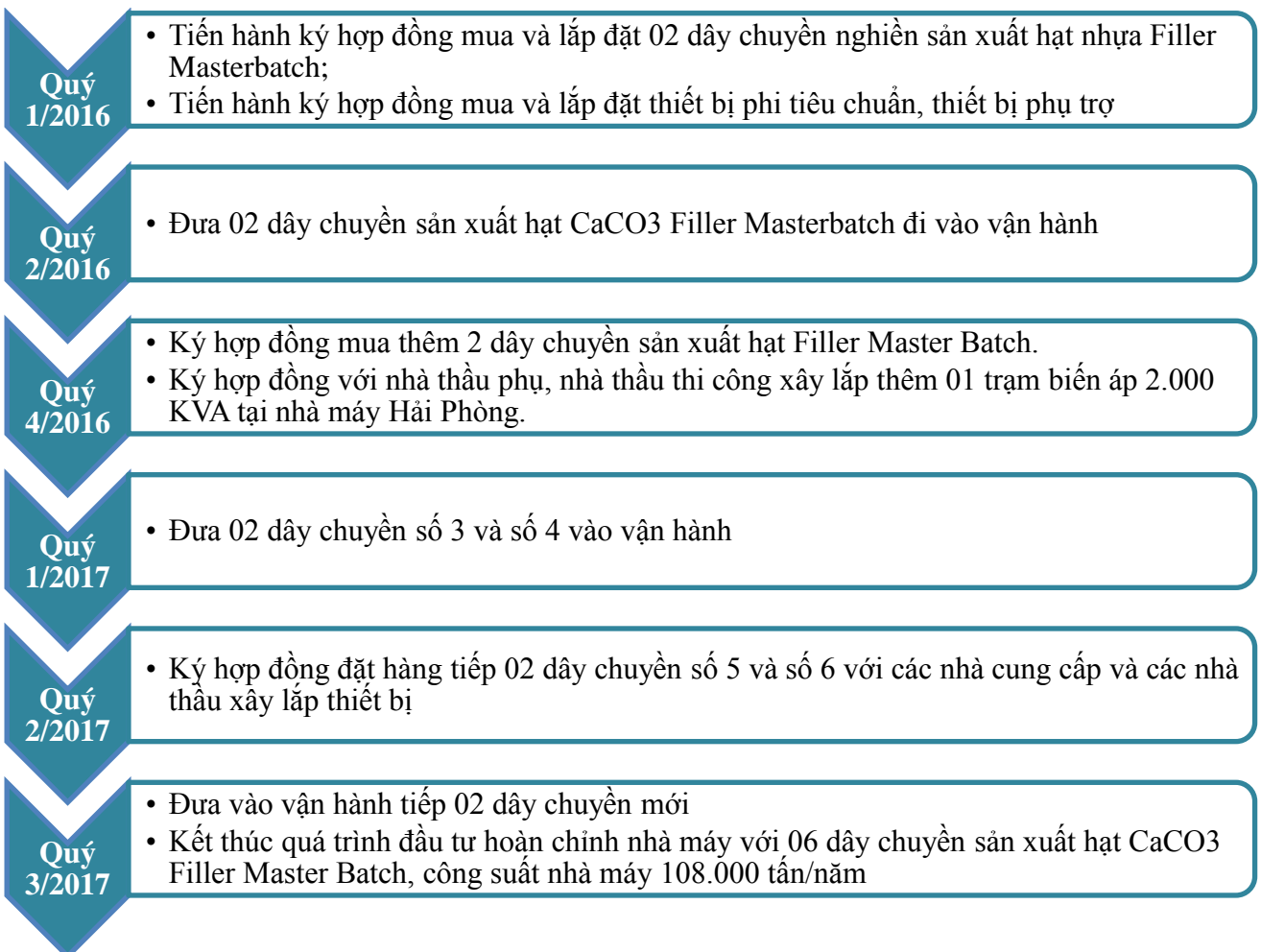
#### *6.5.5. Tiến độ đầu tư*

##### **Giai đoạn 1: Chuẩn bị đầu tư**

Thời gian: Từ tháng 1 đến 2014 đến hết tháng 09 năm 2015.

Công việc tổ chức chuẩn bị đầu tư: Lập quy hoạch tổng thể mặt bằng; Lập dự án đầu tư và lập tổng mức đầu tư, trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; Xây dựng cơ sở hạ tầng nhà máy

##### **Giai đoạn 2: Thực hiện đầu tư**



### **Giai đoạn 3: Kết thúc đầu tư**

Thời gian: Quý 4 năm 2017.

Công việc: Hoàn thành xây lắp tất cả các hạng mục và lắp đặt thiết bị, máy móc trong dự án. Nghiệm thu bàn giao, quyết toán hoàn thành dự án.

Tính đến thời điểm 30/06/2017, ngoại trừ dây chuyền sản xuất Filler Masterbatch đang trong quá trình nhập khẩu, hầu hết hạng mục đầu tư của dự án đã được thực hiện. Tổng vốn đầu tư đã thực hiện là hơn 150 tỷ đồng, số lượng vốn cần đầu tư thêm là khoảng 50 tỷ đồng (chủ yếu là để nhập khẩu máy móc, thiết bị). Tính đến thời điểm hiện tại, toàn bộ dây chuyền máy móc lắp đặt của Công ty đều đã đi vào hoạt động và sản xuất ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng, góp vai trò quan trọng giúp Nhựa Pha Lê đạt được mức tăng trưởng doanh thu đột biến trong năm 2016 và nửa đầu năm 2017, trong đó mảng sản xuất Filler Masterbatch đóng vai trò chủ đạo.

### **6.6. Trình độ công nghệ**

Nhựa Pha Lê là đơn vị sở hữu dây chuyền, công nghệ và máy móc sản xuất tiên tiến nhất, quy trình quản lý chất lượng nghiêm ngặt. Kỹ thuật và quy trình khai thác đá của Công ty cũng như quy trình sản xuất Filler Masterbatch được thiết kế với sự linh hoạt tối đa để chúng tôi có thể thực hiện đơn đặt hàng của khách hàng toàn cầu theo cách phù hợp nhất với họ. Nhựa Pha Lê cũng liên tục cải tiến không ngừng để nội bộ công ty, từ phân xưởng khai thác, sản xuất cho đến bộ máy vận hành và hoạt động giao hàng diễn ra hiệu quả, trơn tru.

Nhằm giữ được lợi thế trong môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt, Nhựa Pha Lê đã dành phần lớn đầu tư vào nghiên cứu công nghệ tiên tiến nhất trong ngành công nghiệp và tinh chỉnh các quá trình cho phù hợp. Một yếu tố quan trọng của chiến lược mà Nhựa Pha Lê đưa ra là việc thành lập các cơ sở phòng thí nghiệm những nơi đang làm việc để áp dụng, thích ứng và phát triển của kỹ thuật sản xuất tiên tiến và quy trình sản xuất ra các sản phẩm tốt nhất với mức sử dụng tối ưu của nguyên vật liệu. Phòng thí nghiệm được trang bị thiết bị đầy đủ cũng giúp Nhựa Pha Lê có đủ năng lực đáp ứng nhu cầu của khách hàng cũng như là phát triển các sản phẩm mới và đảm bảo chất lượng sản phẩm hiện tại.

Công ty ưu tiên sử dụng những máy móc tân tiến nhất nhằm đem lại sự linh hoạt tuyệt vời trong quá trình sản xuất. Hiện nay, Nhựa Pha Lê là một trong những đơn vị tiên phong ở Việt Nam nhập khẩu máy đùn hạt nhựa áp dụng công nghệ mới nhất từ Đức. Công nghệ hiện đại giúp cho việc sản xuất vừa tiết kiệm năng lượng, thời gian, công sức vừa đạt công suất cao. Chi tiết việc lựa chọn công nghệ sản xuất của Nhựa Pha Lê như sau:

➤ **Xưởng nghiền tuyển đá tại Nghệ An**

Vì việc nghiền tuyển đá có đặc thù là rất đơn giản, với bản chất là nghiền đá cục thành kích thước bé hơn, nên Nhựa Pha Lê quyết định đầu tư vào dây chuyền sản xuất do Việt Nam sản xuất, với chi phí đầu tư thấp. Bên cạnh đó, Công ty còn ưu tiên lựa chọn những thiết bị có mức tiêu thụ điện năng thấp, tiết kiệm chi phí của doanh nghiệp, giúp hạ giá thành sản phẩm, để sản phẩm tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

**Bảng 7 - Danh mục máy móc sử dụng tại xưởng nghiền tuyển đá**

TT	Tên thiết bị	Nguồn gốc	Đặc tính
1	Máy cấp liệu rung 600*900	Việt Nam	Năng suất vận chuyển: 50-100 m <sup>3</sup> / giờ Dung tích chứa: 20 m <sup>3</sup> . Công suất động cơ: 15 KW
2	Máy nghiền hàm 600*900	Việt Nam	Động cơ: 75 KW 980 v/p Trọng lượng máy: 16 tấn
3	Sàng phân loại STB150-2	Việt Nam	Công suất động cơ: 18.5 KW
4	Sàng phân loại STB 150-3	Việt Nam	Động cơ 18.5 KW
5	Máy nghiền đá phản kích PF 1214	Việt Nam	Động cơ 132 KW, Năng suất 60-100m <sup>3</sup> /h
6	Băng tải các loại	Việt Nam	Động cơ: 3.7 - 11 KW
7	Tủ điện điều khiển	Việt Nam	Đã qua sử dụng
8	Máy cấp liệu bàn đẩy CLTB	Việt Nam	Dung tích chứa: 12 m <sup>3</sup> Động cơ: 11 KW
9	Máy nghiền hàm 300*1300	Trung Quốc	Động cơ 55 KW, kích cỡ liệu đầu vào 250mm. Trọng lượng máy: 6 tấn
10	Cấp liệu rung + thuyền rung	Việt Nam	Trục lệch tâm song song chuyển động bánh răng.
11	Sàng phân loại STB75-3 cấp	Việt Nam	Công suất động cơ: 7.5 KW
12	Máng chứa đá -20 m <sup>3</sup>	Việt Nam	Thép tấm 18 ly + vách nghiền be thành tôn 10 ly

TT	Tên thiết bị	Nguồn gốc	Đặc tính
13	Sắt si kép hàm nghiền thứ cấp I400	Việt Nam	Sắt si động cơ hộp 140
14	Băng tải các loại	Việt Nam	Động cơ 3.7 KW - 7.5 KW
15	Máy nghiền đĩa thí nghiệm	Trung Quốc	
16	Máy đo độ trắng	Trung Quốc	

*Nguồn: Nhựa Pha Lê*

➤ **Nhà máy bột đá siêu mịn CaCO<sub>3</sub> và hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch**

Nhựa Pha Lê đặt mục tiêu sản xuất ra sản phẩm có chất lượng tốt để cung cấp cho khách hàng. Hai yếu tố quan trọng nhất quyết định tới chất lượng sản phẩm bao gồm thứ nhất là chất lượng của nguyên vật liệu đầu vào, và thứ hai là độ đồng đều và ổn định của cỡ hạt đầu ra.



Yếu tố thứ nhất đã được đảm bảo, do chất lượng đá của mỏ Thung Hưng có tính cạnh tranh về độ sáng, trắng, và ít tạp chất. Yếu tố thứ hai phụ thuộc vào việc lựa chọn công nghệ cho dây chuyền siêu mịn. Chính vì vậy, vấn đề lựa chọn công nghệ cho dây chuyền siêu mịn phù hợp, và đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra trở nên rất quan trọng. Hiện tại, sản xuất bột đá siêu mịn CaCO<sub>3</sub> với công nghệ nghiền Bi của Đức được coi là tốt nhất trên thị trường, nhưng chi phí đầu tư quá lớn, dẫn đến giá thành sản phẩm tăng cao, từ đó sản phẩm không có tính cạnh tranh trên thị trường. Một loại công nghệ khác được sử dụng trong sản xuất bột đá siêu mịn là công nghệ máy nghiền đứng của Đức nhưng được sản xuất tại nước thứ 3 là Trung Quốc rất phổ biến, và có rất nhiều doanh nghiệp

## **BẢN CÁO BẠCH** **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

---

Việt Nam đang sử dụng. Ưu điểm của công nghệ này là chi phí đầu tư thấp, tiêu thụ ít điện năng, nên giá thành của sản phẩm thấp, tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp.



Để giải quyết được vấn đề chi phí đầu tư hợp lý, mà vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm, Nhựa Pha Lê quyết định lựa chọn công nghệ máy nghiền đứng được sản xuất tại Trung Quốc. Sau quá trình tìm hiểu, và liên lạc với rất nhiều nhà cung cấp, cuối cùng, Nhựa Pha Lê đã lựa chọn được đơn vị cung cấp dây chuyền nghiền bột siêu mịn để cung cấp máy nghiền đứng. Đây là những công ty đã cung cấp khoảng 20 dây chuyền tại Việt Nam, với hiện trạng các dây chuyền này đang hoạt động rất tốt. Thêm vào đó, trong quá trình tham khảo thị trường Ấn Độ, khách hàng rất hài lòng với chất lượng sản phẩm sản xuất từ dây chuyền sản xuất của hãng này.





**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Đối với dây chuyền nghiền Hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch, Công ty cũng đã lựa chọn được nhà cung cấp uy tín, với chất lượng máy móc đảm bảo và đã được kiểm nghiệm qua việc cung cấp dây chuyền máy móc cho các doanh nghiệp lớn tại Việt Nam từ trước đến nay.

**Bảng 8 - Thiết bị công nghệ sử dụng tại nhà máy Hải Phòng**

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Hiện trạng (% mới)	Thông số cơ bản	Xuất xứ	Số lượng
<b>1.</b>	<b>Hệ thống máy sản xuất bột đá CaCO<sub>3</sub> siêu mịn</b>				
<b>1.1</b>	<b>Hệ thống thiết bị chính</b>				
1	Hệ thống máy nghiền và thiết bị điều khiển	100%	28 ống nghiền, Đường kính D 4000mm, tốc độ vòng quay 180-200, kích cỡ hạt đầu vào nhỏ hơn 20mm. Sản phẩm đầu ra 325 – 2500mesh	Trung Quốc	4
	SCM Super - micro Mill				4
	Cân băng định lượng				4
	Hệ thống điều khiển – Electric control box				4
<b>1.2</b>	<b>Hệ thống thiết bị phi tiêu chuẩn – hệ thống nghiền thô</b>				
1	Máy búa đập nằm ngang 1 trục 1450x1450	100%	Động cơ 75KW, vỏ máy tôn dày 16 ly, bánh đà phi 700, trục chính lắp bi 22324 chuyển động dây đai buli bánh đà, năng suất 30-35 T/H	Việt Nam	1
2	Gầu tải TH 350	100%	Tôn vách dày 3 ly, khung gầu V63, Hộp số 350 động cơ 11 KW	Việt Nam	1
3	Si lô liệu vào 4 máy nghiền mịn	100%	Kích cỡ silo 10000 x 5000x5000, tôn dày 3 ly, xương tăng cứng U80, chân thép I 350	Việt Nam	1
4	Hàm Nghiền PEX 250x1200	100%	Động cơ 37 KW, phễu đón liệu trên, dưới tôn dày 12 ly	TrungQuốc	1
5	Cấp liệu rung	100%	Động cơ 18.5 điều khiển vô cấp	Việt Nam	1

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Hiện trạng (% mới)	Thông số cơ bản	Xuất xứ	Số lượng
	1000x4900		hàng Nhật, Cụm chuyển động trục chính lắp bi 22324		
6	Si lô chứa (silo trên cấp liệu rung)	100%	Tôn dày 12 ly	Việt Nam	1
7	Máy khử từ băng tải	100%		Việt Nam	2
8	Quạt hút bụi máy búa	100%		Việt Nam	1
9	Băng tải các loại	100%		Việt Nam	1
10	Tủ điều khiển cho toàn bộ hệ thống	100%		Việt Nam	1
<b>1.3</b>	<b>Phương tiện, thiết bị hỗ trợ</b>				
1	Xúc lật bánh lốp CLG836	100%	Dung tích gầu 3m3	Trung Quốc	1
2	Xe nâng liugong Model CPCD30	100%		Trung Quốc	3
3	Máy đo cỡ hạt Mastersizer 3000E	100%		Anh Quốc	1
4	Máy đo độ trắng KONICA MINOLTAL CR-410	100%		Nhật Bản	1
5	Cân sấy ẩm điện tử Ohaus model MB25	100%		Mỹ	1
<b>2.</b>	<b>Hệ thống máy sản xuất hạt CaCO3 Filler Masterbatch</b>				
<b>2.1</b>	<b>Hệ thống máy chính</b>				
1	Máy đùn hạt CJWV-77	100%	Động cơ AC 250KW 800 RPM, điều khiển bằng biến tần Schneider. Công suất 2.000 – 2.500 kg/h	Trung Quốc	4
2	Hộp số	100%	2x 1492Nm	Nhật Bản	4
3	Xi lanh	100%	Độ cứng 64HRC	Trung Quốc	4
4	Trục vít	100%	Đường kính 71mm. độ cứng 63HRC	Trung Quốc	4

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Hiện trạng (% mới)	Thông số cơ bản	Xuất xứ	Số lượng
5	Điều khiển nhiệt RKC	100%		Nhật Bản	4
6	Hệ thống làm mát thân máy	100%	Bơm 1,5 kw	Trung Quốc	4
7	Hệ thống thay lưới	100%	Thủy lực 2 chiều	Trung Quốc	4
8	Bơm hút chân không	100%	3 Kw	Trung Quốc	4
9	Hệ thống cắt hạt	100%	3000RPM	Trung Quốc	4
10	Máy vắt	100%	Dạng đứng	Trung Quốc	4
11	Sàng rung	100%	2500Kg/ giờ	Trung Quốc	4
12	Tủ điều khiển	100%	Ral 7032	Nhật bản	4
13	Máy trộn	100%	800L, tốc độ 330/660 vòng/phút. Công suất 132kw	Trung Quốc	4
14	Bộ cấp liệu máy đùn	100%	Thế hệ mới	Trung Quốc	4
15	Silo chứa, hệ thống đường ống	100%	2m3, công suất quạt 5,5 kw	Trung Quốc	4
<b>2.2</b>	<b>Thiết bị phi tiêu chuẩn</b>				
1	Quạt thổi	100%		Trung Quốc	4
2	Cân băng điện tử	100%		Trung Quốc	4
3	Hệ thống cân phụ gia bán tự động	100%		Trung Quốc	2
4	Hệ thống cân dầu tự động	100%		Trung Quốc	4
5	Máy thổi màng	100%		Trung Quốc	2
6	Bình chân không	100%		Việt nam	4
7	Giá kệ hàn, khâu bao	100%		Việt nam	4
8	Bể nước làm mát	100%		Việt nam	2
9	Tháp giải nhiệt	100%		Việt nam	4
10	Hệ thống đường ống	100%		Việt nam	2



TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Hiện trạng (% mới)	Thông số cơ bản	Xuất xứ	Số lượng
	chịu nhiệt				
11	Hệ thống bơm nước mềm thân máy	100%		Việt nam	2
12	Bồn chứa dầu gia công	100%		Việt nam	4
<b>2.3 Phương tiện hỗ trợ</b>					
1	Máy cuốn màng	100%		Trung Quốc	1
2	Xe nâng 3 tấn	100%		Trung Quốc	2
3	Máy in tem	100%		Anh	1
4	Máy ép phun	100%		Mỹ	1
5	Cân phân tích	100%		Trung quốc	1

*Nguồn: Nhựa Pha Lê*

### **6.7. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới (QA) của Công ty đang thực hiện việc nghiên cứu, phân tích đặc thù của mỗi nguyên liệu hạt nhựa cho các sản phẩm ứng dụng khác nhau để đề xuất với lãnh đạo hướng phát triển, đa dạng hóa sản phẩm mới. Hiện tại Công ty vẫn tiếp tục duy trì và phát triển các sản phẩm đã và đang khai thác bao gồm nhóm sản phẩm từ đá CaCO<sub>3</sub> và nhóm sản phẩm hạt nhựa Filler Masterbatch. Công ty cũng thường xuyên cải tiến mẫu mã, đa dạng hóa sản phẩm, đầu tư công nghệ nhằm khắc phục sự một số yếu điểm trong quá trình sản xuất hiện tại, đồng thời giảm thiểu chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Đội ngũ nhân viên R&D của Công ty cũng đang hợp tác với Trung tâm công nghệ Polyme Bách Khoa và Viện Khoa học Vật liệu - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam để nghiên cứu thành phần và ứng dụng các loại hạt nhựa nguyên liệu đối với mỗi sản phẩm cung cấp cho khách hàng.

Trong những năm tới đây, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn tập trung phát triển ngành nghề truyền thống là sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch theo nhu cầu của các khách hàng quốc tế. Bên cạnh đó, Công ty cũng đang tiến hành các dự án nghiên cứu phát triển để sản xuất các sản phẩm cuối cùng dựa trên ứng dụng của hạt Filler Masterbatch như sản phẩm màng nhựa, túi nylon, sản phẩm tấm trần, khung, cửa nhựa, ....

### **6.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ**

Là một doanh nghiệp khai thác, sản xuất, Nhựa Pha Lê hiểu vai trò then chốt của việc quản lý vận hành trong việc đảm bảo sự thành công cho cả Công ty và khách hàng. Mô hình kinh doanh của Nhựa Pha Lê được xây dựng theo một chu trình toàn diện từ việc khai thác nguyên vật liệu thô, sản xuất, sản phẩm hoàn thiện và giao hàng. Hiện nay Công ty đã thiết kế mô hình hoạt động của công ty theo từng nhóm: Kinh doanh và Marketing; Sản xuất và Quản lý chất lượng; Nghiên cứu và phát triển; Giao vận; Văn phòng hỗ trợ. Mô hình quản lý này giúp Công ty có thể đảm bảo sự quản lý chặt chẽ và sự chuyên môn hóa các kỹ năng. Khách hàng sẽ luôn được phục vụ bởi từng đơn vị riêng biệt theo yêu cầu và mong muốn của mình, đảm bảo nhận được tốc độ phản hồi nhanh nhất, chính xác nhất cũng như dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt nhất.



Công ty đặc biệt chú trọng đến công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ, tất cả các loại nguyên vật liệu, sản phẩm về đều được kiểm tra chặt chẽ. Sản phẩm do Nhựa Pha Lê sản xuất cũng phải trải qua quá trình kiểm soát chất lượng chặt chẽ từ đầu vào đến đầu ra, nhờ đó có thể xâm nhập được vào các thị trường khó tính như Trung Đông, Châu Âu, Mỹ, ...

Quá trình sản xuất của Công ty đạt được các chứng nhận chất lượng quốc tế như chứng nhận ISO 9001:2015 và ISO 14001: 2015.

Hệ thống sản xuất của Công ty được xây dựng và giám sát bởi Giám đốc công nghệ, người sẽ đảm bảo chất lượng của sản phẩm ở từng giai đoạn và cam kết rằng sản phẩm sẽ đến tay khách hàng đồng bộ với chất lượng hàng đầu. Bộ phận kiểm tra chất lượng của có chức năng tham mưu giúp Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý chất lượng vật tư đầu vào, trong quá trình sản xuất, thành phẩm, bán thành phẩm, sản phẩm trước khi giao hàng và quản lý dụng cụ đo lường trong toàn Công ty.

Trong thời gian tới công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm sẽ được đẩy mạnh hơn nữa với việc tăng cường về số lượng và chất lượng cán bộ, đầu tư thêm thiết bị kiểm nghiệm, hoàn thiện quy chế quản lý chất lượng.

### **6.9. Hoạt động Marketing**

Trong những năm qua Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng có của mình và đã đạt được những hiệu quả cao. Đến nay sản phẩm và dịch vụ của Công ty đã có uy tín trên thị trường cả nước và quốc tế. Công ty luôn có những hợp đồng dài hạn với các đối tác là những công ty lớn, có nhu mua hàng thường xuyên với khối lượng ổn định như Công ty Cổ Phần Hóa Chất Tp. Hồ Chí Minh, Global New Material Ltd, Orientlink Ltd., Hindusthan National Glass & Industries Ltd., .....

Chiến lược hoạt động Marketing của Công ty được triển khai đồng bộ từ Sản phẩm (Product), Giá cả (Price), Phân phối (Distribution) đến Xúc tiến (Promotion). Cụ thể:

#### **➤ Sản phẩm**

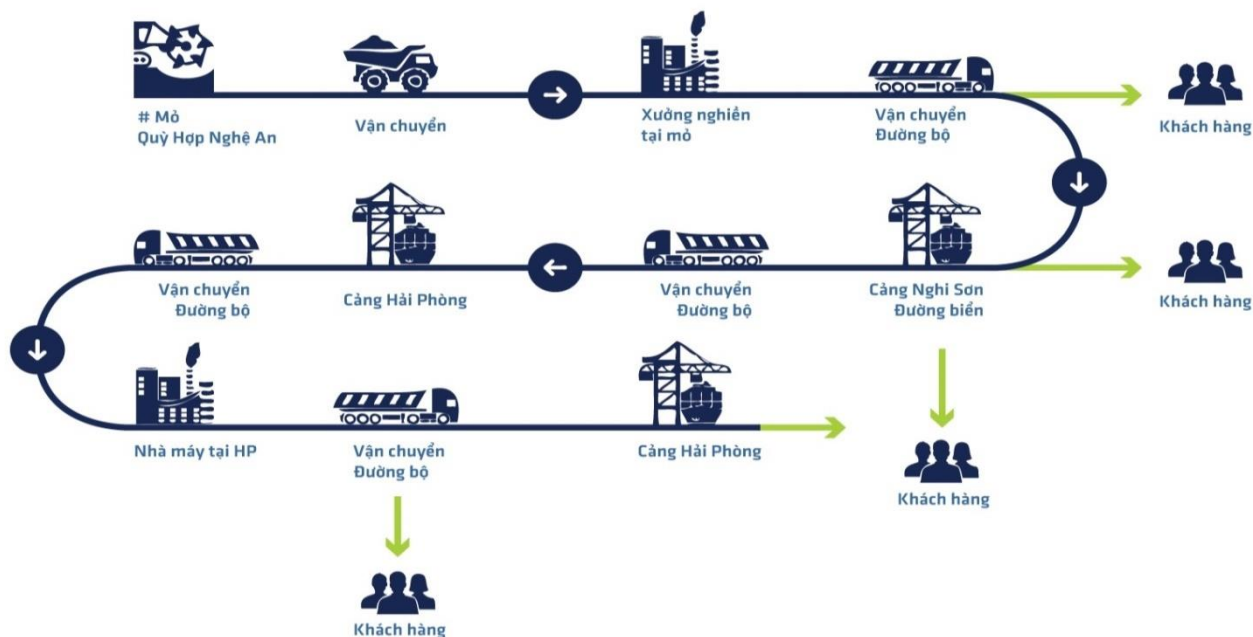
Hiện nay, Nhựa Pha Lê chủ yếu sản xuất các sản phẩm có gốc CaCO<sub>3</sub> như: đá vôi trắng, bột đá và hạt độn phụ gia ngành nhựa,... trong đó sản phẩm của Công ty vừa mang tính chuyên môn hóa, vừa mang tính đa dạng hóa nhằm từng bước đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Sản phẩm đá CaCO<sub>3</sub> được cung ứng cho khách hàng trong nước như: Công ty TNHH Thương mại Nhựa Hà Nội, Công ty TNHH MTV Thương mại Thịnh Phát và CTCP Hóa chất Tp. Hồ Chí Minh. Một phần sản phẩm đá CaCO<sub>3</sub> và hầu hết sản phẩm hạt nhựa chủ yếu được xuất khẩu ra thị trường quốc tế.

#### **➤ Giá cả**

Công ty áp dụng chính sách giá bán linh hoạt căn cứ theo điều kiện kinh doanh và tình hình nhu cầu của thị trường, đồng thời phù hợp với đối tượng khách hàng của Công ty. Giá cả được hình thành dựa trên cơ sở phân tích biến phí và định phí, kết hợp với tỷ suất lợi nhuận phù hợp và được điều chỉnh lại dựa vào các biến số thị trường và khách hàng, đảm bảo tính cạnh tranh và mang lại lợi ích tối đa.

Được đầu tư dây chuyền máy móc tiên tiến và hiện đại, mức giá đối với sản phẩm hạt nhựa của Công ty luôn được coi là mức giá mang tính cạnh tranh cao đối với các doanh nghiệp cùng ngành. Tuy nhiên, không vì đề xuất những mức giá cạnh tranh mà các sản phẩm dịch vụ của Công ty mất đi tính chất lượng và hiệu quả.

➤ **Phân phối**



Các sản phẩm dịch vụ đang được cung ứng của Công ty hiện nay phục vụ cho cả thị trường nội địa và quốc tế. Việc vận chuyển hàng được áp dụng cả phương thức vận chuyển đường bộ và đường biển, trong đó vận chuyển đường biển đóng vai trò chủ đạo. Phương thức giao hàng đường biển của Nhựa Pha Lê thường áp dụng và FOB (FOB Nghi Sơn) đối với các sản phẩm trong nước và CIF đối với các sản phẩm xuất khẩu. Phương thức giao hàng trong vận tải đường bộ thường chỉ được áp dụng trong nội bộ các chi nhánh.

➤ **Xúc tiến bán hàng**

Với định hướng phát triển chính là nhắm vào thị trường quốc tế, Nhựa Pha Lê xác định hoạt động bán hàng của mình sẽ gặp phải sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp trên thế giới. Do đó, Công ty luôn chú trọng đến hoạt động xúc tiến bán hàng và chăm sóc khách hàng của mình. Khi làm việc với Công ty, khách hàng sẽ không phải liên lạc với một địa chỉ email chung chung và một nhân viên vô danh, mà thay vào đó là một người hiểu vấn đề của mình, quan tâm đến nhu cầu và chịu trách nhiệm cho sự thành công của khách hàng.

Bên cạnh đó, Công ty liên tục tuyển dụng các nhân sự bán hàng cao cấp. Hiện nay, hoạt động bán hàng của Công ty đang được phụ trách bởi 04 nhân sự người nước ngoài và 06 nhân sự người Việt Nam. Bên cạnh đó, nắm bắt xu thế kinh doanh và tiếp thị mới của thị trường, Công ty cũng thực hiện những hình thức giới thiệu sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng như website của Công ty, các trang web quảng cáo bán hàng, xúc tiến thương mại,...

**6.10. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

Logo và nhãn hiệu Công ty:



Hiện nay Nhựa Pha Lê đang tiến hành thủ tục với Cục sở hữu Trí tuệ xin đăng ký bảo hộ logo và nhãn hiệu của Công ty.

**6.11. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết**

Tên sản phẩm	Đối tác	Tổng giá trị (USD)	Thời gian hoàn thành dự kiến
Filler Masterbatch	Global New Material Ltd.	2.175.594	Năm 2017
Đá CaCO <sub>3</sub>	Orientlink Ltd.	1.293.540	Năm 2017
Filler Masterbatch	Hindusthan National Glass & Industries ltd.	840.000	Năm 2017
Filler Masterbatch	Rakha Al-Khaleej International FZCO	323.100	Năm 2017
Đá CaCO <sub>3</sub>	Bashundhara Multipaper Industries Ltd.	189.000	Năm 2017
Đá CaCO <sub>3</sub>	VR Minerals	137.256	Năm 2017
Đá CaCO <sub>3</sub>	Lira Industrial Enterprise	114.288	Năm 2017
Đá CaCO <sub>3</sub>	M/S Zaeba Traders	97.440	Năm 2017
Filler Masterbatch	Deltachem	94.770	Năm 2017
Đá CaCO <sub>3</sub>	R.B Agro Ltd.	87.360	Năm 2017
Filler Masterbatch	UZAIR Impex	86.580	Năm 2017
Filler Masterbatch	Portokallidis	84.645	Năm 2017
<b>Tổng cộng</b>		<b>5.523.573</b>	

*Nguồn: Nhựa Pha Lê*

**7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

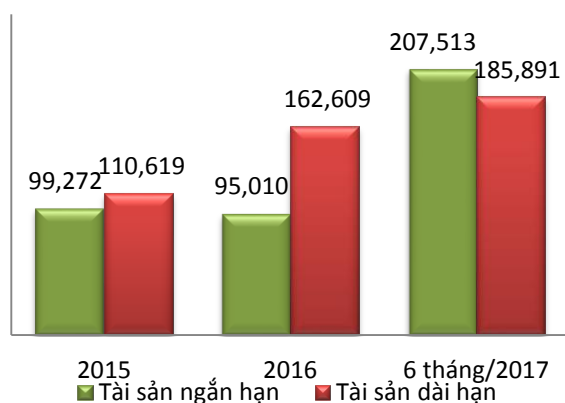
**Bảng 9 – Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty giai đoạn 2015- 2016**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016		6 tháng/2017
		Giá trị	% thay đổi	
Tổng giá trị tài sản, trong đó:	209.891	257.619	22,74%	393.405
Vốn chủ sở hữu	101.332	108.920	7,49%	176.624
Doanh thu thuần	32.325	128.420	297,28%	144.673
Lợi nhuận từ hoạt động KD	1.671	8.127	386,36%	24.708
Lợi nhuận khác	-71	-88	23,94%	-4
Lợi nhuận trước thuế	1.600	8.040	402,50%	24.704
Lợi nhuận sau thuế	1.314	7.588	477,47%	24.704
Giá trị sổ sách/Cổ phiếu	10.133	10.892	7,49%	11.775

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016 và BCTC kiểm toán 6 tháng/2017 của Nhựa Pha Lê*

**Cơ cấu tổng tài sản**

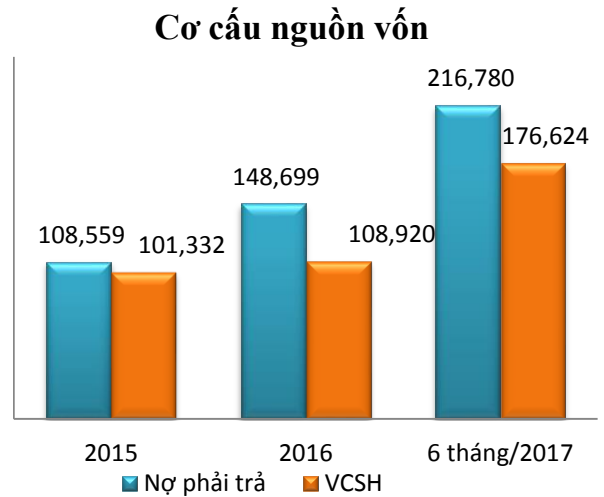


Tổng tài sản của Công ty tăng dần qua các năm, chủ yếu đến từ sự gia tăng của tài sản dài hạn. Công ty đầu tư dây chuyền máy móc và thiết bị mới để khai thác đá và sản xuất chất độn phụ gia ngành nhựa Master Fillerbatch. Tài sản dài hạn của Nhựa Pha Lê tăng từ 110 tỷ đồng năm 2015 lên 162 tỷ đồng năm 2016 và hơn 185 tỷ đồng vào cuối Quý 2 năm 2017. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 30%/năm. Tài sản ngắn hạn của Công ty được duy trì ổn định trong hai năm 2015 và 2016 với giá trị lần lượt là 99,27 tỷ đồng và 95,01 tỷ

đồng, tuy nhiên tăng lên 212 tỷ đồng trong Quý 2 năm 2017, chủ yếu đến từ tăng trả trước người bán và hàng tồn kho, do Công ty đang đẩy mạnh hoạt động sản xuất sản phẩm Filler Masterbatch để chuẩn bị cho mùa cao điểm diễn ra từ tháng 8 đến tháng 12 hàng năm.

Về phía nguồn vốn, Tổng nguồn vốn của Nhựa Pha Lê chủ yếu đến từ nợ phải trả, cụ thể, Công ty đang huy động vốn vay từ ngân hàng để thực hiện dự án đầu tư, trong đó vay trung và dài hạn là chủ yếu. Nợ ngắn hạn cũng tăng mạnh do Công ty vay ngắn hạn vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản

xuất kinh doanh. Tính từ năm 2015, Tổng nợ phải trả của Nhựa Pha Lê tăng từ 108 tỷ đồng lên 148 tỷ đồng vào cuối năm 2016 và 222 tỷ đồng vào Quý 2/2017, mức tăng trưởng bình quân đạt hơn 40%/năm. Nợ phải trả tăng cao chủ yếu do Nhựa Pha Lê đang phải tập trung nguồn lực để đầu tư dây chuyền nghiền và tuyển đá tại Nghệ An và dây chuyền sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch tại Hải Phòng. Giai đoạn 01 của dự án được hoàn thành trong Quý 2/2016 và chính thức sản xuất thương mại vào Quý 4/2016.



Nhìn chung, hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong những năm qua được chuyển dịch từ khai thác và bán nguyên liệu thô là đá CaCO<sub>3</sub> sang sản xuất sản phẩm cuối cùng là hạt nhựa Filler Masterbatch. Hạt nhựa Filler Masterbatch có giá bán cao gấp 6 lần giá sản phẩm bột đá và thậm chí cao gấp 10 lần sản phẩm đá CaCO<sub>3</sub> truyền thống, nhờ đó mang lại nguồn doanh thu và lợi nhuận lớn cho Công ty. Các hoạt động khác mang lại doanh thu không đáng kể. Kết quả là, chỉ trong 01 quý cuối năm 2016, sản phẩm Filler Masterbatch giúp Nhựa Pha Lê đạt 128 tỷ đồng tổng doanh thu cả năm, tăng gần gấp 4 lần doanh thu năm 2015. Lợi nhuận sau thuế năm 2016 cũng tăng mạnh, đạt 7,6 tỷ đồng, gần gấp 6 lần mức lợi nhuận sau thuế 1,3 tỷ đồng năm 2015.

Bước sang nửa đầu năm 2017, doanh thu thuần của Công ty đạt 144,67 tỷ đồng, tăng 13% so với tổng doanh thu cả năm 2016. Lợi nhuận sau thuế đạt gần 25 tỷ đồng, cao hơn 3 lần lợi nhuận cả năm 2016 và chủ yếu đến từ sản phẩm Filler Masterbatch. Kết quả này minh chứng cho định hướng phát triển đúng đắn của Nhựa Pha Lê.

## **8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

### **8.1. Triển vọng phát triển của ngành**

Ngành nhựa là một trong những ngành tăng trưởng ổn định của thế giới, trung bình 9% trong vòng 50 năm qua. Mặc dù cuộc khủng hoảng kinh tế 2008 tác động lớn tới nhiều ngành công nghiệp, ngành nhựa vẫn tăng trưởng 3% trong năm 2009 và 2010. Tăng trưởng của ngành Nhựa Trung Quốc và Ấn Độ đạt hơn 10% và các nước Đông Nam Á với gần 20% năm 2014. Sự phát triển liên tục và bền vững của ngành Nhựa là do nhu cầu thế giới đang trong giai đoạn tăng cao. Sản lượng nhựa tiêu thụ trên thế giới ước tính đạt 500 triệu tấn năm 2012 với tăng trưởng trung bình 5%/năm (theo BASF). Nhu cầu nhựa bình quân trung bình của thế giới năm 2013 ở mức 40 kg/năm, cao nhất là khu vực Bắc Mỹ và Tây Âu với hơn 100 kg/năm. Dù khó khăn, nhu cầu nhựa không giảm tại 2 thị



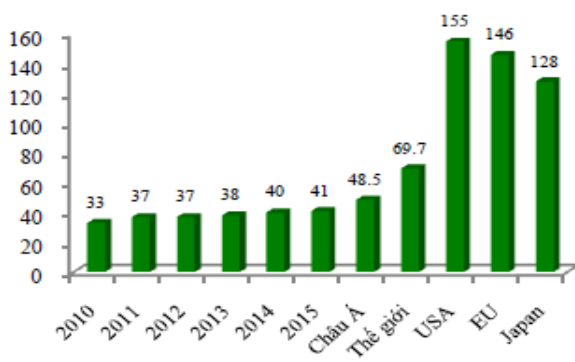
**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

trường này trong năm 2009 – 2010 và thậm chí tăng mạnh nhất ở khu vực châu Á – khoảng 12-15%. Ngoài yếu tố địa lý, nhu cầu cho sản phẩm nhựa cũng phụ thuộc vào tăng trưởng của các ngành tiêu thụ sản phẩm nhựa (end-markets) như ngành thực phẩm (3.5%), thiết bị điện tử (2.9%), xây dựng (5% tại châu Á). Nhu cầu cho sản phẩm nhựa tăng trung bình 3.8%/năm trong ngành chế biến thực phẩm, 3.1% trong ngành thiết bị điện tử và 6-8% trong ngành xây dựng (Mỹ) là yếu tố quan trọng đẩy tăng nhu cầu nhựa thế giới.

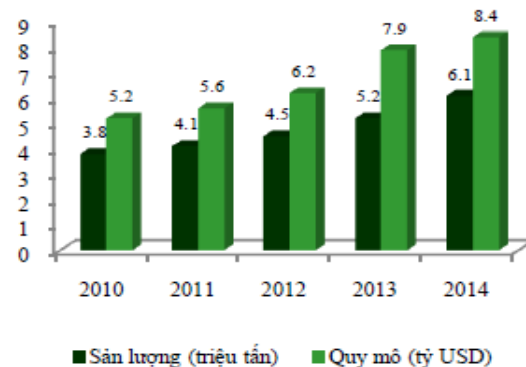
Đối với riêng ngành sản xuất hạt nhựa, năm 2013, nhu cầu tiêu thụ hạt nhựa trên thế giới đạt 300 triệu tấn, tăng 3.8% so với năm 2012. Trong đó, khu vực châu Á chiếm 42% tổng sản lượng tiêu thụ, châu Âu với 20% và Bắc Mỹ 21%. Nhu cầu cho hạt nhựa PE và PP là lớn nhất (29% và 19%). Nhựa PET (8%) là nhóm đang tăng trưởng tốt nhất với 7%/năm. Nguồn cung hạt nhựa PET đã tăng 25% từ năm 2006 nhưng vẫn không đủ cho nhu cầu của phân nhóm này, trong đó Trung Quốc và Trung Đông đang dần soán ngôi Mỹ và Tây Âu trong vị trí dẫn đầu về cung và cầu hạt nhựa.

Tại Việt Nam, công nghiệp Nhựa là một ngành còn khá non trẻ so với các ngành công nghiệp lâu đời khác như cơ khí, điện tử, hóa chất, dệt may... nhưng đã có sự phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây. Giai đoạn 2010-2015, ngành nhựa là ngành có tốc độ tăng trưởng cao nhất nước với mức tăng trưởng hàng năm từ 16-18%/năm (chỉ sau ngành viễn thông và dệt may), đặc biệt có những mặt hàng có tốc độ tăng trưởng đạt gần 100%. Điều này xuất phát từ thị trường tiêu thụ rộng lớn, các sản phẩm nhựa được sử dụng rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực như thực phẩm, xây dựng, viễn thông,.... Dẫn chứng có thể thấy nếu trong năm 2010, số lượng nhựa sử dụng tính trên đầu người chỉ đạt 33 kg/người/năm thì năm 2015, con số này đã tăng lên 41 kg/người/năm. Mức tăng này cho thấy nhu cầu sử dụng nhựa trong nước ngày một gia tăng. Tuy nhiên, con số này còn khá thấp so với khu vực và thế giới khi mà nhu cầu tiêu thụ nhựa của khu vực châu Á đạt 48,5 kg/người/năm và trung bình toàn thế giới là 69,7 kg/người/năm.

**Nhu cầu tiêu thụ của ngành Nhựa Việt Nam và thế giới**



**Sản lượng và quy mô sản xuất ngành nhựa Việt Nam**



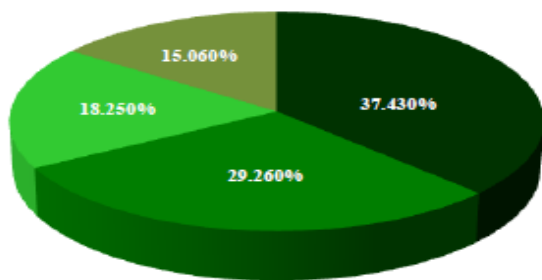
Chú thích: số liệu của Châu Á, Thế giới, USA, EU và Japan là của năm 2015. Nguồn VPA tổng hợp

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Với tốc độ phát triển nhanh, ngành nhựa đang được coi là một ngành năng động trong nền kinh tế. Sự tăng trưởng đó xuất phát từ thị trường rộng, tiềm năng lớn và đặc biệt là vì ngành nhựa Việt Nam mới chỉ ở bước đầu của sự phát triển so với thế giới và sản phẩm nhựa được phát huy sử dụng trong tất cả các lĩnh vực của đời sống bao gồm sản phẩm bao bì nhựa, sản phẩm nhựa vật liệu xây dựng, sản phẩm nhựa gia dụng và sản phẩm nhựa kỹ thuật cao.

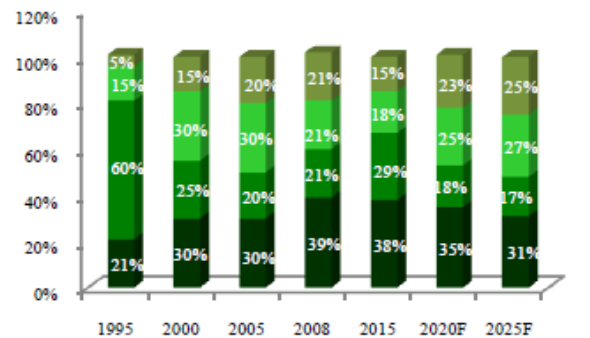
**Cơ cấu ngành nhựa vẫn duy trì tỷ trọng lớn nhất thuộc về nhựa bao bì.** Theo Hiệp hội nhựa Việt Nam (VPA), cấu trúc ngành nhựa được chia thành bốn mảng chính: nhựa bao bì, nhựa gia dụng, nhựa xây dựng và nhựa kỹ thuật. Trong đó, nhựa bao bì vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất (37,43%) và đây là phân mảng duy trì tỷ trọng lớn nhất qua các năm. Cơ cấu này có sự thay đổi nhỏ so với giai đoạn trước khi tỷ trọng nhựa xây dựng chiếm tỷ lệ khá cao 30% trong những năm 2000-2005. Tuy nhiên, thị trường bất động sản chững lại vào năm 2008 đã làm giảm cơ cấu của nhựa xây dựng xuống còn 21% và tỷ lệ hiện nay là 18,25%. Theo Quy hoạch phát triển ngành nhựa đến năm 2020, ngành nhựa sẽ chuyển dịch cơ cấu nhóm sản phẩm nhựa theo hướng giảm tỷ trọng các sản phẩm nhựa bao bì và nhựa gia dụng, tăng dần tỷ trọng nhóm nhựa vật liệu xây dựng và nhựa kỹ thuật.

**Cơ cấu ngành nhựa Việt Nam theo nhóm ngành năm 2015**



■ Nhựa bao bì  
 ■ Nhựa gia dụng  
 ■ Nhựa xây dựng  
 ■ Nhựa kỹ thuật

**Cơ cấu ngành nhựa Việt Nam qua các năm**

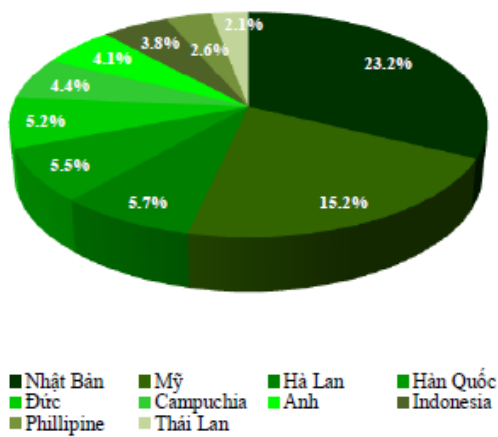


■ Nhựa bao bì ■ Nhựa gia dụng ■ Nhựa xây dựng ■ Nhựa kỹ thuật

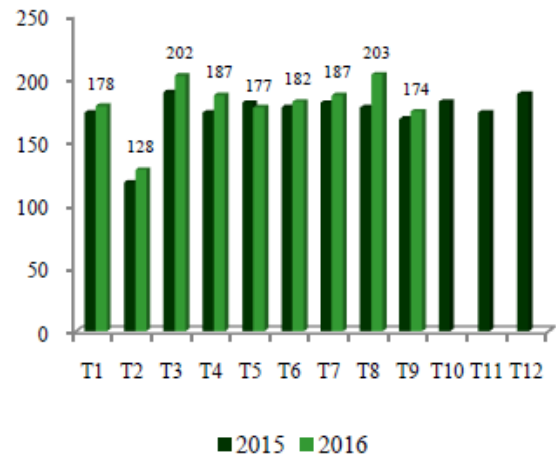
Từ năm 2005 đến nay, kim ngạch xuất khẩu ngành nhựa luôn duy trì tốc độ tăng trưởng đều qua các năm, đạt tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm CAGR 20%. Sản phẩm của ngành nhựa hiện đã được xuất khẩu sang hơn 150 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới như Nhật Bản, Trung Quốc, Trung Đông, châu Phi, EU, Mỹ.... Trong 9 tháng đầu năm 2016, xuất khẩu sản phẩm nhựa đạt 1.618 triệu USD, tăng trưởng 5,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó Nhật Bản vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất với kim ngạch nhập khẩu đạt 375,7 triệu USD, chiếm 23,2%. Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của ngành công nghiệp này với kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này đạt 246,4 triệu USD, chiếm 15,2%. Trong khi đó, Hà Lan là thị trường dẫn đầu thị trường EU về nhập khẩu sản phẩm nhựa của nước ta trong 9 tháng đầu năm. Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm nhựa của thị trường này đạt 92,7 triệu USD, chiếm 5,73% tổng kim ngạch xuất khẩu.

*Nhu cầu nhập khẩu sản phẩm nhựa tại thị trường EU cũng vẫn ở mức cao* và các doanh nghiệp cũng có khả năng thâm nhập tốt, nhất là nhu cầu về ống nhựa. Ngoài ra, tại các thị trường châu Âu, sản phẩm của Việt Nam không bị áp thuế chống bán phá giá từ 8% - 30% như các nước châu Á khác như Trung Quốc. Đây là điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp nhựa Việt Nam tăng cường xuất khẩu vào thị trường này.

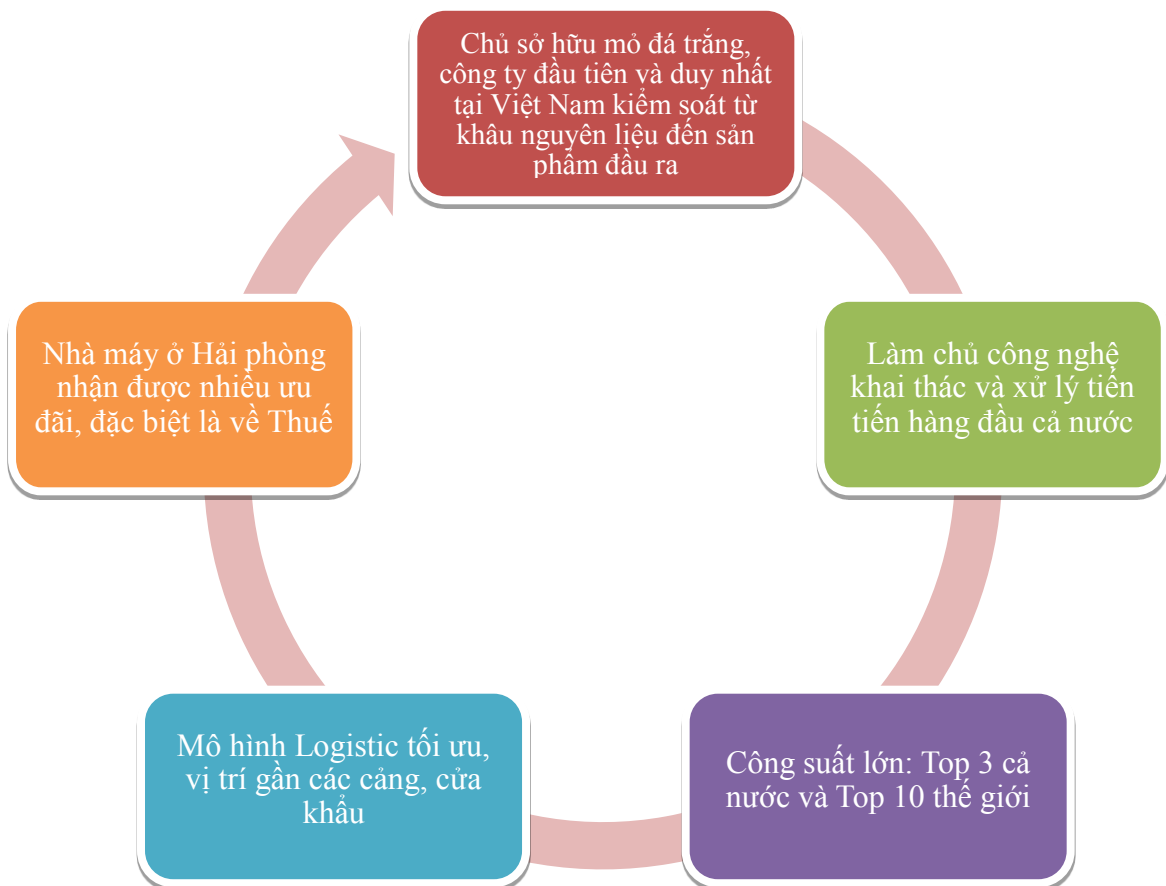
**Cơ cấu thị trường xuất khẩu nhựa 2016 theo giá trị**



**Kim ngạch xuất khẩu ngành nhựa (triệu USD)**



**8.2. Vị thế của công ty trong ngành**



- Với lợi thế là người chủ sở hữu mỏ, Nhựa Pha Lê luôn có nguồn nguyên liệu chủ động và ổn định. Chất lượng bột đá nguyên liệu đầu vào tốt là yếu tố tiên quyết về mặt chất lượng sản phẩm đầu ra trong ngành bột đá CaCO<sub>3</sub>. Qua kiểm tra, mỏ đá của công ty tại Thung Hung – Nghệ An có chất lượng cao về độ trắng sáng và tính hóa lý của nguồn nguyên liệu sản xuất bột đá và đá ốp lát. Tính đến thời điểm hiện tại, Nhựa Pha Lê đang là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam kiểm soát vận hành từ mỏ khai thác đá CaCO<sub>3</sub> cho đến sản phẩm hoàn thiện – Filler Masterbatch. Thêm vào đó, quá trình khảo sát địa chất cho thấy trữ lượng mỏ Thung Hung, Quỳnh Hợp, Nghệ An không những bao gồm đá hoa làm bột siêu mịn mà còn bao gồm đá hoa làm đá xẻ, đá ốp lát nằm ở các lớp sâu bên trong và được đánh giá là những sản phẩm có giá trị cao. Như vậy, dự án khai thác đá hoa làm bột siêu mịn của Nhựa Pha Lê hiện nay là một dự án đem lại mức lợi nhuận cao, đồng thời cũng là tiền đề để thực hiện các dự án tiềm năng khác. Đồng thời, việc tận dụng được hết lớp đá hoa làm bột siêu mịn để hướng tới việc khai thác đá hoa làm đá xẻ, đá ốp lát nhằm tối ưu hóa hiệu quả kinh tế cho thấy tầm nhìn chiến lược dài hạn của ban lãnh đạo Nhựa Pha Lê.
- Các cơ sở sản xuất của Công ty được trang bị dây chuyền sản xuất hiện đại tuân thủ một quy trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt dưới sự giám sát của Giám đốc kỹ thuật. Việc khai thác, sản xuất theo quy trình khép kín chặt chẽ, tùy theo yêu cầu, khách hàng có thể nhận được các sản phẩm mẫu trước khi đặt sản phẩm chính với số lượng lớn.
- Hiện nay, nhà máy sản xuất hạt nhựa tại Hải Phòng của Công ty đang hoạt động dựa trên 04 dây chuyền sản xuất hạt nhựa với công suất thiết kế là 4.500 tấn/ tháng. Công ty cũng đang tiến hành nhập 02 dây chuyền sản xuất hạt nhựa với công nghệ tiên tiến trên thế giới với công suất thiết kế là hơn 2.000 tấn/ tháng/ dây chuyền về để nâng cao năng lực sản xuất trong năm 2017. Dự kiến sau khi hoàn thành, tổng công suất thiết kế của nhà máy sẽ đạt 9.000 tấn/ tháng, đứng Top 3 cả nước và Top 10 thế giới về công suất sản xuất hạt nhựa. Năng lực sản xuất lớn không chỉ giúp làm giảm giá thành sản xuất nhờ lợi thế dựa vào quy mô, mà còn hỗ trợ Nhựa Pha Lê trong việc chiếm lĩnh được thị phần, gia tăng vị thế của công ty trên thị trường.
- Một trong những lợi thế cạnh tranh lớn nhất của Nhựa Pha Lê chính là vị trí của mình. Hệ thống logistic gần rất nhiều cảng, thuận lợi cho việc lưu chuyển hàng hóa từ nhà máy tới cảng và từ cảng tới khách hàng, đảm bảo thời gian và tiến độ giao hàng, giúp giảm tối đa chi phí và thời gian. Các công ty khác trong cùng lĩnh vực sản xuất thông thường sẽ bị ảnh hưởng bởi các quy định liên quan đến kiểm soát tải trọng xe và khoảng cách địa lý, điều đó sẽ ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.

- Bên cạnh những ưu thế về nguồn nguyên liệu và quy trình sản xuất, Nhà máy sản xuất hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch tại Hải Phòng của Nhựa Pha Lê đang được hưởng rất nhiều ưu đãi từ chính sách của Nhà nước theo Giấy chứng nhận đầu tư số 022 21 000087 do Ban Quản lý Khu Kinh Tế Hải Phòng cấp ngày 08/10/2014, cụ thể:
- + Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013: Thuế TNDN giảm còn 10% trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới có doanh thu (2016) và mức thuế suất áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam trong các năm tiếp theo. Đồng thời, Công ty được miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế (2016) cho dự án tại Hải Phòng.
- + Giảm 50% cho thuế thu nhập cá nhân.
- + Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa, máy móc nhập khẩu của nhà máy theo quy định tại điều 16 Luật thuế xuất khẩu.

### **8.3. Sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới**

Ngày 17/6/2011, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 2992/QĐ-BCT phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Nhựa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025. Mục tiêu tổng quát của Quy hoạch là phát triển ngành nhựa Việt Nam thành ngành công nghiệp tiên tiến, sản xuất được những sản phẩm chất lượng cao, đa dạng hóa về chủng loại, mẫu mã, có tính cạnh tranh cao, thân thiện với môi trường, đáp ứng phần lớn nhu cầu của thị trường trong nước, có khả năng xuất khẩu những sản phẩm có giá trị gia tăng cao với sản lượng ngày càng cao.

Cụ thể, năm 2020 phấn đấu giá trị sản xuất công nghiệp ngành nhựa đạt 181.577 tỷ đồng và tới năm 2025 là 390.000 tỷ đồng, tỷ trọng ngành nhựa so với toàn ngành công nghiệp đến năm 2020 đạt 5,5%, và tăng lên 6% vào năm 2025. Đến năm 2020, sản lượng các sản phẩm ngành nhựa phấn đấu đạt 12,5 triệu tấn. Mục tiêu kim ngạch xuất khẩu tới 2020 là 4,3 tỷ USD với tốc độ tăng trưởng khoảng 15%.

Theo Bộ Công Thương, quy hoạch ngành nhựa còn nhằm chuyển dịch cơ cấu nhóm sản phẩm nhựa theo hướng giảm tỷ trọng các nhóm sản phẩm nhựa bao bì và nhựa gia dụng, tăng dần tỷ trọng nhóm nhựa vật liệu xây dựng và nhựa kỹ thuật. Bên cạnh đó, một trong những định hướng phát triển của ngành Nhựa Việt Nam là khuyến khích đầu tư sản xuất khuôn mẫu, phụ tùng, thiết bị cho ngành, khuyến khích phát triển mạnh công nghiệp xử lý phế liệu, phế thải ngành Nhựa. Theo Bộ Công Thương, các dự án đầu tư cho sản xuất khuôn mẫu, thiết bị ngành nhựa cần được ưu đãi đầu tư như

## **BẢN CÁO BẠCH CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

---

đối với ngành cơ khí trọng điểm (cho vay vốn tín dụng đầu tư là 85% tổng mức đầu tư). Đồng thời, cần khuyến khích sử dụng và sản xuất nhựa tái sinh, quy định những sản phẩm nào đã qua sử dụng phải được tái sinh, cập nhật những thành tựu của thế giới về các loại vật liệu mới có khả năng tự phân hủy, các loại nhựa sinh học, nhằm hạn chế tối đa ô nhiễm môi trường như các loại bao bì trên cơ sở tinh bột hoạt màng từ polyninylalcol.

Để đạt được mục tiêu đề ra trong Quy hoạch, Bộ Công Thương đề xuất một số giải pháp chính sách như sau:

### **Về tài chính, thuế:**

- Các dự án đầu tư cho sản xuất khuôn mẫu, thiết bị ngành Nhựa cần được ưu đãi đầu tư như đối với ngành Cơ khí trọng điểm (cho vay vốn tín dụng đầu tư là 85% tổng mức đầu tư).
- Có cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng cho các cụm công nghiệp chuyên phân loại, tái chế phế liệu nhựa như hỗ trợ xây dựng công trình xử lý chất thải; hỗ trợ việc ứng dụng khoa học công nghệ sạch, ít tiêu tốn nhiên liệu và thân thiện với môi trường.
- Hỗ trợ kinh phí tuyên truyền, khuyến khích người dân tự phân loại rác thải đầu nguồn đồng thời cần có biện pháp hành chính bắt buộc người dân phải tự phân loại rác nhằm giảm bớt lượng rác thải ra môi trường tạo nguồn nguyên liệu cho các nhà máy tái chế phế liệu nhựa.
- Xây dựng chính sách khuyến khích thu gom phế liệu nhựa trong nước để hình thành hệ thống thu gom lớn mang tính hiện đại góp phần bảo vệ môi trường và cung cấp nguồn nguyên liệu cho công nghiệp xử lý phế thải nhựa.
- Có chính sách khuyến khích về tài chính, thuế đối với các công tác đào tạo ngắn hạn về ngành nhựa cho các Trung tâm đào tạo.

### **Về nguồn vốn:**

- Kinh phí đào tạo cán bộ kỹ thuật cho ngành cần được Nhà nước hỗ trợ một phần thông qua chương trình hỗ trợ hợp tác với nước ngoài.
- Khuyến khích các ngân hàng thương mại bảo lãnh ưu tiên cho các tổ chức, cá nhân vay để đầu tư cơ sở vật chất, đổi mới công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển ngành Nhựa.

Nắm bắt được xu thế phát triển của thị trường, nắm bắt chính sách khuyến khích của Nhà nước và kết hợp nguồn lực thực tế của Công ty, năm 2014 Nhựa Pha Lê đã quyết định đầu tư xây dựng dự án

## **BẢN CÁO BẠCH** **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Xưởng nghiền tuyển đá tại Nghệ An và Nhà máy sản xuất hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch Hải Phòng. Công suất của nhà máy có thể đáp ứng được nhu cầu về Filler Masterbatch trên thị trường nội địa, bên cạnh việc đóng góp phần lớn cho hoạt động xuất khẩu Filler Masterbatch ra thị trường quốc tế của Công ty. Với việc xây dựng Nhà máy sản xuất hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch Hải Phòng, Nhựa Pha Lê đang được hưởng rất nhiều ưu đãi từ chính sách của Nhà nước như miễn Thuế TNDN, giảm 50% thuế TNCN, miễn thuế xuất nhập khẩu, ...

Như vậy, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành, với xu thế phát triển của đất nước cũng như của toàn bộ nền kinh tế thế giới, tận dụng được những lợi thế chủ quan của doanh nghiệp và những lợi thế khách quan do nhu cầu thị trường và chính sách Nhà nước đem lại.

### **9. Chính sách đối với người lao động**

**Bảng 10 - Cơ cấu lao động của công ty**

<b>STT</b>	<b>Trình độ</b>	<b>Số người</b>	<b>Tỷ lệ</b>
1	Trên đại học	5	1%
2	Trình độ đại học và tương đương	35	10%
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp	50	14%
4	Trình độ khác	260	75%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>350</b>	<b>100,00</b>

*Nguồn: Nhựa Pha Lê*

#### **➤ Chế độ làm việc**

**Thời gian làm việc:** Công ty tổ chức làm việc không quá 8h/ngày, 48 giờ trong tuần. Tùy theo điều kiện, khối lượng công việc và khả năng thực hiện nhiệm vụ mà tổ chức thực hiện chế độ làm việc 40 giờ trong tuần (05 ngày) nghỉ thứ 7, chủ nhật. Trường hợp phải làm thêm giờ do yêu cầu của sản xuất kinh doanh không quá 04 giờ trong một ngày và 200 giờ trong một năm.

**Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết:** Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty được nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản theo quy định của Bộ Luật lao động, cụ thể:

- Nghỉ phép năm 12 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường.
- Nghỉ phép năm 14 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện đặc biệt nặng nhọc độc hại.
- Số ngày nghỉ phép được tăng theo thâm niên làm việc tại Công ty, cứ đủ 05 năm được nghỉ

thêm 01 ngày, có đủ 30 năm trở lên được nghỉ thêm 06 ngày.

- Nghỉ Tết dương lịch 01 ngày; nghỉ Tết âm lịch 05 ngày; nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương 01 ngày; nghỉ lễ 30/04 01 ngày; nghỉ ngày Quốc tế lao động 01 ngày; nghỉ Quốc khánh 01 ngày.

**Điều kiện làm việc:** Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Những CBCNV do yêu cầu công việc phải đi công tác xa sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.

➤ **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

Công ty có xây dựng một quy chế đào tạo được công bố công khai tới toàn bộ CBCNV trong Công ty. Quy chế đào tạo được xây dựng phù hợp theo các yêu cầu của công việc. Việc tuyển dụng lao động đảm bảo công khai, công bằng theo quy định của Nhà nước. Tùy theo đặc điểm, điều kiện xã hội, yêu cầu sản xuất của Công ty trong từng thời kỳ, khi cần đổi lao động thiếu nghề nào Công ty sẽ tuyển dụng nghề đó.

➤ **Chính sách lương và thưởng**

CBCNV của Công ty được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tùy cương vị công tác mà CBCNV công ty còn nhận được phụ cấp liên quan.

Việc trả lương của Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân phối theo lao động, làm việc gì, giữ chức vụ gì thì trả lương theo công việc, chức vụ đó. Công ty luôn đảm bảo trả lương thỏa đáng (không hạn chế mức tối đa) đối với người có tài năng, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và đóng góp nhiều cho đơn vị, nhằm tạo động lực khuyến khích, động viên CBCNV không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc trả lương, thưởng luôn đảm bảo dân chủ, công khai.

**10. Chính sách cổ tức**

HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Nhựa Pha Lê cũng xét tới kế hoạch và định hướng, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

Giai đoạn 2014 - 2016, Công ty đang cần tiền để đầu tư xây dựng Xưởng nghiền tuyển đá tại Nghệ An và Nhà máy sản xuất hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch Hải Phòng, do đó, Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định không trả cổ tức. Bước sang năm 2017, trước tình hình kinh doanh có lãi, Công



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

ty đã quyết định chia cổ tức 7% cho năm 2016 (tiền cổ tức được trả vào Quý 1/2017).

**11. Tình hình hoạt động tài chính**

**11.1. Các chỉ tiêu cơ bản**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

**a) Trích khấu hao Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Tài sản cố định của Công ty được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cố định của Công ty hiện tại như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 10 – 22 năm
- Máy móc thiết bị : 5 – 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn : 5 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý : 03 - 05 năm

**b) Mức lương bình quân**

**Bảng 11 – Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty**

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
Số lao động bình quân (người)	280	350
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	6.500.000	7.000.000

*Nguồn: Nhựa Pha Lê*

**c) Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Căn cứ vào các báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016, Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

**d) Các khoản phải nộp theo luật định**

**Bảng 12 – Số dư các loại thuế phải nộp của Công ty**

*Đơn vị: VND*

KHOẢN MỤC	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Thuế giá trị gia tăng	-	-	35.999.370
Thuế xuất nhập khẩu	957.062.568	-	76.663.838
Thuế thu nhập doanh nghiệp	356.351.138	289.344.326	289.344.326

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

KHOẢN MỤC	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Thuế tài nguyên	418.570.022	1.030.324.553	206.024.553
Các loại thuế, phí khác	98.409.310	336.050.890	120.783.430
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.830.393.038</b>	<b>1.655.719.769</b>	<b>728.815.517</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, BCTC kiểm toán 6 tháng của Nhựa Pha Lê*

**e) Trích lập các quỹ theo luật định**

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Giai đoạn 2014 – 2016, Công ty đang cần tiền để đầu tư xây dựng Xưởng nghiền tuyển đá tại Nghệ An và Nhà máy sản xuất hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch tại Hải Phòng, do đó, Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định không trích lập các quỹ trong giai đoạn này.

**f) Tổng dư nợ vay**

**Bảng 13 – Tổng dư nợ vay của Công ty**

KHOẢN MỤC	Đơn vị: đồng		
	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Vay nợ ngắn hạn, trong đó:	28.656.887.948	72.743.723.750	150.546.408.835
- Vay ngân hàng	12.250.000.000	53.661.447.513	128.509.320.595
- Vay dài hạn đến hạn trả	16.406.887.948	19.082.276.237	22.037.088.240
Vay nợ dài hạn, trong đó:	65.018.221.752	59.888.871.021	52.911.197.574
- Vay ngân hàng	65.018.221.752	59.888.871.021	52.911.197.574
- Vay tổ chức, cá nhân khác	-	-	-
<b>Tổng Cộng</b>	<b>93.675.109.700</b>	<b>132.632.594.771</b>	<b>203.457.606.409</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, BCTC kiểm toán 6 tháng của Nhựa Pha Lê*

Vay ngắn hạn là khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thủ đô, với tổng hạn mức tín dụng là 145,1 tỷ đồng (một hợp đồng hạn mức 85,1 tỷ đồng và một hợp đồng hạn mức 60 tỷ đồng) và vay Ngân hàng BIDV – chi nhánh Đống Đa – với hạn mức tín dụng là 75 tỷ đồng. Thời hạn và lãi suất cho vay được tính cụ thể tại mỗi lần nhận nợ. Mục đích của khoản vay này là để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Tính đến ngày 30/06/2017, tổng dư nợ vay ngắn hạn của Công ty là hơn 128 tỷ đồng với lãi suất vay dao động từ 5,%/năm đến 9,5%/năm.

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

---

Vay dài hạn của Công ty cũng chủ yếu đến từ khoản vay với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thủ đô và Ngân hàng BIDV – chi nhánh Đống Đa. Mục đích của các khoản vay dài hạn chủ yếu để phục vụ việc đầu tư dây chuyền máy móc thiết bị của dự án sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch tại Hải Phòng với tổng mức đầu tư dự kiến là hơn 148 tỷ đồng. Thời hạn vay chủ yếu là từ 5 – 6 năm, lãi suất vay được điều chỉnh định kỳ từ 3-6 tháng một lần và đang dao động ở mức từ 9%/năm đến 11%/năm.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại ngày 30/06/2017 bao gồm:

- ✓ Quyền khai thác đá tại mỏ đá Thung Hung, xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An trị giá 20 tỷ đồng.
- ✓ Toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị đã hình thành tại Xưởng nghiền tuyển đá Thung Hung, Quỳnh Hợp, Nghệ An trị giá 23,48 tỷ đồng.
- ✓ Toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay của dự án Nhà máy sản xuất bột đá CaCO<sub>3</sub> siêu mịn và sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch tại Hải Phòng trị giá 86,94 tỷ đồng và 48,7 tỷ đồng.
- ✓ Bất động sản tại số 33 và 35 An Trạch, P. Quốc Tử Giám, Q. Đống Đa, Hà Nội thuộc sở hữu của ông Đoàn Ngọc Dũng và Trần Thị Bích Loan.
- ✓ Toàn bộ cổ phần của các cổ đông tại Công ty với giá trị theo mệnh giá 100 tỷ đồng, cụ thể:
  - + Ông Dương Quang Thắng thế chấp số cổ phần có giá trị 15 tỷ đồng theo mệnh giá;
  - + Ông Đặng Tiến Thành thế chấp số cổ phần có giá trị 10 tỷ đồng theo mệnh giá.
  - + Ông Mai Thanh Phương thế chấp số cổ phần có giá trị 75 tỷ đồng theo mệnh giá

Ngày 01/07/2017, một phần cổ phiếu của Ông Mai Thanh Phương được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đô cho phép giải chấp với tổng giá trị theo mệnh giá là 55 tỷ đồng. Do nhu cầu vay vốn ngân hàng của Công ty tiếp tục tăng, các cổ đông khác của Công ty đã đồng ý thế chấp số cổ phiếu hiện có của mình làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay này (trong đó ông Phương cũng đồng ý thế chấp lại 1.900.000 cổ phiếu). Tính đến ngày 30/07/2017, tổng giá trị theo mệnh giá số cổ phần đang thế chấp ngân hàng của các cổ đông Công ty là 72 tỷ đồng, bao gồm:

- + Ông Dương Quang Thắng thế chấp số cổ phần có giá trị 15 tỷ đồng theo mệnh giá;
- + Ông Đặng Tiến Thành thế chấp số cổ phần có giá trị 10 tỷ đồng theo mệnh giá;
- + Ông Mai Thanh Phương thế chấp số cổ phần có giá trị 39 tỷ đồng theo mệnh giá;

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

- + Ông Mai Lâm Vũ thế chấp số cổ phần có giá trị 5 tỷ đồng theo mệnh giá;
- + Ông Vũ Văn Tiến thế chấp số cổ phần có giá trị 3 tỷ đồng theo mệnh giá

**g) Tình hình công nợ hiện nay**

**Bảng 14 -Số dư các khoản phải thu**

*Đơn vị: VND*

<b>KHOẢN MỤC</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>30/06/2017</b>
<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>72.194.846.025</b>	<b>48.909.359.078</b>	<b>108.532.150.019</b>
Phải thu khách hàng	10.913.323.386	30.734.596.536	40.504.381.132
Trả trước cho người bán	32.721.199.570	6.543.143.378	64.498.338.829
Phải thu khác	28.560.323.069	11.631.619.164	529.430.058
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	-
<b>Phải thu dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>72.194.846.025</b>	<b>48.909.359.078</b>	<b>105.532.150.019</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, BCTC kiểm toán 6 tháng của Nhựa Pha Lê*

Phải thu khách hàng của Công ty chủ yếu là của một số khách hàng chính như Công ty TNHH Thương mại Nhựa Hà Nội, Công ty TNHH MTV Thương mại Thịnh Phát và Global New Material Limited. Trong khi Công ty TNHH Thương mại Nhựa Hà Nội và Công ty TNHH MTV Thương mại Thịnh Phát là đối tác phân phối sản phẩm tại thị trường trong nước, Global New Material Limited là một trong những khách hàng lớn nhập khẩu sản phẩm Filler Masterbatch của Công ty.

Bên cạnh khoản trả trước người bán để mua nguyên vật liệu đầu vào như hạt nhựa nguyên sinh và hóa chất phụ gia, Nhựa Pha Lê đang có một khoản phải thu khác đối với Ông Mai Thanh Phương – chủ tịch HĐQT – trị giá 11,2 tỷ đồng và Ông Nguyễn Diễm Nam trị giá 17,9 tỷ đồng. Đây là những khoản vốn đầu tư của Công ty, trong đó Công ty ủy quyền cho Ông Phương và Ông Nam thực hiện khảo sát và thăm dò để triển khai dự án khai thác mỏ đá tại Tân Kỳ, Nghệ an và dự án đá ốp lát tại Mỹ Sơn, Ninh Thuận. Đồng thời, để đảm bảo an toàn vốn, Hội đồng quản trị Công ty vẫn thống nhất trong việc tính tiền lãi đầu tư cho dự án mới mức lãi suất tạm tính là 10%/năm. Tính đến 31/12/2016, do dự án đá ốp lát tại Ninh Thuận dự kiến chưa được cấp phép, Nhựa Pha Lê đã thu hồi 17,9 tỷ đồng số tiền đầu tư của Ông Nam (bao gồm cả số tiền gốc và lãi phát sinh). Số tiền 11,2 tỷ đồng của ông Mai Thanh Phương cũng đã được Công ty thu hồi trong 6 tháng đầu năm 2017.

**Bảng 15 – Số dư các khoản phải trả**

*Đơn vị: VND*

<b>KHOẢN MỤC</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>30/06/2017</b>
<b>Tổng nợ ngắn hạn</b>	<b>43.540.544.109</b>	<b>88.809.857.590</b>	<b>163.869.283.323</b>
Phải trả người bán	12.414.859.817	13.600.118.514	10.075.782.896
Người mua trả tiền trước	54.000.045		311.708.893
Thuế và các khoản phải nộp NN	1.830.393.038	1.655.719.769	728.815.517
Phải trả người lao động	-	-	398.256.688
Chi phí phải trả	531.666.190	759.122.074	261.686.242
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	52.737.071	51.173.483	1.546.624.252
Vay & nợ thuê tài chính ngắn hạn	28.656.887.948	72.743.723.750	150.546.408.835
<b>Tổng nợ dài hạn</b>	<b>65.018.221.752</b>	<b>65.018.221.752</b>	<b>52.911.197.574</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	65.018.221.752	65.018.221.752	52.911.197.574
Quỹ phát triển KHCVN	-	-	
<b>Tổng cộng</b>	<b>108.558.765.861</b>	<b>148.698.728.611</b>	<b>216.780.480.897</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, BCTC kiểm toán 6 tháng của Nhựa Pha Lê*

Số dư các khoản phải trả của Nhựa Pha Lê chủ yếu đến từ các khoản vay ngân hàng. Mục đích sử dụng chính của nguồn vốn vay chủ yếu để phục vụ mục đích bổ sung vốn lưu động và đầu tư dự án tại Hải Phòng.

**h) Tài sản khác**

**Bảng 16– Tài sản ngắn hạn và dài hạn khác**

*Đơn vị: đồng*

<b>KHOẢN MỤC</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>30/06/2017</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>8.333.478.215</b>	<b>5.649.586.092</b>	<b>8.697.126.410</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	759.605.391	452.514.948	418.530.166
Thuế GTGT được khấu trừ	7.573.872.824	5.197.071.144	8.278.596.244
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>48.999.771.780</b>	<b>36.095.401.524</b>	<b>38.599.158.323</b>
Chi phí trả trước dài hạn	24.926.205.320	12.095.401.524	10.099.158.323

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

<b>KHOẢN MỤC</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>30/06/2017</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	73.566.460	-	-
Tài sản dài hạn khác	24.000.000.000	24.000.000.000	28.500.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>57.333.249.995</b>	<b>41.744.987.616</b>	<b>47.296.284.733</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, BCTC kiểm toán 6 tháng của Nhựa Pha Lê*

Tài sản ngắn hạn khác của Nhựa Pha Lê chủ yếu đến từ các khoản thuế GTGT được khấu trừ. Đây là những khoản thuế khấu trừ phát sinh khi Công ty mua nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động xuất khẩu.

Chi phí trả trước dài hạn của Nhựa Pha Lê trong năm 2015 chủ yếu là khoản trả trước cho tiền thuê đất của nhà máy tại Hải Phòng với thời hạn thuê 50 năm. Khoản chi phí này đã được kết chuyển vào tài sản cố định vô hình từ năm 2016. Bên cạnh đó, chi phí trả trước dài hạn của Nhựa Pha Lê tại ngày 31/12/2016 bao gồm khoản chi phí liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác mỏ, khoáng sản tại Nghệ An với giá trị là 4.786.818.001 đồng. Đây là các khoản chi phí phát sinh trong quá trình Công ty thực hiện việc thăm dò và xin cấp phép khai thác tại mỏ đá Thung Hung, Quỳnh Hợp, Nghệ An. Giấy phép khai thác mỏ được cấp vào cuối năm 2015, nhưng do quá trình quyết toán chi phí với nhà cung cấp diễn ra chậm nên đến năm 2016 Nhựa Pha Lê mới có đủ cơ sở để ghi nhận các chi phí này. Do thời gian khai thác mỏ là 22 năm nên công ty cũng phân bổ chi phí cấp phép theo vòng đời của quá trình khai thác mỏ.

Tài sản dài hạn khác chủ yếu đến từ việc Công ty thực hiện ủy thác đầu tư với khoản tiền 24 tỷ đồng (sau đó tăng lên 28,5 tỷ đồng trong năm 2017) cho Ông Mai Thanh Phương - Chủ tịch HĐQT - theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 15.02/2015/HTKD PHALE-MTP ký vào tháng 02 năm 2015 với mục đích góp vốn thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng Trung tâm Thương mại dịch vụ, văn phòng và nhà ở tại 69 Vũ Trọng Phụng" (dự án Rivera Park) phát triển bởi Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang. Tính đến thời điểm 30/06/2017, tổng giá trị phần vốn góp của Nhựa Pha Lê và ông Mai Thanh Phương trong dự án là 30 tỷ đồng và đã được các bên góp đầy đủ. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang thực hiện góp 120 tỷ đồng và là chủ đầu tư của dự án. Lợi nhuận từ ủy thác đầu tư sẽ được phân chia theo tỷ lệ vốn góp của các bên, ngoài ra, nếu lợi nhuận của dự án không đạt mức tối thiểu như trong thỏa thuận, ông Mai Thanh Phương cam kết sẽ trả cho Nhựa Pha Lê số tiền bằng với số vốn thực góp của Công ty nhân (x) với lãi suất 9%/năm tính từ thời điểm Công ty góp vốn. Việc hợp tác đầu tư đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 15.02/BBQT-PL ngày 10/02/2015 và Biên bản họp Hội đồng quản trị số 0105/2017/BB-HĐQT ngày 05/01/2017.



## **BẢN CÁO BẠCH** **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

---

Một số thông tin về dự án:

- ✓ Tên dự án: Rivera Park
- ✓ Chủ đầu tư dự án: Tập đoàn Long Giang Group
- ✓ Vị trí dự án: Số 69 Vũ Trọng Phụng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- ✓ Tổng mức đầu tư: 1.328 tỷ đồng
- ✓ Tổng diện tích: 10.627,8 m<sup>2</sup>; Tổng diện tích sàn xây dựng: 77.435 m<sup>2</sup>; Mật độ xây dựng: 45%
- ✓ Tổng diện tích cây xanh và sân đường: 7.969 m<sup>2</sup>
- ✓ Quy mô dự án: Gồm 2 tòa chung cư cao cấp ( cao 22 tầng ).



- ✓ Cơ cấu diện tích căn hộ: 76 - 114 m<sup>2</sup>
- ✓ Tiện ích dự án: Rạp chiếu phim, trung tâm chăm sóc sức khỏe, spa, yoga, bể bơi, sân vườn, cafe
- ✓ Hoàn thành và đi vào sử dụng: Quý II/ 2018
- ✓ Website: <http://riverapark-hanoi.com.vn>
- ✓ Tổng quan dự án: Dự án Rivera Park là tổng hòa của mọi yếu tố từ cao cấp, sang trọng và tinh

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

té. Đây là dự án trọng điểm tại Q. Thanh Xuân của chủ đầu tư nhằm tạo một thương hiệu lớn cũng như khẳng định vị thế của mình trên thị trường bất động sản. Là tổ hợp dự án siêu cao cấp tại Q. Thanh Xuân với lối thiết kế mang phong cách cổ điển Châu Âu sang trọng và có nét tinh tế cùng diện tích mật độ xây dựng chỉ chiếm 45% còn lại sẽ dành cho thiết kế tiện ích và cảnh quan, Rivera Park được kỳ vọng sẽ đáp ứng được nhu cầu của những khách hàng khó tính nhất.





**11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

**Bảng 17 - Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của công ty**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	6 tháng/2017
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,28	1,07	1,27
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,05	0,62	0,79
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)</b>				
Nợ/Tổng tài sản	%	51,72	57,72	55,10
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	107,13	136,52	122,74
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	Lần	4,42	4,31	1,76
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,19	0,55	0,44
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,06	5,91	17,08
Lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân	%	1,31	7,22	17,30
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,78	3,25	7,59
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	5,17	6,33	17,08

*Nguồn: tính toán từ BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, BCTC kiểm toán 6 tháng của Nhựa Pha Lê*

**Về khả năng thanh toán:** Các hệ số thanh toán thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn. Đây là một chỉ số rất quan trọng đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất như Nhựa Pha Lê. Hệ số khả năng thanh toán của Công ty năm 2015 tương đối cao, ở mức 2,28 đối với hệ số thanh toán ngắn hạn và 2,05 đối với hệ số thanh toán nhanh, cho thấy Công ty không gặp khó khăn về thanh khoản. Tuy nhiên, các hệ số thanh toán ở mức cao cho thấy Công ty đang bị khách hàng chiếm dụng vốn từ các khoản phải thu. Đồng thời, Công ty đang dùng vốn dài hạn để tài trợ cho tài sản ngắn hạn, điều này làm giảm khả năng sinh lời trong khi áp lực chi phí huy động vốn ở mức cao.

Từ năm 2016, với việc mở rộng sản xuất và thắt chặt chính sách bán hàng, hệ số thanh toán của Công ty đã được cải thiện rõ rệt, với các hệ số thanh toán duy trì ở khoảng mức từ 1,07 đến 1,27.

Đây được xem là mức lý tưởng đối với các doanh nghiệp sản xuất như Nhựa Pha Lê.

**Về cơ cấu vốn:** là doanh nghiệp có lịch sử kinh doanh lâu đời, cơ cấu vốn của Nhựa Pha Lê được duy trì khá ổn định. Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản duy trì ở mức từ 50% - 60%. Nhìn chung, tỷ lệ nợ phải trả của Công ty có xu hướng gia tăng trong những năm qua, do Công ty đang huy động thêm nguồn vốn ngân hàng để thực hiện dự án đầu tư mới. Bên nguồn vốn vay, trong năm 2017, Nhựa Pha Lê cũng đã huy động thêm vốn góp từ cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng nhằm ổn định tỷ lệ nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu và giảm thiểu rủi ro mất cân đối tài chính.

**Về năng lực hoạt động:** Vòng quay hàng tồn kho của Nhựa Pha Lê tương đối ổn định và phù hợp với tính chất hoạt động của Công ty. Hệ số hàng tồn kho năm 2015 và 2016 đạt lần lượt là 4,42 lần và 4,31 lần cho thấy thời gian lưu kho bình quân của sản phẩm Công ty là khoảng 80 ngày. Với tính chất sản phẩm hạt nhựa không bị thấm nước, khó bị ăn mòn và oxi hóa trong thời gian ngắn, thời gian lưu kho này không làm giảm chất lượng của sản phẩm đầu ra.

Đối với khả năng luân chuyển tổng tài sản, vòng quan tổng tài sản của Công ty tương đối thấp, đạt mức 0,19 lần năm 2015 và 0,55 lần năm 2016. Đây được xem là đặc thù riêng của ngành khai thác đá tại Việt Nam, khi năng suất khai thác bị giới hạn bởi giấy phép khai thác mỏ, đồng thời do sản phẩm đá CaCo<sub>3</sub> cũng không phải là mặt hàng dễ đẩy mạnh sản lượng. Bước sang năm 2017, với việc chuyển dịch cơ cấu sang sản xuất hạt nhựa CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch, vòng quay tổng tài sản của Nhựa Pha Lê đang có dấu hiệu được cải thiện, với vòng quay tổng tài sản đạt 0,44 lần chỉ trong 6 tháng đầu năm 2017.

**Về khả năng sinh lời:** Khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2015 không thực sự nổi bật. Năm 2016, với việc nhà máy sản xuất Filler Masterbatch đi vào hoạt động từ Quý 4, khả năng sinh lời của Nhựa Pha Lê tăng lên đáng kể. Cụ thể: hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần tăng từ 4,06% lên 5,91%, hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân tăng từ 1,31% lên 7,22%, hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân tăng từ 0,78% lên 3,25% và hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần tăng từ 5,17% lên 6,33%. Bước sang năm 2017, sản phẩm Filler Masterbatch giúp cho kết quả kinh doanh của Nhựa Pha Lê được cải thiện đáng kể. Chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 2017, toàn bộ các hệ số về khả năng sinh lời của Công ty đều tăng cao hơn kết quả cả năm 2016.

**12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng**

**12.1. Hội đồng quản trị**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Mai Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành
2	Dương Quang Thắng	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
3	Nguyễn Hồ Hưng	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập
4	Đặng Tiến Thành	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Lê Thạc Tuấn	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập

Các thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

**a. Mai Thanh Phương– Chủ tịch HĐQT**

- Họ và tên: Mai Thanh Phương
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 23/07/1971
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú: 17 ngõ 117 Thái Hà, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội
- CMND số: 030071000108 Ngày cấp: 31/03/2015 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQC về dân cư.
- Điện thoại liên hệ:
- Trình độ chuyên môn: - Kỹ sư ngành Địa chất trường Đại học Mỏ- Địa chất  
- Cử nhân Kinh tế ngành Kinh doanh thương mại trường Đại học Kinh tế quốc dân
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang ( Long Giang Land)
- Quá trình công tác

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
1995 - 1999	Công ty Seaprodex Quảng Ninh	Quản lý bán hàng thị trường tại khu vực phía Bắc
2000 - 2004	Công ty TNHH Thương mại vận tải du lịch	Giám đốc
2005 - 2007	Công ty Cổ phần Điện gia dụng Nagakawa	Giám đốc
2007 – 03/2014	Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2012 - 2013	Công ty CP Khoáng sản & Xây dựng 30/4 – Cao Bằng	Giám đốc Điều hành Mỏ
04/2017 - nay	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	Thành viên HĐQT
02/2014 - nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Chủ tịch HĐQT

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: 3.900.000 cổ phần, tương ứng 26,00% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan:

<b>Họ tên</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Số lượng CP nắm giữ</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
Mai Lâm Vũ	Con trai	500.000	3,33%
<b>Tổng</b>		<b>500.000</b>	<b>3,33%</b>

14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

15. Các khoản nợ đối với công ty: Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không có

17. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

**b. Dương Quang Thắng – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

1. Họ và tên: Dương Quang Thắng

2. Giới tính: Nam

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

---

3. Ngày sinh: 09/06/1972
4. Nơi sinh: Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Hộ khẩu thường trú: Tổ 24 – Trung Hòa – Cầu Giấy – Hà Nội
7. CMND số: 027072000074 Ngày cấp: 09/04/2015 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQC về dân cư.
8. Điện thoại liên hệ:
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Luật trường Đại học Luật Hà Nội
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc - Công ty ĐTTM và XNK Kinh Bắc
12. Quá trình công tác

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
1999 - 2001	Công ty PT KTQT Anh Vũ, Hà Nội	Giám đốc kinh doanh
2001 - 2005	Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam	Phó Tổng giám đốc
2005 - nay	Công ty ĐTTM và XNK Kinh Bắc	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
2014 - nay	Công ty TCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
  - Sở hữu cá nhân: 1.500.000 cổ phần, tương ứng 10,00% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan: Không có
14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
15. Các khoản nợ đối với công ty: Không có
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không có
17. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

---

**c. Nguyễn Hồ Hưng - Thành viên HĐQT**

1. Họ và tên: Nguyễn Hồ Hưng
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 16/08/1970
4. Nơi sinh: Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Hộ khẩu thường trú: Tổ 17, cụm 3, Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội
7. CMND số: 00107000022                      Ngày cấp: 25/03/2013                      Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
8. Điện thoại liên hệ:
9. Trình độ chuyên môn: Đại học
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Khai thác và chế biến khoáng sản Barit Cao Bằng, Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán An Phát.
12. Quá trình công tác

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
2007 - 2013	Công ty Cổ phần Đầu tư Đông Á	Tổng giám đốc
2008 - 2011	Công ty Cổ phần Khoáng sản Tây Giang	Thành viên HĐQT
2009 - 2011	Công ty TNHH CKC	Chủ tịch thành viên
09/2012 - nay	Công ty TNHH khai thác và chế biến khoáng sản Barit Cao Bằng	Chủ tịch HĐQT
05/2013 - nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát	Chủ tịch HĐQT
04/2017 - nay	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Thành viên HĐQT độc lập

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

---

- Sở hữu của người có liên quan: Không có
- 14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- 15. Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- 16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không có
- 17. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

**d. Đặng Tiến Thành - Thành viên HĐQT**

- 1. Họ và tên: Đặng Tiến Thành
- 2. Giới tính: Nam
- 3. Ngày sinh: 28/11/1978
- 4. Nơi sinh: Hà Nội
- 5. Quốc tịch: Việt Nam
- 6. Hộ khẩu thường trú: Tổ 29, Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội
- 7. CMND số: 024078000138                      Ngày cấp: 02/02/2016                      Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
- 8. Điện thoại liên hệ:
- 9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vận tải ngành Kỹ thuật khai thác kinh tế vận tải trường Đại học Giao thông vận tải
- 10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT
- 11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Timescom Toàn cầu, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Timescom Khiết Phong
- 12. Quá trình công tác

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
04/2002 – 08/2008	Công ty TNHH Tiếp vận Vinafaco	Chuyên viên phụ trách
09/2008 – 06/2014	Công ty TNHH Tiếp vận Vinafaco	Giám đốc
07/2014 - nay	Tổng Giám đốc Công ty CP Timescom Toàn cầu	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
07/2014 - nay	Công ty CP Timescom Khiết Phong	Chủ tịch HĐQT

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

05/2016 - nay	CTCP Sản xuất và Nhựa Pha Lê	Thành viên HĐQT
---------------	------------------------------	-----------------

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: 1.000.000 cổ phần, tương ứng 6,67% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

15. Các khoản nợ đối với công ty: Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không có

17. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

**e. Lê Thạc Tuấn - Thành viên HĐQT**

1. Họ và tên: Lê Thạc Tuấn
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 28/10/1971
4. Nơi sinh: Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Hộ khẩu thường trú: Số 240 phố Bạch Đằng, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
7. CMND số: 040071000162                      Ngày cấp: 14/10/2016                      Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
8. Điện thoại liên hệ:
9. Trình độ chuyên môn:                      - Kỹ sư mỏ - Trường ĐH Mỏ địa chất  
 - Cử nhân kinh tế - Trường ĐH Kinh tế quốc dân
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Điện gia dụng Nagakawa.
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/1993 – 12/1996	Công ty phát triển khoáng sản – Bộ công nghiệp	Kỹ sư
Từ 01/1997 –	Xí nghiệp đá ốp lát Medico Hà Nội-	Trưởng phòng kế hoạch



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

11/1997	Công ty khoáng sản – Bộ công nghiệp	
Từ 12/1997 – 07/1999	Xí nghiệp đá ốp lát Medico Hà Nội- Công ty khoáng sản – Bộ công nghiệp	Phó giám đốc
Từ 08/1999 – 07/2001	Xí nghiệp đá ốp lát Medico Hà Nội- thuộc công ty khoáng sản – Bộ công nghiệp	Giám đốc
Từ 08/2001 – 03/2003	Công ty phát triển khoáng sản – Bộ công nghiệp	Trưởng phòng kỹ thuật
Từ 04/2003 – 02/2005	Tổng hội đồng địa chất	Phó Giám đốc Trung tâm đá thiên nhiên
Từ 03/2005 – 01/2008	Công ty cổ phần Điện gia dụng Nagakawa	Phó Giám đốc
Từ 01/2005 - nay	Công ty cổ phần Điện gia dụng Nagakawa	Giám đốc
Từ 04/2017 - nay	Công ty CP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Thành viên HĐQT

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

15. Các khoản nợ đối với công ty: Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không có

17. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

**12.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trịnh Thị Bội Giao	Trưởng Ban kiểm soát
2	Vũ Ngọc Thúy	Thành viên Ban kiểm soát
3	Trần Thị Thanh Thúy	Thành viên Ban kiểm soát

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban kiểm soát như sau:

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

---

**a. Trịnh Thị Bội Giao – Trưởng Ban kiểm soát**

1. Họ và tên: Trịnh Thị Bội Giao
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 18/03/1976
4. Nơi sinh: Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Hộ khẩu thường trú: Số 38A tổ 45D, Khuong Mai, Thanh Xuân, Hà Nội
7. CMND số: 036176003564 Ngày cấp: 11/04/2017 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQC về dân cư.
8. Điện thoại liên hệ:
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Đại học Thương Mại
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Trưởng ban kiểm soát
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
12. Quá trình công tác

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
2005 - 2012	Công ty CP Picensa Việt Nam	Phó phòng kế toán
2012- 04/2017	Công ty CP G&P Mama sữa non	Trưởng phòng kế toán
04/2017 - nay	Công ty CP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Trưởng Ban kiểm soát

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan: Không có
14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
15. Các khoản nợ đối với công ty: Không có
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không có
17. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

**b. Vũ Ngọc Thúy - Thành viên Ban kiểm soát**

1. Họ và tên: Vũ Ngọc Thúy
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 11/11/1991
4. Nơi sinh: Hải Dương
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Hộ khẩu thường trú: 19 -12A – T4 Times City, Minh Khai, Hà Nội
7. CMND/ Hộ chiếu số: B5370447. Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh. Ngày cấp: 01/06/2011
8. Điện thoại liên hệ:
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Ban kiểm soát
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kiểm toán viên Công ty TNHH Mazars Việt Nam, Hà Nội
12. Quá trình công tác

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
01/2013 - nay	Công ty TNHH Mazars Việt Nam, Hà Nội	Kiểm toán viên
04/2017 - nay	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Thành viên Ban Kiểm soát

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan: Không có
14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
15. Các khoản nợ đối với công ty: Không có
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không có
17. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

**c. Trần Thị Thanh Thúy - Thành viên Ban kiểm soát**

1. Họ và tên: Trần Thị Thanh Thúy
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 14/04/1989
4. Nơi sinh: Bắc Ninh
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Hộ khẩu thường trú: P3 – A4 Khu biệt thự Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội
7. CMND số: 125546783. Nơi cấp: Bắc Ninh. Ngày cấp: 10/12/2009
8. Điện thoại liên hệ:
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: thành viên Ban kiểm soát
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán tại Công ty ĐTTM và XNK Kinh Bắc
12. Quá trình công tác

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
06/2015 – nay	Công ty ĐTTM và XNK Kinh Bắc	Kế toán
04/2017 - nay	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Thành viên Ban kiểm soát

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan: Không có
14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
15. Các khoản nợ đối với công ty: Không có
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không có
17. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

**12.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý**

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Dương Quang Thắng	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Trần Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Thị Tú	Kế toán trưởng

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban Giám đốc như sau:

**a. Dương Quang Thắng – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

Xem trong phần thông tin liên quan đến thành viên HĐQT

**b. Trần Hải Yến–Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: Trần Hải Yến
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 04/10/1980
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú: P415-H3, Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội
- CMND số: 001180013236 Ngày cấp: 16/08/2016 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQC về dân cư.
- Điện thoại liên hệ:
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó Tổng Giám Đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/2006 – 11/2009	Văn phòng đại diện Công ty Geotech International	Thư ký
12/2009 – 03/2013	Công ty TNHH Tat hong VietNam – TAT HONG Holding group	Trợ lý Giám đốc điều hành
04/2013 – 09/2015	Công ty Cổ phần Khoáng sản Pha Lê	Trợ lý Chủ tịch HĐQT kiêm TP HCNS

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

09/2015- 10/2016	Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đô thị Long Giang	Trợ lý Tổng giám đốc
10/2016 – 05/2017	Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đô thị Long Giang	TP. Tiếp thị & Truyền thông
06/2017 - nay	Công ty CP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Phó Tổng giám đốc

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: 101.000 cổ phần, tương ứng 0,67% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

15. Các khoản nợ đối với công ty: Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không có

17. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

**c. Nguyễn Thị Tú – Kế toán trưởng**

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Tú

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 06/08/1959

4. Nơi sinh: Hải Dương

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Hộ khẩu thường trú: TT K80A Xuân Đình, Từ Liêm, Hà Nội

7. CMND số: 011726540 Ngày cấp: 21/10/2011 Nơi cấp: CA Hà Nội.

8. Điện thoại liên hệ:

9. Trình độ chuyên môn: Kế toán – Trường Đại học Tài chính kế toán

10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Kế toán trưởng

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2008 – 08/2011	Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam	Kế toán trưởng
09/2011 – 02/2016	Tập đoàn Hà Minh Anh	TP. Tài chính Kế toán
03/2016 - nay	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Kế toán trưởng

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
- Sở hữu cá nhân: 21.000 cổ phần, tương ứng 0,14% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan: Không có
14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
15. Các khoản nợ đối với công ty: Không có
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không có
17. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

**13. Tài sản**

**13.1. Tài sản cố định**

**Bảng 18 - Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 30/06/2017**

*Đơn vị giá trị: đồng*

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>15.036.788.688</b>	<b>14.504.235.757</b>	96,46%
	Quyền sử dụng đất	15.036.788.688	14.504.235.757	96,46%
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>130.976.478.510</b>	<b>113.950.719.845</b>	87,00%
	Nhà cửa, vật kiến trúc	48.220.286.790	45.938.725.887	95,27%
	Máy móc thiết bị	71.981.560.966	59.143.717.896	82,17%
	Phương tiện vận tải	10.580.858.027	8.697.907.237	82,20%
	Thiết bị, dụng cụ quản lý	193.772.727	170.368.825	87,92%
	<b>Cộng</b>	<b>146.013.267.198</b>	<b>128.454.955.602</b>	87,97%

*Nguồn: BCTC kiểm toán 6 tháng/2017 của Nhựa Pha Lê*

**13.2. Tình hình sử dụng đất đai**

**Bảng 19 - Diện tích đất đai Công ty đang quản lý, sử dụng**

TT	Địa chỉ	Diện tích sử dụng	Thời hạn thuê	Phương án sử dụng đất	Ghi chú
1	Lô đất CN4.3 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải,	20.000 m <sup>2</sup>	50 năm (30/06/2057)	Xây dựng nhà máy hạt nhựa	Đất thuê trả tiền một lần

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

	Phường Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng				
2	Xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An	52.400 m <sup>2</sup>	22 năm (10/08/2037)	Khai thác mỏ đá Thung Hung	Đất thuê trả tiền hàng năm
	<b>Tổng cộng</b>	<b>72.400</b>			

Nguồn: Nhựa Pha Lê

**14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo**

**14.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2017-2018**

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018 <sup>(*)</sup>	
	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2016	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2017
Vốn điều lệ (triệu đồng) <sup>(**)</sup>	150.000	50%	150.000	-
Doanh thu thuần (triệu đồng)	350.000	161%	530.000	51,43%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	40.000	427%	70.000	75%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	11,4%	93%	13,21%	15,8%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	26,7%	251%	46,67%	75%
Cổ tức.	10%	42,86%	15%	50%

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 của Nhựa Pha Lê

(\*) Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 chỉ phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2017. Kế hoạch kinh doanh năm 2018 do Ban Tổng Giám đốc xây dựng và sẽ được trình thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2018

(\*\*) Mục đích của việc tăng vốn từ 100 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2017: Giai đoạn 2008 – 2014, Nhựa Pha Lê là một doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực khoáng sản (khai thác và bán đá CaCO<sub>3</sub>). Hoạt động kinh doanh giai đoạn này tương đối ổn định nên Công ty không có nhu cầu tăng vốn điều lệ. Năm bắt được xu thế thị trường và công nghệ sản xuất hạt Filler Masterbatch, năm 2014 Ban lãnh đạo Nhựa Pha Lê đã quyết định đầu tư dây chuyền nghiền tuyển đá tại Nghệ An và dây chuyền sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch tại Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Hải Phòng nhằm chuyển hướng kinh doanh từ doanh nghiệp khai thác khoáng sản sang một doanh nghiệp sản xuất trong ngành nhựa. Kết quả là, từ khi được đưa vào vận hành thương mại, hai dây chuyền sản xuất này đã giúp Nhựa Pha Lê đa dạng hóa sản phẩm, tăng tổng doanh thu gần gấp 4 lần từ 32 tỷ đồng năm 2015 lên 128 tỷ đồng năm 2016. Lợi nhuận sau thuế năm 2016 đạt 7,6 tỷ đồng,



tăng gần gấp 6 lần so với 1,3 tỷ đồng lợi nhuận năm 2015.

Việc đầu tư dây chuyền máy móc hiện đại (chủ yếu nhập khẩu) tốn nhiều nguồn lực, do đó Công ty phải huy động thêm vốn từ việc vay ngân hàng. Điều này khiến tỷ trọng nợ của Công ty ngày một tăng cao. Chỉ trong vòng 2 năm, từ năm 2014 đến năm 2016, Nợ phải trả của Nhựa Pha Lê đã tăng từ 28 tỷ đồng lên gần 149 tỷ đồng, chủ yếu đến từ vay ngân hàng (theo số liệu báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, 2016 của Công ty). Hệ số nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu tăng từ 0,28 năm 2014 lên 1,37 năm 2016. Dự nợ tăng cao không chỉ làm phát sinh thêm gánh nặng lãi vay (chi phí lãi vay tăng từ 27 triệu đồng năm 2014 lên hơn 5,8 tỷ đồng năm 2016), mà còn tạo ra nguy cơ mất cân đối tài chính cho Nhựa Pha Lê. Vì vậy, để đảm bảo lành mạnh hóa tình hình tài chính, tránh việc phụ thuộc vào nguồn vốn vay ngân hàng, năm 2017 các cổ đông đã quyết định góp thêm 50 tỷ đồng, tăng vốn điều lệ của Công ty thêm 50%. Số vốn điều lệ tăng thêm được Nhựa Pha Lê sử dụng vào mục đích mua thêm máy móc thiết bị cho dây chuyền sản xuất Filler Masterbatch tại Hải Phòng, cũng như bổ sung một phần vào vốn lưu động. Sau khi tăng vốn, kết quả kinh doanh của Công ty ngày càng khởi sắc. Doanh thu thuần 6 tháng đầu năm 2017 đạt hơn 144 tỷ đồng, tăng 7,78% so với năm 2016. Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 24 tỷ đồng, gấp hơn 03 lần lợi nhuận cả năm 2016. Như vậy, có thể thấy, việc tăng vốn điều lệ của Nhựa Pha Lê là hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tế, giúp Công ty đảm bảo cân đối tài chính, giảm gánh nặng lãi vay, đồng thời giúp bổ sung nguồn vốn kịp thời để mở rộng quy mô hoạt động nhằm gia tăng lợi nhuận. Dự kiến, những năm tới đây, doanh thu và lợi nhuận của Nhựa Pha Lê sẽ tiếp tục gia tăng, đảm bảo tối đa lợi ích của cổ đông Công ty.

#### **14.2. Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức**

Hội đồng quản trị Công ty đã cùng thảo luận và đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2017, sau khi phân tích và đánh giá các năng lực nội tại của công ty và tác động của các điều kiện thuận lợi, bất lợi từ bên ngoài. Cụ thể như sau:

✓ **Năng lực sản xuất của các nhà máy:**

Hiện nay, nhà máy sản xuất hạt nhựa tại Hải Phòng của Công ty đang hoạt động dựa trên 04 dây chuyền sản xuất hạt nhựa với công suất thiết kế là 4.500 tấn/ tháng. Công ty cũng đang tiến hành nhập 02 dây chuyền sản xuất hạt nhựa với công nghệ tiên tiến trên thế giới với công suất thiết kế là hơn 2.000 tấn/ tháng/ dây chuyền về để nâng cao năng lực sản xuất trong năm 2017. Dự kiến sau khi hoàn thành, tổng công suất thiết kế của nhà máy sẽ đạt 9.000 tấn/ tháng, đứng Top 3 cả nước và Top 10 thế giới về công suất sản xuất hạt nhựa. Đây được xem là một trong những yếu tố quan trọng để HĐQT đưa ra kế hoạch doanh thu và lợi nhuận nêu trên.

✓ **Tình hình thị trường cho dòng sản phẩm chủ lực của Công ty:**

Với những ứng dụng rộng rãi của sản phẩm hạt nhựa Filler Masterbatch, nhu cầu về sản phẩm của Nhựa Pha Lê đang ngày càng tăng cao, không chỉ trong nước mà cả trên thị trường quốc tế.

Lĩnh vực bao bì nhựa tại Việt Nam được đánh giá là một ngành khá hấp dẫn với mức tăng trưởng trung bình 15% – 20% mỗi năm. Tuy nhiên, từ đầu 2017 đến nay, các doanh nghiệp sản xuất bao bì nhựa đang đứng trước một mối lo rất lớn về nguyên liệu đầu vào. Đó là hạt nhựa PP phải chịu mức thuế nhập khẩu mới lên tới 3%. Hạt nhựa PP là nguyên liệu chính của cả ngàn doanh nghiệp sản xuất bao bì nhựa hiện nay. Mặt hàng này phải nhập khẩu tới 80%, vì vậy việc áp dụng biểu thuế nhập khẩu mới đã tác động trực tiếp đến giá thành sản phẩm, và gián tiếp đến năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt trong mối tương quan với các doanh nghiệp nước ngoài. Bên cạnh đó, ngành bao bì trong nước được dự đoán sẽ phải đối đầu với nhiều thách thức lớn về mặt công nghệ khi yêu cầu của các khách hàng đối với nhà sản xuất ngày càng khắt khe, đòi hỏi bao bì phải mỏng, nhẹ, thân thiện với môi trường, phải thiết kế và in ấn đẹp mắt, ấn tượng. Theo giới phân tích, để giữ vững thị phần cũng như nâng cao khả năng xuất khẩu đến những thị trường mới, các doanh nghiệp sản xuất cần phải không ngừng phát triển quy mô theo cả chiều rộng lẫn chiều sâu bằng việc cải tiến công nghệ, đổi mới máy móc thiết bị. Thêm nữa, yếu tố nguyên liệu thay thế một phần nào đó hạt nhựa PP cũng là một hướng mà các doanh nghiệp đang tìm kiếm. Trong ngành nhựa hiện nay, hạt độn nhựa Filler Masterbatch (hạt Taical) đang được xem là chất phụ gia duy nhất có thể giúp doanh nghiệp sản xuất sản phẩm nhựa đặc biệt là lĩnh vực bao bì thay thế cho một phần nguyên liệu PP nhập khẩu. Với những ưu điểm vượt trội so với các sản phẩm nhựa truyền thống như khả năng phân tán tốt, giúp cải thiện khả năng chống ma sát bề mặt, ổn định nhiệt, độ dai, độ cứng, tăng trọng lượng riêng của sản phẩm, giúp hạ giá thành cho các sản phẩm từ nhựa và đặc biệt là thân thiện với môi trường (phân hủy hoàn toàn trong khoảng từ 10-20 năm), nhu cầu về sản phẩm Filler Masterbatch dự kiến ngày càng tăng cao.

Hiện nay, toàn bộ sản phẩm hạt nhựa Filler Masterbatch do Nhựa Pha Lê sản xuất đều đã được các đối tác nước ngoài đặt hàng và mua toàn bộ, sản lượng sản xuất đang chưa đủ đáp ứng nhu cầu xuất khẩu. Những năm tiếp theo, Công ty sẽ đầu tư thêm dây chuyền máy móc để tăng sản lượng, nhằm đáp ứng đủ nhu cầu xuất khẩu và tiến tới bán hàng cho các doanh nghiệp nội địa để hỗ trợ sự phát triển chung của ngành nhựa tại Việt Nam.

✓ **Sự ổn định của thị trường nguyên vật liệu đầu vào:**

Với lợi thế là người chủ sở hữu mỏ đá trắng tại mỏ đá Thung Hung – Quỳ Hợp – Nghệ An, Nhựa Pha Lê luôn có nguồn nguyên liệu chủ động. Đây là yếu tố tiên quyết để đảm bảo sự ổn định về giá thành cũng như chất lượng sản phẩm đầu ra của Công ty.

Từ năm 2014, giá dầu mỏ thế giới giảm nhanh từ 100 USD/thùng về xung quanh mức 50 USD/thùng (tháng 6 năm 2017), dẫn đến giá bán các sản phẩm nhựa cũng theo đà giảm nhanh. Tuy nhiên việc sở hữu mỏ đá đã giúp cho Nhựa Pha Lê vẫn giữ được giá thành sản xuất thấp hơn giá bán. Đồng thời, nhờ nhu cầu thị trường vẫn đang ở mức cao, giá bán sản phẩm hạt nhựa của Công ty được giữ vững, qua đó đảm bảo mục tiêu doanh thu và lợi nhuận.

Trong 6 tháng đầu năm 2017, Công ty đạt doanh thu thuần 145 tỷ và lợi nhuận sau thuế đạt 24 tỷ đồng, gấp hơn 3 lần lợi nhuận cả năm 2016. So với kế hoạch cả năm Công ty cũng đã thực hiện được 41% kế hoạch doanh thu nhưng lợi nhuận sau thuế đã đạt 62% kế hoạch đề ra.

## **15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh**

### **❖ Định hướng chung**

- Công ty đặt mục tiêu phát triển bền vững, duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân 20% hằng năm, giữ vững vị trí là một trong những đơn vị hàng đầu về sản xuất chất độn và phụ gia ngành nhựa của Việt nam. Mục tiêu của Nhựa Pha Lê là trở thành công ty khai thác, sản xuất và xuất khẩu Filler Masterbatch hàng đầu tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.
- Định vị thương hiệu công ty bằng việc hoạch định chiến lược marketing năng động, phù hợp hướng tối ưu. Chú trọng công tác bảo vệ và phát triển thương hiệu, duy trì mối quan hệ tốt với cộng đồng doanh nghiệp, giới truyền thông, chính quyền các cấp để liên tục duy trì, phát triển tốt hình ảnh doanh nghiệp, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho công ty.
- Công ty định hướng lấy công nghệ hiện đại làm nền tảng cho sự phát triển và lấy chất lượng sản phẩm làm trung tâm. Áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến, hiện đại của thế giới, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến công nghệ sản xuất tự động hóa và công nghệ thông tin, công cụ hỗ trợ làm việc nhằm nâng cao năng suất lao động, cảnh báo được các rủi ro có thể gặp phải, giảm chi phí, giảm hao hụt nguyên vật liệu, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất.
- Định hướng phát triển nguồn nhân lực để tạo lợi thế cạnh tranh, công ty hướng đến chính sách lương thưởng cạnh tranh, các chế độ đãi ngộ cho nhân viên và người thân, các chính sách phát

triển nghề nghiệp, trên tinh thần cởi mở, hợp tác để người lao động yên tâm công tác.

❖ **Định hướng sản xuất**

Với định hướng thị trường cho các sản phẩm tự hủy sẽ ngày càng được ưa chuộng, nhu cầu về sản phẩm hạt độn nhựa của Công ty sẽ ngày càng tăng cao. Vì vậy, việc đẩy mạnh sản xuất sản phẩm hạt nhựa sẽ là mục tiêu chính của Công ty trong những năm tới. Ban lãnh đạo Công ty định hướng đưa Nhựa Pha Lê trở thành 01 trong 03 đơn vị cung cấp sản phẩm hạt nhựa lớn nhất cả nước trong năm 2017 và phấn đấu lọt TOP 10 doanh nghiệp cung cấp hạt nhựa lớn nhất trên toàn thế giới trong năm 2018.

Hiện nay, Nhựa Pha Lê Công ty đã dần hoàn thiện việc đầu tư giai đoạn 1 của Nhà máy sản xuất hạt CaCO<sub>3</sub> Filler Masterbatch tại Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ, TP. Hải Phòng với tổng mức đầu tư được phê duyệt là hơn 147 tỷ đồng. Nhà máy đi vào hoạt động với công suất thiết kế hơn 4.500 tấn/ tháng sản xuất mặt hàng cao cấp chuyên phục vụ xuất khẩu sang các thị trường như Trung Đông, Châu Âu, Bắc Mỹ, ... và một số nước tiên tiến khác có nhu cầu. Trong những năm tới, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư vào giai đoạn 2 của Nhà máy nhằm nâng tổng công suất lên khoảng 9.000 tấn/ tháng với mục tiêu sản xuất sản phẩm đáp ứng cho các thị trường xuất khẩu khác.

Bên cạnh đó, Ban Tổng giám đốc Công ty cũng không ngừng đầu tư cải tiến máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng suất lao động. Các cán bộ kỹ thuật của Công ty được gửi đi đào tạo nâng cao tay nghề. Đồng thời, Công ty cũng đang đưa vào áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến hiện đại của thế giới đặc biệt là vấn đề về công nghệ sản xuất và công nghệ thông tin, công cụ hỗ trợ làm việc nhằm làm tăng năng suất lao động, cảnh báo nhanh các rủi ro có thể gặp phải, giảm chi phí, giảm hao hụt nguyên vật liệu, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất...

❖ **Định hướng thị trường**

Về thị trường sản phẩm, Hội đồng quản trị Nhựa Pha Lê xác định sản phẩm Công ty chủ yếu được xành cho xuất khẩu với đích đến là các nước Trung Đông, EU, Mỹ, Ấn Độ và một số nước phát triển tại Châu Á, do lợi thế về việc thanh toán tốt và đơn hàng dài kỳ. Mặt hàng xuất khẩu chủ lực sẽ là các sản phẩm Filler MasterBatch của Công ty. Bên cạnh xuất khẩu, Công ty cũng sẽ dần chú trọng đến việc sản xuất các sản phẩm đáp ứng nhu cầu trong nước, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất bao bì, nhựa tự phân hủy.

❖ **Phát triển bền vững**

Bên cạnh việc đẩy mạnh sản xuất, định hướng phát triển của Nhựa Pha Lê cũng luôn lưu ý đến các yếu tố để phát triển bền vững. Quá trình sản xuất của Nhựa Pha Lê được khách hàng đánh giá cao, với hệ thống nhà xưởng hiện đại, sạch đẹp, quy trình xử lý chất thải khép kín, đảm bảo chất lượng. Hoạt động của Công ty đạt chuẩn quốc tế ISO 9001:2015 về tiêu chuẩn chất lượng và ISO 14001:2015 về tiêu chuẩn môi trường. Sản phẩm hạt nhựa của Công ty với thành phần chủ yếu là bột đá CaCO<sub>3</sub> được đánh giá là thân thiện với môi trường hơn các sản phẩm nhựa truyền thống, có thời gian tự phân hủy hoàn toàn từ 10-15 năm (thấp hơn nhiều thời gian phân hủy lên đến hàng trăm năm của sản phẩm nhựa truyền thống), do đó luôn đạt các tiêu chuẩn khắt khe của các thị trường khó tính trên thế giới. Các nguyên liệu hóa chất phụ gia đầu vào cũng được nhập khẩu từ những nguồn có uy tín và trải qua quá trình kiểm soát chất lượng chặt chẽ, được đưa vào dây chuyền sản xuất khép kín nên ít có khả năng bị rò rỉ ra bên ngoài.

**16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) đã tiến hành khảo sát Công ty, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty qua các năm 2015 -2016; căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết cũng như sự tăng trưởng nhu cầu về các sản phẩm dịch vụ của Công ty giai đoạn 2017 - 2018, với việc áp dụng đồng bộ các giải pháp phát triển kinh doanh, trong trường hợp nền kinh tế vĩ mô không có biến động lớn theo hướng tiêu cực thì SHS đánh giá kế hoạch doanh thu của Công ty được xây dựng một cách hợp lý.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

**17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết**

Không có.

**18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết**

Không có.

## **V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

### **1. Loại chứng khoán**

Cổ phiếu phổ thông

### **2. Mệnh giá**

10.000 đồng/ cổ phần

### **3. Tổng số chứng khoán niêm yết:**

15.000.000 cổ phiếu

### **4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng**

#### **a) Hạn chế chuyển nhượng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người có liên quan của công ty**

Theo quy định tại điểm đ, khoản 1 điều 54 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán: “*Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.*”

Như vậy, tổng số cổ phiếu của bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại nghị định 58/2012/NĐ-CP của Công ty là 6.522.000 cổ phiếu (chiếm 43,48% vốn điều lệ) trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 3.261.000 cổ phiếu (chiếm 21,74 % vốn điều lệ) trong vòng 6 tháng tiếp theo.

#### **b) Hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập**

Về việc hạn chế chuyển nhượng số cổ phiếu của các cổ đông sáng lập, như đã giải thích ở mục IV-4, số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng là 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

### **5. Phương pháp tính giá**

#### **❖ Giá trị sổ sách của cổ phiếu PLP**

Giá trị sổ sách của Cổ phiếu cũng là một trong những căn cứ làm cơ sở để cùng với các yếu tố

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

---

khác để nhà đầu tư tham khảo tính toán mức giá phù hợp cho cổ phiếu của Công ty. Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị 1 Cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

**Tại ngày 31/12/2016:**

Giá trị vốn chủ sở hữu của Công ty tại 31/12/2016 là 108.920.425.426 đồng.

Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại 31/12/2016 là: 10.000.000 cổ phiếu.

Vậy, giá trị sổ sách của cổ phiếu PLP tại thời điểm 31/12/2016 là:

$$\text{Giá trị 1 cổ phiếu} = \frac{108.920.425.426}{10.000.000} = 10.892 \text{ đồng/ cổ phiếu}$$

**Tại ngày 30/06/2017:**

Giá trị vốn chủ sở hữu của Công ty tại 30/06/2017 là 176.624.121.486 đồng.

Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại 30/06/2017 là: 15.000.000 cổ phiếu.

Vậy, giá trị sổ sách của cổ phiếu PLP tại thời điểm 30/06/2017 là:

$$\text{Giá trị 1 cổ phiếu} = \frac{176.624.121.486}{15.000.000} = 11.775 \text{ đồng/ cổ phiếu}$$

❖ **Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B**

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = BVS * P/B \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- BVS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu
- P/B bình quân là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh hoặc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Giá trị P/B của một số doanh nghiệp niêm yết cùng ngành

(Đơn vị giá trị: đồng)

TT	Mã CK	Tên công ty	Giá đóng cửa 03/08/2017	BVS tại 31/12/2016	P/B
1	HII	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	30.250	13.689	2,21
2	SPP	Bao bì Nhựa Sài Gòn	25.400	19.266	1,32
3	NHP	Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP	3.800	3.800	0,37
4	HNP	Công ty Cổ phần Hanel Xốp nhựa	24.000	24.000	1,08
5	PBP	Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	17.200	17.200	1,28
<b>P/B bình quân</b>					<b>1,25</b>

*Nguồn: tính toán từ BCTC kiểm toán năm 2016 của các công ty*

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016, giá trị của cổ phiếu PLP khi tính theo phương pháp P/B như sau:

Diễn giải	Đơn vị	Giá trị
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVS)	Đồng/cổ phiếu	10.892
P/B bình quân đại diện ngành		<b>1,25</b>
<b>Giá cổ phiếu</b>	<b>đồng/cổ phiếu</b>	<b>13.615</b>

❖ **Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/E**

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS * P/E \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu ( theo phương pháp P/E)
- EPS: Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu
- P/E bình quân là giá chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh hoặc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Cụ thể giá trị của cổ phiếu PLP khi tính theo phương pháp P/E:

(Đơn vị giá trị: đồng)

TT	Mã CK	Tên công ty	Giá đóng cửa 03/08/2017	EPS năm 2016	P/E
1	HII	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	30.250	1.277	23,69
2	SPP	Bao bì Nhựa Sài Gòn	25.400	1.581	16,07
3	NHP	Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP	3.800	292	13.01
4	HNP	Công ty Cổ phần Hanel Xốp nhựa	24.000	3.814	6.29
5	PBP	Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	17.200	1.805	9.53
<b>P/B bình quân</b>					<b>13,72</b>

*Nguồn: tính toán từ BCTC kiểm toán năm 2016 của các công ty*

Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 là: 759 đồng/cổ phiếu (tính theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).

Giá trị cổ phần theo phương pháp P/E:  $759 \times 13,72 = 10.413$  đồng/cp

❖ **Tổng hợp kết quả định giá theo các phương pháp định giá**

STT	Phương pháp định giá	Tỷ trọng	Giá trị cổ phiếu
1	P/B	50%	13.615
2	P/E	50%	10.413
<b>Bình quân</b>		<b>100%</b>	<b>12.014</b>

*Trên cơ sở các phương pháp định giá nêu trên, cùng với quan điểm thận trọng trước những biến động bất thường của thị trường chứng khoán, mức giá tham chiếu cho phiên giao dịch đầu tiên của cổ phiếu PLP dự kiến là 12.000 đồng/cổ phiếu.*

**6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Hiện nay, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê không có quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Ngày 26/06/2015, Thủ tướng chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một

số điều của Luật Chứng khoán, trong đó có quy định về tỷ lệ sở hữu của bên nước ngoài tại thị trường chứng khoán Việt Nam. Tuy nhiên, do hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn chi tiết về tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại các ngành nghề kinh doanh cụ thể của Công ty, lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Nhựa Pha Lê sẽ tạm thời được áp dụng là 49%.

Tại thời điểm ngày 03/07/2017, theo danh sách chốt cổ đông của Nhựa Pha Lê, Công ty không có cổ đông nước ngoài.

## **7. Các loại thuế có liên quan**

### **b) Thuế áp dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty**

Căn cứ theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 được Quốc Hội ban hành ngày 19/06/2013, từ 01/01/2014, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Đối với hoạt động sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch, căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013, căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 022 21 000087 do Ban Quản lý Khu Kinh Tế Hải Phòng cấp ngày 08/10/2014, Công ty chịu thuế suất thuế TNDN là 10%/năm trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu (2016) và mức thuế suất áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam trong các năm tiếp theo, đồng thời Công ty được miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế (2016).

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện nghĩa vụ thuế khác như: thuế giá trị gia tăng, thuế sử dụng đất, thuế môi trường, thuế môn bài...

### **c) Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Công ty**

#### **❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân**

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 26/2012/QH13, ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27/06/2013 của Chính phủ về các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- ✓ Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- ✓ Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng

khoán) được xác định như sau:

- Nếu cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
  - Nếu người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
  - Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần
- ✓ Kỳ tính thuế:
- Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
  - Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

❖ **Đối với nhà đầu tư tổ chức**

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau: Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất. Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.
- Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau: Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

## **VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**

### **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**

#### **CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON**

Địa chỉ: Tầng 18, Tháp Quốc tế Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội  
Điện thoại: 024. 3850 1686  
Website: [www.grantthornton.com.vn](http://www.grantthornton.com.vn)

### **TỔ CHỨC TƯ VẤN**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tầng 3, TT Hội nghị công đoàn, số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: 04.38181888 Fax: 04.38181688  
Website: <http://www.shs.com.vn>



Biến cơ hội thành giá trị

#### **CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, Số 236-238 Ng. Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Điện thoại: (08) 39151368 Fax: (08) 39151369

#### **CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Số 97 đường Lê Lợi, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng  
Điện thoại: 0511.3525777 Fax: 0511.3525779

## **VII. PHỤ LỤC**

**Phụ lục 1.** Danh sách người sở hữu chứng khoán chuyển nhượng có điều kiện

**Phụ lục 2.** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

**Phụ lục 3.** Điều lệ công ty

**Phụ lục 4.** Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến công ty

**Phụ lục 5.** Báo cáo tài chính




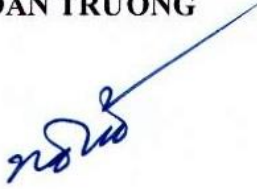
**Các phụ lục khác**

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

---

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2017

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**

 <b>CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT</b> 
<b>Mai Thanh Phương</b>	<b>Trịnh Thị Bội Giao</b>
<b>TỔNG GIÁM ĐỐC</b> 	<b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b> 
<b>Dương Quang Thắng</b>	<b>Nguyễn Thị Tú</b>

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**

  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**Vũ Đức Tiến**